

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC

BẢN CÁO BẠCH



SỐ: 708 / PH
26 / 12 / 13

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0300384357 đăng ký lần đầu ngày 28/03/2005 và đăng ký thay đổi lần 06 ngày 26/08/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số: ..7.9../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 12 năm 2013.)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG

Địa chỉ: 190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3969 2272

Fax: (84-8) 3969 2843

Website: www.rdplastic.com.vn

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3934 3137

Fax: (84-4) 3936 0262

Website: www.vCBS.com.vn

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Bà Nguyễn Thị Thu Cúc

Chức vụ: Giám đốc Phòng Hành chính-Nhân sự

Điện thoại: (84-8) 3969 2272

Hà Thị Hương

26/12

LC

Hà Thị Hương 27/12/13

C Hoa

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0300384357 đăng ký lần đầu ngày 28/03/2005 và đăng ký thay đổi lần 06 ngày 26/08/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số:/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày tháng năm 201...)

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG

Địa chỉ: 190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3969 2272

Fax: (84-8) 3969 2843

Website: www.rdplastic.com.vn

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3934 3137

Fax: (84-4) 3936 0262

Website: www.vCBS.com.vn

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Bà Nguyễn Thị Thu Cúc

Chức vụ: Giám đốc Phòng Hành chính-Nhân sự

Điện thoại: (84-8) 3969 2272

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300384357 đăng ký lần đầu ngày 28/03/2005 và đăng ký thay đổi lần 06 ngày 26/08/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp)



Since 1960

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng chào bán	: 2.875.000 cổ phiếu
Giá chào bán	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Đối tượng chào bán	: Cổ đông hiện hữu
Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá	: 28.750.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT

Địa chỉ: 29 Hoàng Sa, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3910 3908

Fax: (84-8) 3910 4880

TỔ CHỨC TƯ VẤN:



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3934 3137

Fax: (84-4) 3936 0262

Website: www.vCBS.com.vn

**MỤC LỤC**

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1.1. Rủi ro về kinh tế	6
1.2. Rủi ro luật pháp	8
1.3. Rủi ro đặc thù ngành	9
1.4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.....	10
1.5. Rủi ro pha loãng cổ phiếu.....	11
1.6. Rủi ro khác	14
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	15
2.1 Tổ chức phát hành	15
2.2 Tổ chức tư vấn.....	15
III. CÁC KHÁI NIỆM/ĐỊNH NGHĨA/CÁC TỪ VIẾT TẮT	16
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	17
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	17
2. Cơ cấu tổ chức Công ty	22
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	23
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan; Cơ cấu cổ đông	27
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.....	28
5.1. Danh sách những công ty mẹ của tổ chức phát hành	28
5.2. Danh sách những công ty con của tổ chức phát hành: Không có.....	28
5.3. Danh sách những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối	28
5.4. Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành	28
6. Quá trình tăng vốn của Công ty.....	29
7. Hoạt động kinh doanh	29
8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	44

9.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	46
10.	Chính sách đối với người lao động.....	48
11.	Chính sách cổ tức	51
12.	Tình hình tài chính	51
13.	Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát	58
14.	Tài sản	68
15.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2013	69
16.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	69
17.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành	70
18.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu phát hành	70
V.	CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....	71
1.	Loại cổ phiếu.....	71
2.	Mệnh giá.....	71
3.	Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán.....	71
4.	Giá chào bán dự kiến.....	71
5.	Phương pháp tính giá.....	71
6.	Phương thức phân phối.....	72
7.	Thời gian phân phối cổ phiếu.....	72
8.	Đăng ký mua cổ phiếu.....	72
9.	Phương thức thực hiện quyền.....	73
10.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	73
11.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	73
12.	Các loại thuế có liên quan	73
12.1.	Đối với Công ty	73
12.2.	Đối với nhà đầu tư	74
13.	Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	75
VI.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	76
1.	Mục đích chào bán	76
2.	Phương án khả thi.....	76
2.1.	Mua sắm máy móc thiết bị	76
2.2.	Dự án xây dựng Nhà máy Tiên Sơn-Bắc Ninh	81
2.3.	Kết luận	88



VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	89
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	89
1. Tổ chức tư vấn.....	89
2. Tổ chức kiểm toán.....	90
3. Ý kiến của tổ chức tư vấn.....	90
IX. PHỤ LỤC	92

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1.1. Rủi ro về kinh tế

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của một công ty là căn cứ cơ bản và khá phổ biến cho quyết định của nhà đầu tư. Công ty hiện kinh doanh trong ngành nhựa, sản phẩm của Công ty đa dạng chủ yếu phục vụ cho các nhu cầu như tiêu dùng, công nghiệp, xây dựng, trang trí nội thất, chế biến thực phẩm và các ngành công nghiệp sử dụng sản phẩm bao bì, giả da, màng mỏng... Đây là ngành công nghiệp có nhiều biến động do vậy hầu hết những chính sách phát triển kinh tế của đất nước cũng như sự tăng hay giảm chung về tốc độ phát triển của nền kinh tế cũng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến ngành và tác động mạnh đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

❖ *Tăng trưởng kinh tế:*

Kết thúc 9 tháng đầu năm 2013, tình hình kinh tế thế giới tuy vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức nhưng đã có một số dấu hiệu khả quan. Động thái giữ nguyên gói QE3 mới đây của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đồng thời một số dự báo của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) hay Ngân hàng Thế giới (World Bank) về tăng trưởng kinh tế toàn cầu thấp hơn so với dự báo ban đầu (từ 2%-2,3% trong năm 2013, dự báo ban đầu là 2,3%-2,8%) cho thấy tăng trưởng kinh tế toàn cầu chưa thực sự hồi phục ổn định và nhiều khả năng sẽ tiếp tục tăng trưởng chậm hơn so với kỳ vọng. Mặc dù vậy, chỉ số sản xuất PMI của một số nền kinh tế lớn như Mỹ, Nhật, Trung Quốc, khu vực Châu Âu đang có nhiều dấu hiệu tích cực hơn thể hiện qua số lượng đơn đặt hàng gia tăng trong các quý gần đây, cụ thể chỉ số PMI sản xuất của Mỹ do Markit công bố luôn ở trên mức 50 điểm trong 3 tháng gần đây, tương tự PMI của Châu Âu và một số nước Châu Á như Nhật, Trung Quốc cũng duy trì trên mức 50 điểm và tăng dần qua các tháng. Điều này cho thấy sự nỗ lực thoát khỏi suy thoái của các nhóm nước này.

Về tình hình trong nước, theo Tổng Cục Thống kê Việt Nam, qua ba quý đầu năm 2013, kinh tế Việt Nam đang dần có nhiều sự cải thiện, mặc dù tốc độ phục hồi còn chậm nhưng đã có những dấu hiệu tích cực hơn. Tốc độ tăng trưởng GDP trong Quý III ghi nhận mức tăng 5,54%, cao hơn đáng kể so với mức tăng 4,76% của Quý I và 5,00% của Quý II. Tính chung cả 9 tháng, GDP tăng 5,14% so với cùng kỳ năm trước, tăng nhẹ so với con số 5,10% của cùng kỳ năm 2012. Trong quý IV, theo yếu tố mùa vụ, tăng trưởng GDP theo quý được kỳ vọng sẽ đạt mức cao nhất trong năm, GDP cả năm 2013 được dự báo tăng trưởng 5,3%. Đây là tín hiệu tích cực cho thấy việc định hướng và thực thi chính sách với mục tiêu đảm bảo sự ổn định của nền kinh tế đồng thời nói lỏng chính sách tiền tệ và tài khóa một cách thận trọng để hỗ trợ tăng trưởng là hợp lý và đang dần phát huy hiệu quả. Mặc dù vậy, tình hình kinh tế trong nước nói chung vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Sự suy thoái của kinh tế thế giới đã thu hẹp thị trường xuất khẩu, thị trường vốn và tác động tiêu cực đến kinh tế-xã hội của nước ta. Trong bối cảnh đó, tất yếu hoạt động kinh doanh của Công ty cũng không thể tách rời và chịu ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp từ sự suy thoái của nền kinh tế toàn cầu cũng như kinh tế trong nước. Sản xuất kinh doanh trong nước mặc dù đã có chuyển biến tích cực nhưng tốc độ vẫn chậm. Mức tiêu thụ sản phẩm hàng hóa chưa cao, nhất là khu vực sản xuất trong nước, hàng tồn kho vẫn còn cao. Lĩnh vực tài chính ngân hàng vẫn

đang trong quá trình tái cấu trúc, tình trạng nợ xấu trong hệ thống ngân hàng chưa được giải quyết.

Tốc độ tăng trưởng GDP thấp sẽ làm cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, hàng tồn kho tăng cao. Theo đánh giá chung, năm 2013 được nhận định vẫn là năm khá khắc nghiệt đối với hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và của Công ty nói riêng, đặt Công ty trước tình thế phải đổi mới, vươn lên và có những chính sách kinh doanh linh hoạt.

❖ **Lạm phát:**

Theo Tổng Cục Thống kê Việt Nam, chỉ số giá tiêu dùng bình quân 9 tháng đầu năm 2013 tăng 6,83% so với bình quân cùng kỳ năm 2012. Riêng trong Quý III chỉ số giá tiêu dùng CPI đã có mức tăng khá đột biến so với các tháng trong Quý II, đặc biệt là trong tháng 8 (0,83% so với tháng trước) và tháng 9 (1,06% so với tháng trước). Điều này chủ yếu là do việc tăng giá mạnh của một số nhóm hàng như dịch vụ y tế, giáo dục vào mùa tựu trường, giao thông sau ảnh hưởng của những đợt điều chỉnh giá xăng dầu. Mặc dù có sự gia tốc qua từng tháng nhưng nếu so với cùng kỳ năm 2012 thì lạm phát đã được kiểm soát tốt hơn và có dấu hiệu hạ nhiệt.

Mặc dù vậy, nhìn chung mặt bằng giá cả còn cao, sự tăng giá của hàng loạt các mặt hàng thiết yếu như xăng dầu, điện, nguyên liệu sản xuất... ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của người dân, đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Công ty.

❖ **Lãi suất:**

Trong những năm vừa qua, nhu cầu vay vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cao. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) và các ngân hàng thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và chiến lược phát triển của Công ty.

Hiện tại, mặt bằng lãi suất huy động và lãi suất cho vay đã giảm đáng kể so với các năm trước và đang được duy trì khá ổn định trong 6 tháng trở lại đây. Sau sự kiện tăng tỷ giá và giảm trần lãi suất huy động dưới 6 tháng xuống 7% vào cuối tháng 6, lãi suất huy động có chiều hướng giảm nhẹ khoảng 0,5%-1% ở các kỳ hạn so với thời điểm cuối Quý II và duy trì khá ổn định quanh mức 7% trong Quý III. Trong khi đó, lãi suất cho vay vẫn phổ biến ở mức từ 7%-10%/năm cho các kỳ hạn ngắn và 11%-13%/năm cho các kỳ hạn dài.

Trước đó, ngày 25/03/2013, NHNN đã có quyết định điều chỉnh giảm lãi suất tái cấp vốn từ 9%/năm xuống còn 8%/năm; lãi suất tái chiết khấu từ 7%/năm xuống 6%/năm; lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với các ngân hàng từ 10%/năm xuống 9%/năm theo Quyết định số 643/QĐ-NHNN.

Cùng với việc ban hành quyết định trên, NHNN cũng ban hành Thông tư số 08/2013/TT-NHNN quy định về lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng VND của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng (TCTD), chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Với lãi suất tiền gửi không kỳ hạn đến dưới 1

tháng, NHNN giữ nguyên mức 2%/năm như trước; còn lãi suất tối đa với các khoản tiền kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 12 tháng giảm từ 8%/năm xuống 7,5%/năm.

Lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 12 tháng tại quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô giảm từ 8,5% xuống 8%/năm. Lãi suất tiền gửi kỳ hạn từ 12 tháng trở lên do TCTD ấn định trên cơ sở cung cầu vốn của thị trường.

Bên cạnh đó, NHNN cũng ban hành Thông tư số 09/2013/TT-NHNN ngày 25/03/2013 quy định lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của TCTD đối với các lĩnh vực ưu tiên như nhu cầu vốn phục vụ nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao giảm từ 12% xuống 11%/năm.

❖ **Tỷ giá hối đoái:**

Hiện nay, Công ty phải nhập khẩu nguồn nguyên liệu đầu vào từ các nước như Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Trung Quốc... sau đó xuất khẩu thành phẩm cho các nước khu vực Đông Nam Á, Châu Á, Châu Phi, Trung Đông... Vốn vay ngoại tệ của RDP chiếm tỷ trọng khá lớn do vậy khi thay đổi tỷ giá thì kết quả kinh doanh sẽ ảnh hưởng đáng kể, hơn nữa tỷ lệ nhập khẩu nguyên vật liệu chiếm gần 50% nên khi tỷ giá tăng sẽ làm tăng chi phí giảm lợi nhuận của Công ty.

Sau đợt điều chỉnh tỷ giá liên ngân hàng vào cuối tháng 6, tỷ giá được duy trì ổn định ở mức 21.036 VND/USD trong suốt thời gian qua. Điều này giúp Công ty kiểm soát được yếu tố rủi ro về tỷ giá.

1.2. Rủi ro luật pháp

Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ năm 2005 nên mọi hoạt động của Công ty đều chịu ảnh hưởng của bởi các quy định của pháp luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Chứng khoán, các luật về thuế... và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Trước đây, hệ thống pháp luật của Việt Nam vẫn còn thiếu tính ổn định và không nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành không đầy đủ, thiếu tính cập nhật, chồng chéo. Việc áp dụng pháp luật vào thực tế cuộc sống còn nhiều bất cập, tính thực thi đôi khi không cao, do vậy sẽ ảnh hưởng đến công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn. Mặt khác, do đặc thù của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại nên việc thay đổi các chính sách pháp luật về thuế sẽ luôn ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Khi trở thành thành viên của WTO, Việt Nam phải tuân theo luật chung và chấp nhận các thay đổi về chính sách thuế xuất nhập khẩu với những ưu đãi về thuế quan theo những cam kết của Việt Nam khi tham gia và ký kết những hiệp định chung về thương mại. Những công ty xuất khẩu nói chung và Công ty nói riêng sẽ chịu nhiều thiệt thòi nếu không tìm hiểu kỹ hoặc không thực hiện hiện đúng quy định của các nước sở tại.

Hiện nay, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của nước ta đã dần hoàn thiện và luôn được thay đổi cho phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, hệ thống văn bản này còn phải tiếp tục điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Do vậy, việc nâng cao tính ổn định về các chính sách pháp luật của Nhà nước là hết sức cần thiết cho các doanh

ngành, đặc biệt khi nền kinh tế Việt Nam đang từng bước hòa nhịp với sự vận động và phát triển không ngừng của nền kinh tế thế giới. Điều này cũng tạo được điều kiện thuận lợi hơn để Công ty có thể đưa ra các kế hoạch kinh doanh.

1.3. Rủi ro đặc thù ngành

❖ Nguyên vật liệu:

Ngành nhựa là ngành sản xuất gia công nên chi phí nguyên vật liệu chiếm từ 70%-75% giá thành sản phẩm. Tuy nhiên, hiện nguồn nguyên vật liệu trong nước không đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất, theo thống kê của Hiệp hội Nhựa Việt Nam, hàng năm lượng nguyên liệu nhập khẩu phục vụ cho sản xuất chiếm hơn 80% nguyên liệu sử dụng cho toàn ngành nhựa (mức tăng bình quân đạt khoảng 16%/năm). Việt nam hiện chỉ cung cấp khoảng 400.000 tấn nguyên liệu nhựa, chủ yếu là Polyvinyl Clorua (PVC) và Polyethylene Telephthalete (PET) được sản xuất trong nước, trong khi hiện nay toàn ngành cần đến gần 3,8 triệu tấn nguyên liệu nhựa gồm cả phụ gia để phục vụ nhu cầu sản xuất.

Việc nhập khẩu nguyên liệu sản xuất nhựa chịu nhiều rủi ro về giá do đặc thù về nguyên liệu nhựa là sản phẩm của ngành công nghiệp hóa dầu nên ngoài việc ảnh hưởng về cung cầu nguyên liệu, giá cả nguyên liệu này còn chịu sự ảnh hưởng của sự biến động giá dầu thô trên thế giới, theo đó sẽ ảnh hưởng trực tiếp lên giá thành sản phẩm.

Để hạn chế rủi ro do biến động về nguồn cung cấp nguyên liệu, Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp như: chọn nhà cung cấp lớn, có tính ổn định giá cả cạnh tranh, hạn mức dự trữ... và ít nhiều thu được kết quả khả quan. Tuy nhiên, việc biến động giá nguyên vật liệu phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố bên ngoài, vào tình hình kinh tế, chính trị của các quốc gia khối OPEC mà Công ty không thể lường trước được, do đó ít nhiều ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là điều không thể tránh khỏi.

❖ Nhân lực:

Các công ty sản xuất luôn cần một đội ngũ lao động khá lớn so với các công ty khác để phục vụ cho hoạt động sản xuất. Sự biến động về nguồn cung ứng lao động luôn diễn ra ở mức độ cao và rủi ro về thiếu hụt nhân lực đặc biệt là nguồn nhân lực có tay nghề cao luôn là một trong các tiêu chí mà Công ty phải quan tâm. Trước tình hình khó khăn chung của toàn nền kinh tế, các chi phí đầu vào đều có xu hướng gia tăng, một trong những giải pháp tiết kiệm chi phí là tận dụng các phương pháp cải tiến sản xuất để tăng năng suất lao động và giảm tỷ lệ phế liệu thông qua việc sử dụng lao động có tay nghề cao. Do vậy, nhu cầu lao động có tay nghề cao vốn đã là nhu cầu bức thiết của doanh nghiệp nay còn trở nên bức thiết hơn. Nhằm giảm thiểu sự rủi ro về nhân lực ở mức thấp nhất, Công ty luôn đưa ra các chế độ, chính sách ưu đãi đối với CBCNV như luôn tạo môi trường làm việc tốt nhất cho CBCNV, thường xuyên tuyển dụng và đào tạo nâng cao trình độ tay nghề cho đội ngũ công nhân. Đào tạo và bồi dưỡng các cán bộ có năng lực, tạo cơ hội cho đội ngũ lao động trẻ để bổ sung cho các cấp quản lý.

1.4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

❖ *Rủi ro của đợt chào bán:*

Thị trường chứng khoán trong 9 tháng 2013 đã đạt 1.342 tỷ đồng, tuy còn thấp hơn trong một số thời kỳ trước (năm 2009 là 2.600 tỷ đồng, năm 2010 là 2.469 tỷ đồng) nhưng đã khá hơn thời kỳ khó khăn 2011-2012. Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài tăng mạnh (khối lượng mua ròng 9 tháng tăng 82%, giá trị mua ròng đạt 3.777 tỷ đồng, tăng 198,4% so với cùng kỳ năm trước). Cùng với sự nới lỏng chính sách tiền tệ thì lượng tiền vào thị trường trong thời gian tới đây sẽ tăng, có thể dần dần đạt mức 2.000 tỷ đồng/phiên vào cuối năm.

VN-Index đến cuối tháng 9/2013 đạt trên 492 điểm, với tốc độ tăng bình quân 1 năm đạt 13%/năm; so cuối tháng 9/2013 với cuối năm trước đã tăng trên 19%, HNX Index tăng 6,8%, UPCoM Index tăng 0,2%.

Trong điều kiện nhiều yếu tố kinh tế vĩ mô thuận lợi như lạm phát chậm lại liên tiếp từ gần 2 năm qua, lãi suất tiết kiệm giảm xuống, hiện còn ở mức thấp; chính sách tiền tệ, tài khoá có xu hướng nới lỏng, tăng trưởng tín dụng cao dồn vào cuối năm, lãi suất cho vay dần trở về như thời kỳ trước khủng hoảng; thị trường bất động sản chưa hồi phục, thị trường vàng đã kết thúc thập kỷ tăng và thị trường ngoại tệ tương đối ổn định hiện nay, nhiều chuyên gia đã dự đoán, chỉ số VN-Index có thể vượt qua mốc 500 điểm, thậm chí còn có dự đoán vượt 550 điểm và chỉ số HNX Index sẽ vượt qua mốc 70 điểm vào cuối năm 2013; theo đó, lợi nhuận trên thị trường chứng khoán sẽ có sự hấp dẫn trở lại trong những tháng tới.

Hiện tại, giá cổ phiếu của Công ty trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh ngày 15/11/2013 là 14.500 đồng/cổ phiếu, trong khi giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu. Mặc dù có sự chênh lệch giữa giá chào bán và giá thị trường nhưng tính thanh khoản của cổ phiếu Công ty hiện ở mức thấp nên khả năng thành công của đợt phát hành sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán niêm yết tại thời điểm chính thức chào bán, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn cổ phần của cổ phiếu của Công ty.

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 28.750.000.000 đồng, tỷ lệ chào bán thành công dự kiến là 100%. Toàn bộ số tiền thu được sẽ được sử dụng vào mục đích mua sắm máy móc thiết bị và tài trợ Dự án xây dựng Nhà máy Tiên Sơn. Đây là đợt phát hành không có bảo lãnh phát hành, nếu đợt phát hành cổ phiếu không thành công thì Công ty sẽ không thu được số tiền dự kiến cần huy động thêm.

Trong trường hợp xảy ra rủi ro không bán hết số cổ phiếu đăng ký chào bán theo phương án, lượng cổ phiếu chưa phân phối hết sẽ được Công ty phân phối cho những đối tượng khác theo những điều kiện phù hợp với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu để đảm bảo huy động đủ vốn phục vụ kế hoạch kinh doanh của Công ty.

Trong trường hợp xảy ra rủi ro chào bán không đạt tỷ lệ chào bán thành công 100% như dự kiến hoặc không huy động đủ số tiền dự kiến từ đợt chào bán, Công ty sẽ tìm kiếm các nguồn vốn tài trợ khác (như từ các tổ chức tín dụng hoặc các nguồn khác...) để tiếp tục thực hiện kế hoạch đầu tư của Công ty.

❖ **Rủi ro của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán:**

Đợt phát hành này Công ty có kế hoạch sử dụng vào mục đích mua sắm máy móc, thiết bị và đầu tư vào Dự án xây dựng Nhà máy Tiên Sơn tại Khu Công nghiệp Tiên Sơn-Bắc Ninh.

Việc đầu tư máy móc thiết bị mới như: máy sản xuất màng bao bì, máy sản xuất túi ba biên, máy in sẽ giúp nhà máy Công ty tăng sản lượng và doanh thu đáp ứng theo nhu cầu của thị trường ngay trong Quý IV của năm 2013 và cho các năm sau, đáp ứng yêu cầu khắt khe về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm của khách hàng đặc biệt là các công ty có vốn nước ngoài có quy mô lớn và các khách hàng xuất khẩu. Ngoài ra, việc đầu tư thiết bị mới sẽ giúp sản xuất được các sản phẩm có độ chuẩn xác cao về kích thước, giúp giảm tỷ lệ phế liệu, hạ giá thành sản phẩm đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty là yếu tố có vai trò quyết định hiện nay trên thị trường.

Đối với Dự án xây dựng mới Nhà máy Tiên Sơn tại Khu Công nghiệp Tiên Sơn-Bắc Ninh sẽ giúp Công ty tiết kiệm được chi phí vận chuyển trong việc mở rộng thị trường khu vực phía Bắc. Ngoài ra, đầu tư nhà máy mới sẽ mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn cho doanh nghiệp, ước tính duy trì mức lợi nhuận ổn định khoảng 6,9%/doanh thu, vòng đời tính toán của dự án là 10 năm, căn cứ vào các nguồn vốn phục vụ đầu tư, suất chiết khấu bình quân 12%.

Bên cạnh đó, Dự án xây dựng Nhà máy Tiên Sơn còn có lợi ích xã hội cao khi tạo công ăn việc làm thường xuyên cho khoảng 120 lao động trong cộng đồng và góp phần tăng giá trị sản xuất kinh doanh của cả nước.

Nhìn chung, kế hoạch sử dụng vốn của Công ty từ đợt phát hành này là tiếp tục đầu tư vào các hoạt động hiện tại của Công ty chứ không phải là đầu tư vào lĩnh vực mới hoạt động. Do vậy, rủi ro của việc đầu tư này là không quá lớn và mang lại nhiều lợi ích cho Công ty và xã hội, rủi ro nếu có chủ yếu đến từ kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty.

1.5. Rủi ro pha loãng cổ phiếu

Pha loãng cổ phiếu là kết quả của việc phát hành thêm cổ phiếu phổ thông của một công ty. Việc này có thể tiến hành thông qua phát hành thứ cấp, từ việc cổ đông công ty thực hiện quyền mua cổ phiếu của mình hoặc thông qua việc chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi hoặc chứng quyền ra cổ phiếu.

Việc pha loãng giá trị cổ phiếu có thể gây ra những ảnh hưởng:

- Phần trăm sở hữu hay quyền bỏ phiếu của các cổ đông hiện thời có thể giảm xuống.
- Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) có thể suy giảm do thu nhập được chia cho một số lượng cổ phiếu lớn hơn. Tuy nhiên, điều này còn phần nào phụ thuộc vào số tiền mà công ty nhận được từ việc sử dụng nguồn vốn thu được từ đợt phát hành để đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.
- Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu.
- Giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường sẽ điều chỉnh giảm tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm theo tỷ lệ pha loãng.



❖ ***Pha loãng theo giá trị thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS):***

Kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2013 của Công ty là 45 tỷ đồng, với mức thuế suất 25%, lợi nhuận sau thuế ước tính 33,75 tỷ đồng. Giả định Công ty đạt được kế hoạch lợi nhuận năm 2013. Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu (EPS) được xác định như sau:

$$EPS = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế} - \text{Cổ tức cổ phiếu ưu đãi}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

- Trường hợp nếu như không có đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu như đã nêu trong năm 2013 thì số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm là 11.500.000 cổ phiếu.

$$EPS_{\text{trước chào bán}} = \frac{33.750.000.000 - 0}{11.500.000} = 2.935 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

- Trường hợp thực hiện đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu như đã nêu trong năm 2013 thì số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm là 12.411.448 cổ phiếu.

$$EPS_{\text{sau chào bán}} = \frac{33.750.000.000 - 0}{11.626.026} = 2.903 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Trong đó, ước tính số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân (SLCPLHBQ) trong năm 2013 như sau:

$$SLCPLHBQ = \frac{(11.500.000 \times 349 + 14.375.000 \times 16)}{365} = 11.626.026 \text{ cổ phiếu}$$

❖ ***Pha loãng theo giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS):***

$$\text{Giá trị sổ sách trên một cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đã phát hành} - \text{Cổ phiếu quỹ}}$$

Trước khi phát hành:

$$\text{Giá trị sổ sách}_{30/09/2013} = \frac{196.797.286.524}{11.500.000} = 17.113 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Sau khi phát hành:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{196.797.286.524}{14.375.000} = 13.690 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Số lượng cổ phiếu trước đợt chào bán là 11.500.000 cổ phiếu, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu của Công ty tại thời điểm 30/09/2013 là 17.113 đồng/cổ phiếu. Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, tổng số lượng cổ phiếu tăng lên là 14.375.000 cổ phiếu, nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt chào bán (tối đa 100% và với giả định không mua cổ phiếu quỹ) thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu sẽ giảm còn 13.690 đồng/cổ phiếu.

❖ ***Giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm:***

Đợt phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu lần này được phân bổ quyền theo tỷ lệ là 4:1, có nghĩa là: *Cổ đông sở hữu 04 cổ phiếu sẽ được quyền mua thêm 01 cổ phiếu mới phát hành với giá 10.000 đồng/cổ phiếu.*

Khi phát hành thêm thì giá cổ phiếu của Công ty sẽ bị pha loãng làm giá cổ phiếu của Công ty sẽ giảm giá sau khi hoàn tất phát hành (nếu giá thị trường trước khi phát hành cao hơn giá phát hành).

Sau khi Công ty thông báo việc phát hành và chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền thì giá tham chiếu của cổ phiếu Công ty trong ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ được xác định lại như sau:

$$P_{XR} = \frac{(I \times P_{Rt-1}) + (I_1 \times P)}{I + I_1}$$

Trong đó:

P_{XR} : Giá tham chiếu của cổ phiếu công ty trong ngày giao dịch không hưởng quyền

P_{Rt-1} : Giá cổ phiếu công ty trên thị trường trước ngày giao dịch không hưởng quyền

I : Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

I_1 : Số lượng cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu

P : Giá cổ phiếu bán cho cổ đông hiện hữu

Với số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 30/09/2013 là 11.500.000 cổ phiếu, giá định giá đóng cửa của cổ phiếu Công ty trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 15.000 đồng/cổ phiếu, giá tham chiếu của cổ phiếu Công ty trong ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ được xác định lại như sau:

$$P_{XR} = \frac{(11.500.000 \times 15.000) + (2.875.000 \times 10.000)}{11.500.000 + 2.875.000}$$

$$P_{XR} = 14.000 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Những rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ giảm đi nếu như Công ty hoạt động thật sự tốt, những dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán thật sự đem lại hiệu quả như phương án sử dụng vốn đã được thông qua cổ đông Công ty.

1.6. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất thường, bất khả kháng như: thiên tai, dịch họa, chiến tranh, dịch bệnh... khi xảy ra thì tác động rất lớn và nghiêm trọng về người, tài sản và tình hình hoạt động chung của Công ty.

**II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH****2.1 Tổ chức phát hành****Ông Hồ Đức Lam**Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị,
kiêm Tổng Giám đốc**Ông Nguyễn Đắc Hải**Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị,
kiêm Giám đốc Tài chính,
kiêm Kế toán trưởng**Ông Nguyễn Hạnh Bảo Phúc**

Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2.2 Tổ chức tư vấn**Ông Lê Văn Minh**Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi
nhánh Tp.Hồ Chí Minh

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông cung cấp.

**III. CÁC KHÁI NIỆM/ĐỊNH NGHĨA/CÁC TỪ VIẾT TẮT**

-	BCKT/BCTC	Báo cáo kiểm toán/Báo cáo tài chính
-	BKS	Ban kiểm soát
-	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
-	CNĐKKD	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
-	Công ty	Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông
-	ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
-	Điều lệ	Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông
-	EVA	Ethylene-Vinyl Acetate
-	GDP	Gross Domestic Product-Tổng sản phẩm nội địa
-	GMP	Good Manufacturer Practice
-	HACCP	Hệ thống phân tích mối nguy và xác định điểm kiểm soát trọng yếu
-	HĐQT	Hội đồng quản trị
-	ISO	International Organization for Standardization-Cơ quan thiết lập tiêu chuẩn quốc tế bao gồm các đại diện từ các tổ chức tiêu chuẩn các quốc gia
-	RDP	Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông
-	PE/PP	Polyethylen/ Polypropylene
-	PET	Polyethylen Terephthalate
-	PTGD	Phó Tổng Giám đốc
-	PU	Polyurethane
-	PVC	Polyvinyl Chloride
-	TGD	Tổng Giám đốc
-	TMCP	Thương mại cổ phần
-	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
-	Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông
-	TSCĐ	Tài sản cố định
-	UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
-	UBND	Ủy ban nhân dân
-	VCBS	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
-	WTO	World Trade Organisation-Tổ chức Thương mại thế giới

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu về Công ty

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông
- Tên giao dịch quốc tế : RANG DONG PLASTIC JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : RDP JSC
- Mã chứng khoán : RDP
- Logo Công ty :



- Trụ sở chính : 190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-8) 3969 2272
- Fax : (84-8) 3969 2843
- Email : nhuarangdong@rdplastic.vn
- Website : www.rdplastic.com.vn
- Vốn điều lệ : 115.000.000.000 đồng (Một trăm mười lăm tỷ đồng)
- Giấy CNĐKKD : số 0300384357 đăng ký lần đầu ngày 28/03/2005 và đăng ký thay đổi lần 06 ngày 26/08/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp
- Ngành nghề kinh doanh : theo giấy CNĐKKD lĩnh vực kinh doanh đăng ký với mã ngành của Công ty như sau:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Chế tạo máy móc thiết bị ngành nhựa (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	3320
2	Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng.	4312
3	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng, kinh doanh nhà.	6810
4	Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất hàng nhựa gia dụng; sản xuất hàng nhựa kỹ thuật: màng nhựa, giả da, tôn, ván nhựa, ống nhựa, bao bì in-trắng-ghép, vẩy	2220

Stt	Tên ngành	Mã ngành
	liệu xây dựng, chai nhựa, áo mưa, cặp, túi xách (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tái chế phế thải, sản xuất nhựa tổng hợp, thuộc da tại trụ sở).	
5	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử đất. Chi tiết: Môi giới bất động sản.	6820
6	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn).	4661
7	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán phế liệu nhựa (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán hàng nhựa gia dụng, kỹ thuật: màng nhựa, giả da, tôn, ván nhựa, ống nhựa, bao bì in-trắng-ghép, vật liệu xây dựng, chai, nhựa, áo mưa, cặp, túi xách. Mua bán nguyên liệu hóa chất ngành nhựa (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh).	4669
8	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây dựng dân dụng, công nghiệp.	4390
9	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán hàng gia dụng (trừ dược phẩm).	4649
10	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở).	5510
11	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng không hoạt động tại trụ sở).	5610

(Nguồn: Giấy CNĐKKD của Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

1.2. Lịch sử hình thành

Tiền thân Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông là Liên hiệp các xí nghiệp Cao su Viển Đông Pháp (UFEOC) được thành lập vào những năm đầu của thập niên 60 của thế kỷ XX. Thời gian sau UFEOC chuyển tên thành UFIPLASTIC COMPANY và là một trong những công ty nhựa lớn nhất khu vực Đông Nam Á với hệ thống máy móc, trang thiết bị hiện đại đầu tiên được nhập khẩu từ Nhật Bản và Đài Loan để sản xuất các loại màng mỏng PVC, khăn trải bàn, giả da PVC, PU xốp, vải tráng PVC, PU, vải dù chống thấm cung cấp cho thị trường trong nước cũng như thị trường trong khu vực. Ngày 30/04/1975, UFIPLASTIC được Nhà nước giao cho Công ty Công nghệ phẩm thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ tiếp quản và duy trì hoạt động sản xuất. Đến tháng 11/1977, Công ty UFIPLASTIC được quốc hữu hóa và chuyển thành Nhà máy Nhựa Rạng Đông. Nhà máy Nhựa Rạng Đông tiếp tục tiến hành cải cách và mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh. Đến năm 1985, thực hiện chính sách mở cửa của Đảng và Nhà nước, Nhà máy được chuyển thành Công ty Nhựa Rạng Đông và hoạt động sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường có định hướng Nhà nước. Năm 2005, Công ty chính thức hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần



theo Quyết định cổ phần hóa doanh nghiệp số 157/2004/QĐ-BCN ngày 06/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

1.3. Quá trình phát triển

- Năm 1960:** Công ty được thành lập với tên gọi Liên hiệp các xí nghiệp Cao su Viễn Đông Pháp (UFEOC).
- Năm 1962:** Đổi tên thành UFILASTIC COMPANY, là một trong những công ty nhựa lớn nhất khu vực Đông Nam Á.
- Năm 1975:** Tiếp quản Công ty Công nghệ phẩm thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ.
- Năm 1977:** Công ty UFIPLASTIC chuyển thành Nhà máy Nhựa Rạng Đông, trực thuộc Công ty Công nghệ phẩm-Bộ Công nghiệp nhẹ.
- Năm 1985:** Nhà máy Nhựa Rạng Đông chuyển thành Công ty Nhựa Rạng Đông và hoạt động sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường.
- Năm 1993:** Tiếp nhận cơ sở vật chất của Nhà máy ép dầu Hóc Môn thành lập Nhà máy Nhựa Hóc Môn.
- Năm 2000:** Tiếp nhận cơ sở vật chất của cửa hàng bảo hộ lao động Vinh thành lập Chi nhánh Công ty tại Nghệ An.
- Năm 2003:** Công ty Nhựa Rạng Đông chính thức trực thuộc sự quản lý trực tiếp của Bộ Công nghiệp.
- Năm 2004:** Công ty thực hiện chuyển đổi sang công ty cổ phần theo Quyết định cổ phần hóa doanh nghiệp số 157/2004/QĐ-BCN ngày 06/12/2004 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp với tên gọi Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông.
- Năm 2005:** Chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo giấy CNĐKKD số 4103003236, ngày 28/03/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp.
- Năm 2007:** Thành lập chi nhánh Nhà máy Bao bì nhựa số 1 tại Củ Chi-Tp.Hồ Chí Minh chuyên sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm bao bì nhựa mềm phục vụ cho các ngành công nghiệp: hóa chất, chế biến thủy hải sản, các ngành nông lâm, ngư nghiệp, thực phẩm...
- Năm 2009:** Ngày 22/09/2009, Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là RDP.

Với bề dày lịch sử hình thành và phát triển trên 50 năm, trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm, Công ty đã đứng vững và ngày càng phát triển về quy mô, năng lực sản xuất cũng như thị trường. Từ năm 2000 đến nay, Công ty đã đầu tư hàng trăm tỷ đồng vào hệ thống máy cán nhựa, máy ghép màng nhựa, máy in tráng hiện đại, máy ép vân, máy hấp xốp giả da... Với tinh thần đoàn kết, sáng tạo, tư duy đổi mới công nghệ của tập thể CBCNV và lãnh đạo Công ty, Nhựa Rạng Đông đã từng bước khẳng định vị thế là một trong những Công ty nhựa hàng đầu trong ngành tại Việt Nam. Công ty đã nhận được nhiều bằng khen và nhiều nhiều giải thưởng uy tín trong ngành nhựa, tiêu biểu như:



- Huân chương Lao động hạng ba do Chủ tịch nước tặng năm 1986.
- Huân chương Lao động hạng nhất do Chủ tịch nước tặng năm 1991.
- Danh hiệu "Thương hiệu quốc gia" năm 2008 do Chính phủ chứng nhận.
- Danh hiệu "Hàng Việt Nam chất lượng cao" từ năm 1997-2013 do Người tiêu dùng bình chọn.
- Danh hiệu "Thương hiệu nổi tiếng tại Việt Nam" năm 2006 và 2008 do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chứng nhận theo kết quả khảo sát của Công ty khảo sát thị trường AC Nielson.
- "Cúp vàng thương hiệu công nghiệp Việt Nam" do Bộ Công nghiệp và Ban tổ chức Hội Chợ Công nghiệp Quốc tế trao tặng năm 2006.
- Giải thưởng "Sao vàng đất Việt" do Hội các Nhà Doanh nghiệp trẻ trao tặng năm 2006.
- "Huy chương vàng chất lượng sản phẩm công nghiệp" do Bộ Công nghiệp và Ban tổ chức Hội Chợ Công nghiệp Quốc tế trao tặng năm 2006.
- Danh hiệu "Doanh nghiệp nhựa xuất sắc 2004-2007" do Hiệp hội Nhựa Việt Nam trao tặng năm 2007.
- "Cúp vàng thương hiệu ngành Xây dựng" do Bộ Xây dựng và Ban tổ chức Triển lãm Quốc tế VietBuild trao tặng năm 2007.
- "Huy chương vàng chất lượng sản phẩm ngành Xây dựng" do Bộ Xây dựng và Ban tổ chức triển lãm Quốc tế VietBuild trao tặng năm 2007.
- Danh hiệu "Thương hiệu quốc gia" do Chính phủ chứng nhận năm 2008, 2010, 2012.
- Huân chương Độc lập hạng ba do Chủ tịch nước trao tặng năm 2010.
- Giấy chứng nhận "Doanh nghiệp vàng 2011-2012" do Ban biên tập, độc giả Thời báo Kinh tế Việt Nam trao tặng.
- Giấy chứng nhận "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín 2012-2013" do Bộ Công thương phê duyệt năm 2013.
- Giấy chứng nhận "Doanh nghiệp Tp.Hồ Chí Minh tiêu biểu" do UBND Tp.Hồ Chí Minh trao tặng năm 2013.
- Và một số danh hiệu, giải thưởng cao quý khác.

Hình ảnh một số giải thưởng, chứng nhận của Công ty



Huân chương độc lập hạng 3

Năm 2010



Doanh nghiệp vàng

2011 - 2012



Doanh nghiệp Tp.HCM tiêu biểu

Năm 2013

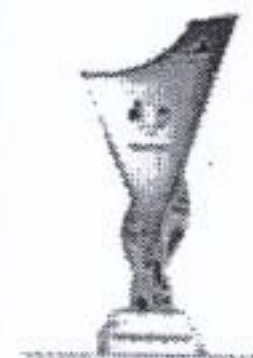


Since 1960



Đã người tiêu dùng
Đúng chọn

17 năm liền là Hàng Việt Nam chất lượng
cao từ 1997 - 2013



Thương hiệu quốc gia

Năm 2008



Huy chương vàng chất lượng
sản phẩm



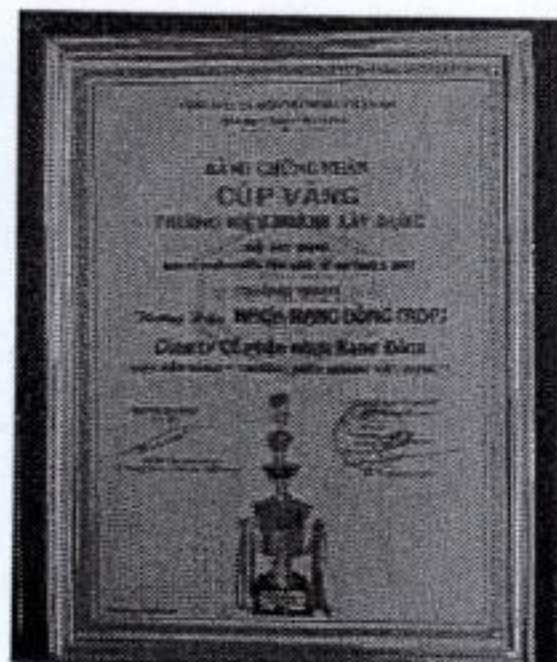
Giấy chứng nhận giải thưởng
"Sao vàng Đất Việt"



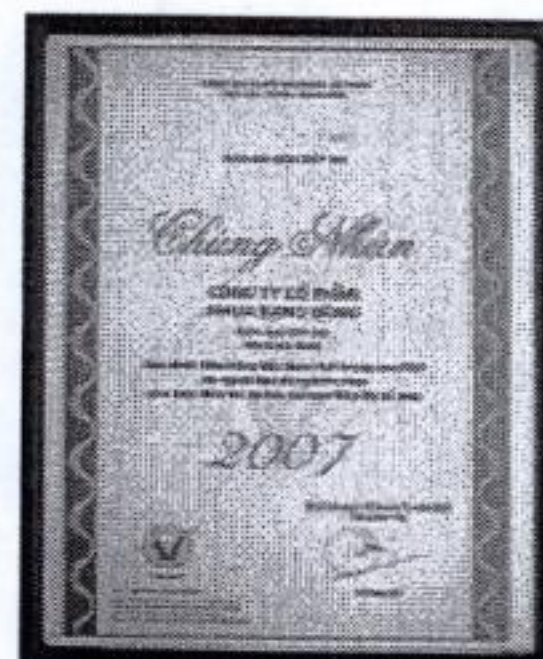
Huy chương vàng chất lượng
sản phẩm



Giấy chứng nhận
ISO 9001:2000



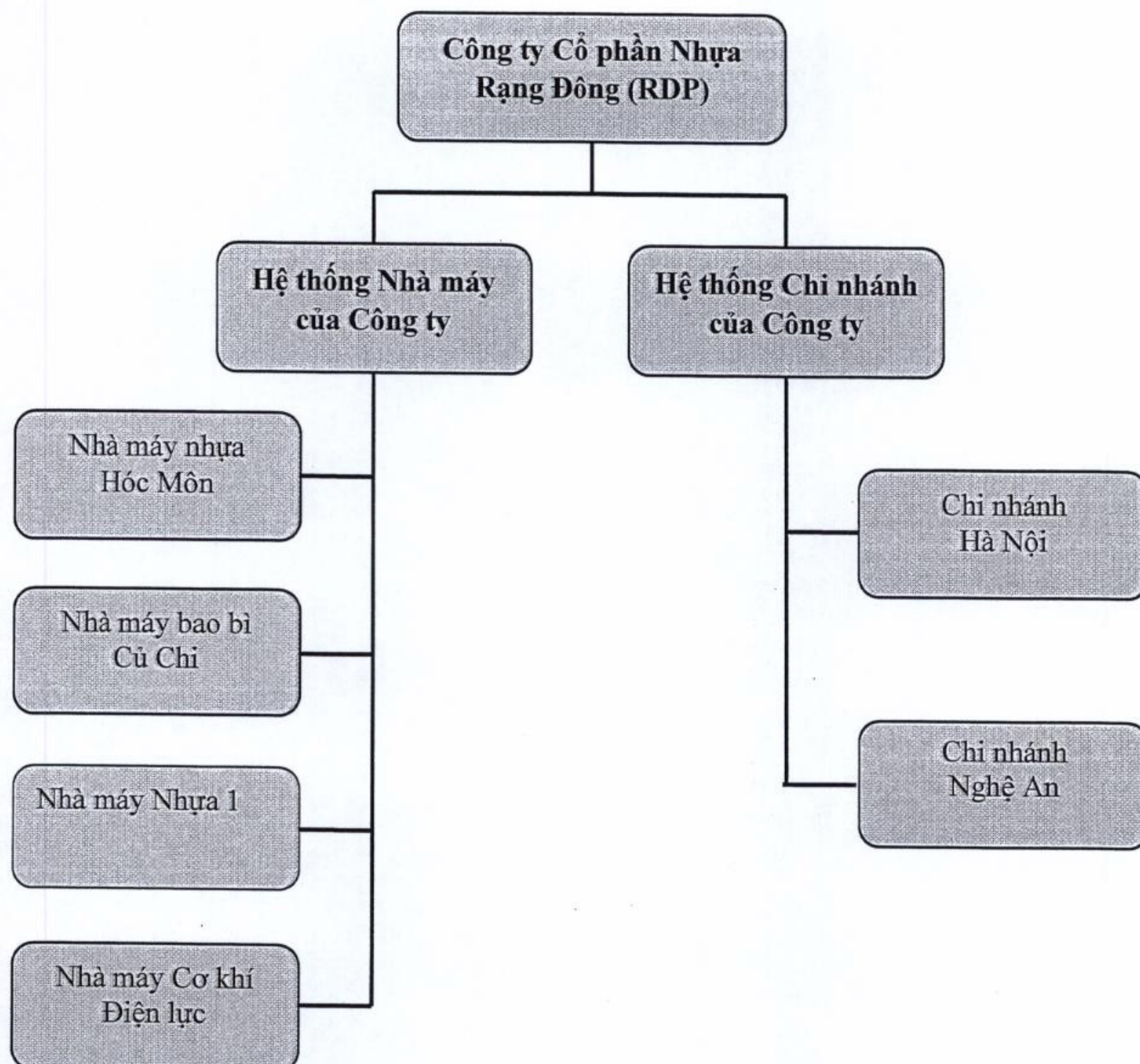
Cúp vàng thương hiệu ngành
Xây dựng năm 2007



Danh hiệu "Hàng Việt Nam
chất lượng cao" 1997-2008

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty



Hệ thống Nhà máy và Chi nhánh của Công ty:

Stt	Tên đơn vị	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
<i>Hệ thống Nhà máy</i>			
1	Nhà máy Nhựa 1	190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Tp.Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh các loại màng mỏng, giả da, tôn ván nhựa
2	Nhà máy Nhựa Hóc Môn	KCN Khánh Đông-Hóc Môn-Tp.Hồ Chí Minh	In-tráng-ghép màng nhựa, bao bì PP, PEHD, PELD dệt
3	Nhà máy Bao bì nhựa Củ Chi	Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Tp.Hồ Chí Minh	In-tráng-ghép màng nhựa, bao bì PP, PEHD, PELD dệt

Stt	Tên đơn vị	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
4	Nhà máy Cơ khí Đông Lực	190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Tp.Hồ Chí Minh	Sửa chữa cơ điện, máy móc thiết bị sản xuất, quản lý và phân phối điện
<i>Hệ thống Chi nhánh</i>			
1	Chi nhánh Hà Nội	57 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân, Hà Nội	Đang triển khai dự án xây dựng chung cư và văn phòng cho thuê
2	Chi nhánh Nghệ An	9 Phan Bội Châu, Tp.Vinh, Nghệ An	Kinh doanh các mặt hàng của Công ty

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX kỳ họp thứ VIII thông qua ngày 29/11/2005, các luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 27/04/2013 được sửa chữa bổ sung phù hợp với điều lệ mẫu áp dụng đối với các công ty niêm yết theo Quyết định số 15/2007/QĐ-BTC ngày 19/03/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và là cơ sở chi phối mọi hoạt động của Công ty.

- **Đại hội đồng cổ đông:**

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

- **Hội đồng quản trị:**

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ.

- **Ban kiểm soát:**

Số lượng thành viên BKS của Công ty là 3 thành viên. Các thành viên BKS không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. BKS phải có ít nhất 1 thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

- **Ban Tổng Giám đốc:**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và trực thuộc sự lãnh đạo của HĐQT. Công ty có 1 TGD điều hành, các PTGD điều hành do HĐQT bổ nhiệm. Việc thực hiện miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết HĐQT được thông qua một cách hợp thức. TGD có nhiệm kỳ là 3 năm và có thể tái bổ nhiệm. Trách nhiệm và quyền hạn chính của TGD như sau:

- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ.



- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của HĐQT.
- Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết.
- Tham khảo ý kiến HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động.
- Trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 5 năm.

- **Các chi nhánh:**

Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của HĐQT và trong phạm vi luật pháp cho phép.

- **Các phòng, ban-đơn vị kinh doanh:**

Phòng Hành Chính-Nhân sự: Chịu trách nhiệm hoạch định và tổ chức thực hiện các hoạt động về công tác cán bộ, nhân sự, tiền lương, thi đua khen thưởng, thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động. Công tác quản trị hành chính, pháp chế, công nghệ thông tin của Công ty.

Phòng Tài chính-Kế toán: Tham mưu cho Ban TGD về công tác kế toán-tài chính thống kê, chịu trách nhiệm về việc hoạch toán kế toán, tổ chức hệ thống chứng từ theo đúng quy định Nhà nước và đồng thời tham gia kiểm soát dòng tiền, xem xét và đề xuất các phương án huy động vốn cho sản xuất kinh doanh cũng như các dự án đầu tư, xác lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế... theo quy định của pháp luật.

Phòng Vật tư: Chịu trách nhiệm về việc lập kế hoạch nguyên liệu cả năm cho Công ty, cung ứng và cấp phát nguyên vật liệu cho sản xuất kinh doanh, kinh doanh nguyên vật liệu, kiểm soát quá trình cung ứng, cấp phát nguyên vật liệu và đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty thông qua hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000. Quản lý và lưu giữ các hồ sơ nhập khẩu nguyên liệu của Công ty.

Phòng Xuất khẩu: Tham mưu cho Ban TGD về hoạt động xuất nhập khẩu. Lập kế hoạch xuất khẩu hàng năm của Công ty, thị trường xuất khẩu, thông lệ quốc tế, lập kế hoạch nhập khẩu các máy móc, thiết bị theo kế hoạch của Công ty. Kiểm soát việc thực hiện hợp đồng xuất nhập khẩu, kiểm soát quá trình giao hàng và đáp ứng yêu cầu khách hàng thông qua hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000. Quản lý và lưu trữ các hồ sơ nhập khẩu liên quan.

Phòng Marketing: Hoạch định và tổ chức thực hiện các hoạt động nghiên cứu thị trường, lập kế hoạch phát triển thị trường, tham gia hội chợ triển lãm, tổ chức sự kiện, bán hàng và đo lường thỏa mãn của khách hàng, Tham mưu cho Ban TGD về chiến lược phát triển thị trường.

Phòng Kinh doanh: Tham mưu cho Ban TGD về hoạt động kinh doanh bán hàng. Lập kế hoạch kinh doanh tiêu thụ hàng năm của toàn Công ty cho từng dòng sản phẩm. Thực hiện kế hoạch tiêu thụ hàng tháng, kiểm soát việc đặt hàng, thực hiện kiểm soát quá trình bán hàng và đáp ứng yêu cầu khách hàng thông qua hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000.

Phòng Kinh doanh Bao bì: Tham mưu cho Ban TGD về hoạt động kinh doanh bán hàng ngành bao bì. Lập kế hoạch kinh doanh tiêu thụ về bao bì hàng năm, thực hiện kế hoạch tiêu thụ hàng



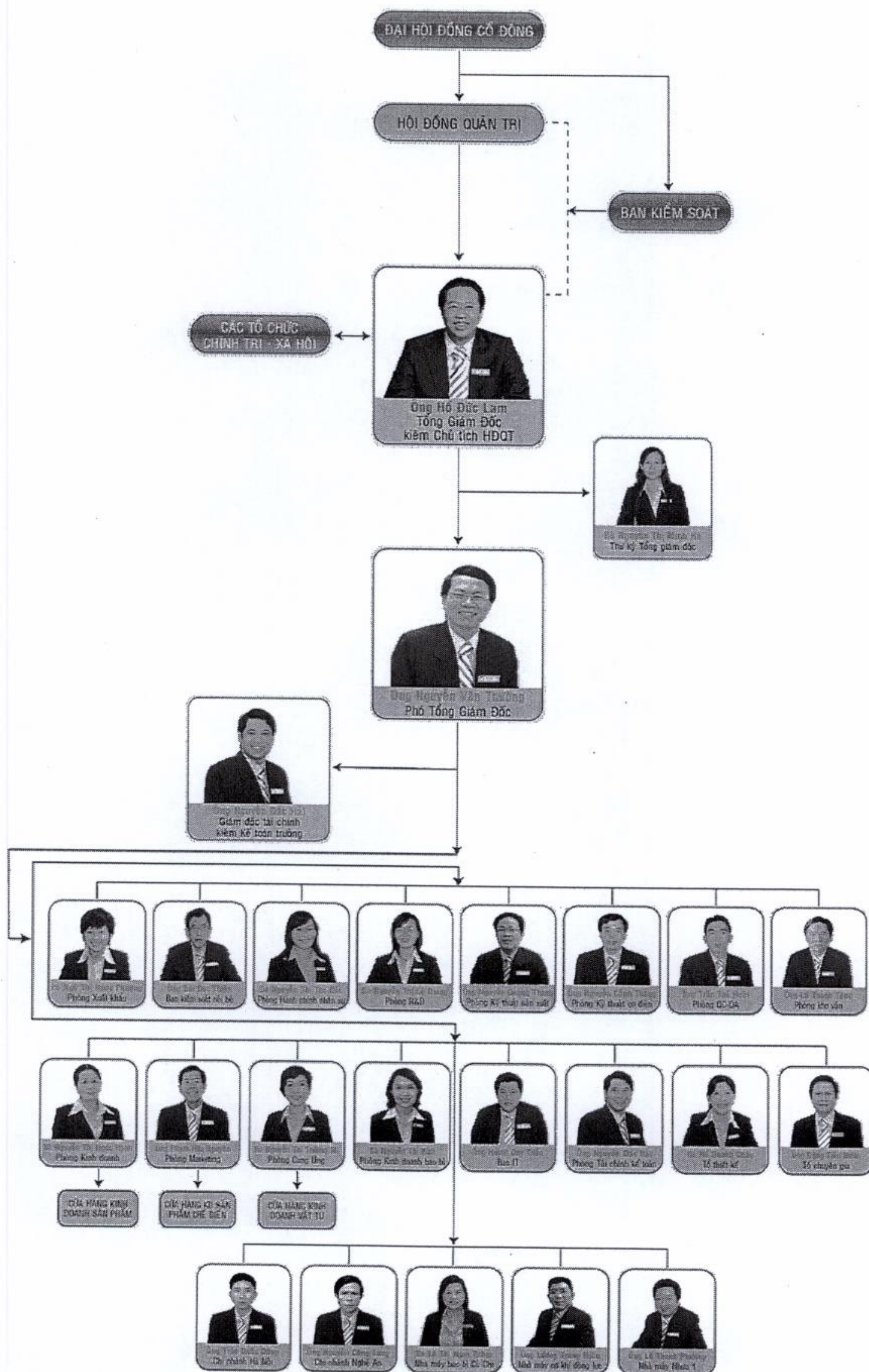
tháng, kiểm soát việc đặt hàng, kiểm soát quá trình lập các hồ sơ kỹ thuật cho từng sản phẩm được đặt hàng, bán hàng và đáp ứng yêu cầu khách hàng thông qua hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000.

Phòng Kho vận: Quản lý và bảo quản các kho hàng, phương tiện vận chuyển. Thực hiện việc xuất nhập hàng hóa, vật tư nguyên liệu, thiết bị phụ tùng theo kế hoạch sản xuất kinh doanh và lệnh sản xuất. kiểm soát và thực hiện việc vận chuyển giao hàng hóa cho khách hàng theo yêu cầu tiêu thụ và giao hàng của các đơn vị bán hàng thông qua hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000.

Phòng Kỹ thuật: Quản lý kỹ thuật, công nghệ toàn Công ty, theo dõi, kiểm tra hoạt động sản xuất, nghiên cứu các giải pháp hợp lý hóa sản xuất, tham mưu cho Ban TGD về thiết bị, công nghệ ở các nhà máy, nghiên cứu và thiết kế sản phẩm mới, các dự án đầu tư, cố vấn cho khách hàng các vấn đề về kỹ thuật, lập các hồ sơ kỹ thuật cho từng sản phẩm được đặt hàng, thực hiện kiểm soát quá trình kiểm nghiệm thử nghiệm, quá trình sản xuất và chất lượng sản phẩm, quá trình sửa chữa bảo trì máy móc thiết bị thông qua hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000.

Tổ Thiết kế: Nghiên cứu và thiết kế các mẫu mã sản phẩm mới, mẫu mã bao gói sản phẩm toàn Công ty, nghiên cứu và quản lý các mẫu maket đã và đang được trình duyệt. Tham mưu và kiểm soát tính pháp lý của các mẫu mã nhãn hiệu hàng hóa.

Sơ đồ 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan; Cơ cấu cổ đông

❖ **Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại 18/10/2013:**

Bảng 1: Danh sách cổ đông của Công ty nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần

Stt	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)	117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	6.233.682	62.336.820.000	54,21
2	Hồ Đức Lam	M3, Phường 14, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh	2.769.179	27.691.790.000	24,08
3	Nguyễn Thị Hương Giang	186 Thái Nghiêm, Phường 8, Quận 11, Tp.Hồ Chí Minh	698.850	6.988.500.000	6,08

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

❖ **Danh sách cổ đông là người có liên quan tại 18/10/2013:**

Theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán, người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân.
- Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết.
- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó.
- Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát.
- Công ty mẹ, công ty con.
- Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.

Tại thời điểm 18/10/2013, Công ty không có cổ đông là người có liên quan.

❖ **Cơ cấu cổ đông của Công ty tại 18/10/2013:**

Vốn cổ phần của Công ty tính đến ngày 18/10/2013 là 115.000.000.000 đồng, được chia thành 11.500.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cơ cấu vốn cổ phần như sau:

Bảng 2: Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty tại 18/10/2013

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Trong nước	750	11.382.750	113.827.500.000	98,98
1.1	Tổ chức	22	6.267.978	62.679.780.000	54,50
1.2	Cá nhân	728	5.114.772	51.147.720.000	44,48
2	Nước ngoài	12	117.250	1.172.500.000	1,02
2.1	Tổ chức	1	4.000	40.000.000	0,03
2.2	Cá nhân	11	113.250	1.132.500.000	0,98
Tổng cộng		762	11.500.000	115.000.000.000	100

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

5.1. Danh sách những công ty mẹ của tổ chức phát hành

Không có

5.2. Danh sách những công ty con của tổ chức phát hành: Không có

Không có

5.3. Danh sách những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có

5.4. Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

Bảng 3: Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty

Stt	Tên công ty	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)	117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	6.233.682	62.336.820.000	54,21

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

6. Quá trình tăng vốn của Công ty
Bảng 4: Quá trình thay đổi vốn điều lệ của Công ty

Thời gian	Giá trị vốn tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý/Đơn vị cấp
28/03/2005		82.480.000.000		Cổ phần hóa theo Quyết định cổ phần hóa doanh nghiệp số 157/2004/QĐ-BCN ngày 06/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp
12/05/2007	32.520.000.000	115.000.000.000	-Chia cổ tức năm 2006 (tỷ lệ 9%): 742.320 cổ phiếu. -Cổ phiếu thưởng theo chương trình ESOP: 42.500 cổ phiếu. -Chào bán cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 5:1): 1.649.600 cổ phiếu, giá 20.000 đồng/cổ phiếu. -Chào bán cho HĐQT, BKS, Ban TGD và CBCNV: 817.719 cổ phiếu, giá 20.000 đồng/cổ phiếu.	Đợt phát hành này Công ty chưa có sự chấp thuận của UBCKNN theo quy định tại Thông tư số 17/2007/TT-BTC của Bộ Tài chính. Do vậy, UBCKNN đã ra quyết định xử phạt số 228/TT ngày 03/04/2008 với số tiền là 20.000.000 đồng. Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền phạt.

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

7. Hoạt động kinh doanh
7.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm
❖ Sản phẩm kinh doanh chính của Công ty:

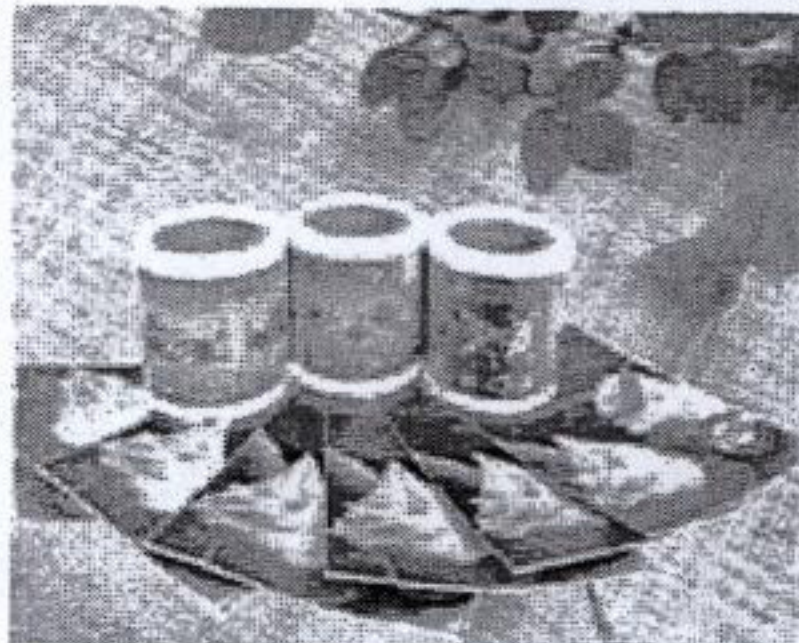
Sản phẩm chính của Công ty chủ yếu là các sản phẩm nhựa PVC, PE, EVA... với hơn 100 loại sản phẩm các loại được chia thành 8 nhóm sản phẩm chính: Bao bì nhựa; Sản phẩm giả da; Vải trắng; Vải ghép nhựa; Màng mỏng; Tarpaulin; Tôn ván nhựa và Sản phẩm gia công chế biến.

a. Bao bì nhựa:

- Sản phẩm bao bì nhựa có 3 loại là Bao bì nhãn; Màng Co PE, PEVA và Bao bì phức hợp. Bao bì nhựa là một trong các sản phẩm phát triển chủ lực hiện nay của Công ty, được sản xuất theo công nghệ in tráng hiện đại và đáp ứng được yêu cầu khắt khe về an toàn sản phẩm.

- Bao bì nhãn như PVC Co, PET... dùng làm màng co ngoài cho các loại chai nhựa như màng co chai nước C2, nước rửa chén Mỹ Hảo... Màng label được làm màng dán phía ngoài chai nhựa, bao bì các loại thực phẩm.
- Màng Co PE, PEVA dùng để làm màng bọc ngoài lốc chai các loại, hộp sữa các loại, lon...
- Bao bì phức hợp của Nhựa Rạng Đông được làm bao bì cho các ngành sản xuất thực phẩm, thủy hải sản, hóa mỹ phẩm, nông dược.

Một số hình ảnh sản phẩm



Bao bì kem



Thực phẩm chế biến



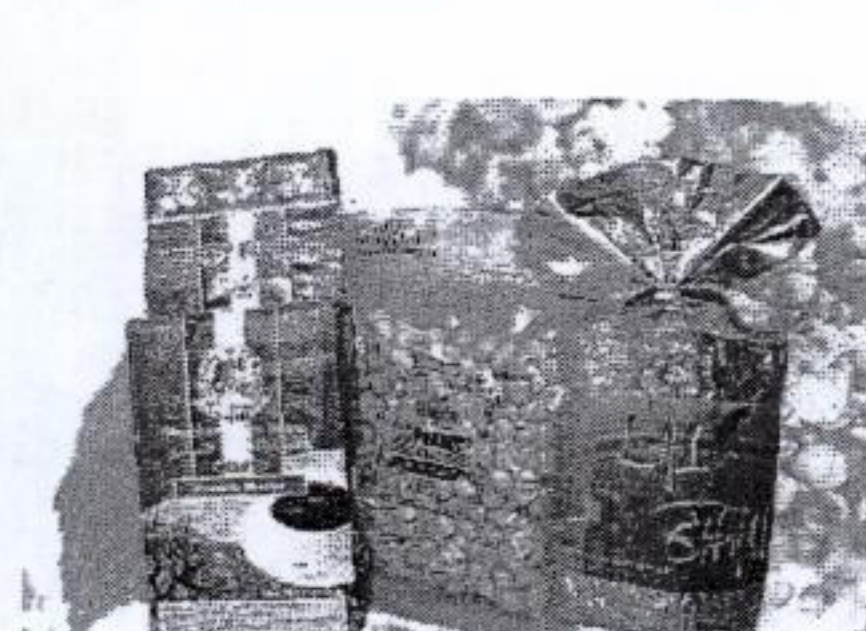
Bao bì dụng chất tẩy rửa



Túi đựng ngũ cốc



Túi đựng nước ép trái cây



Túi hút chân không

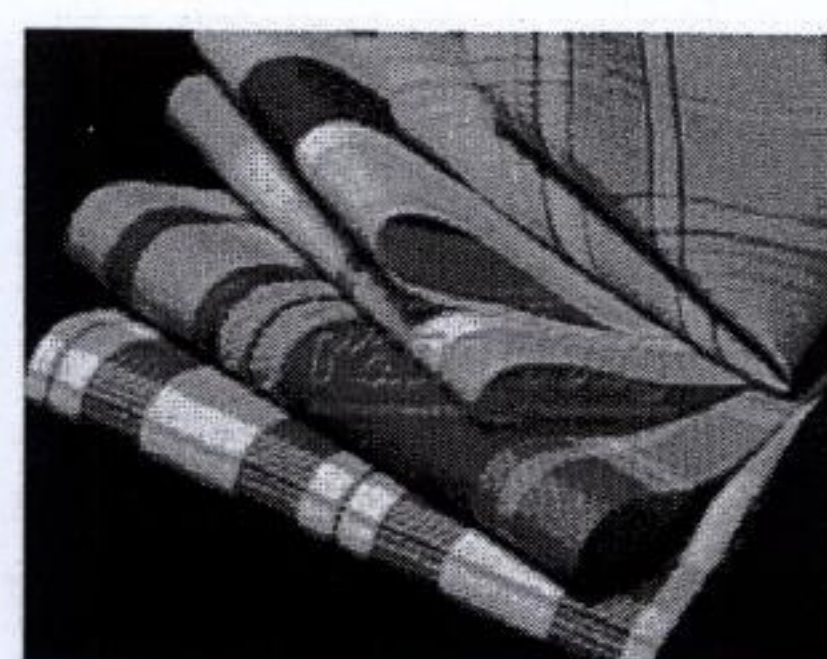
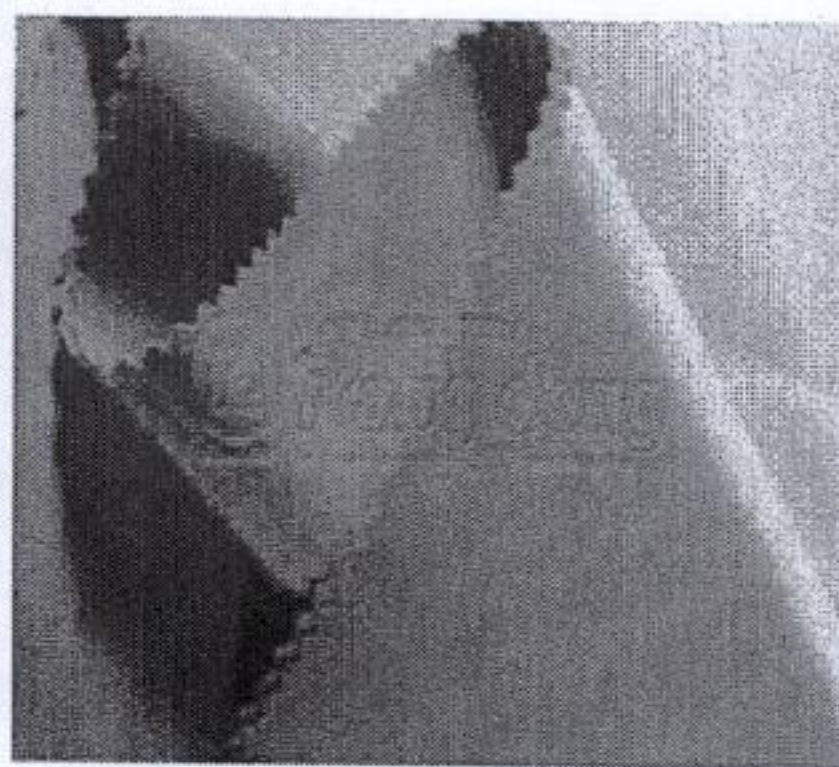
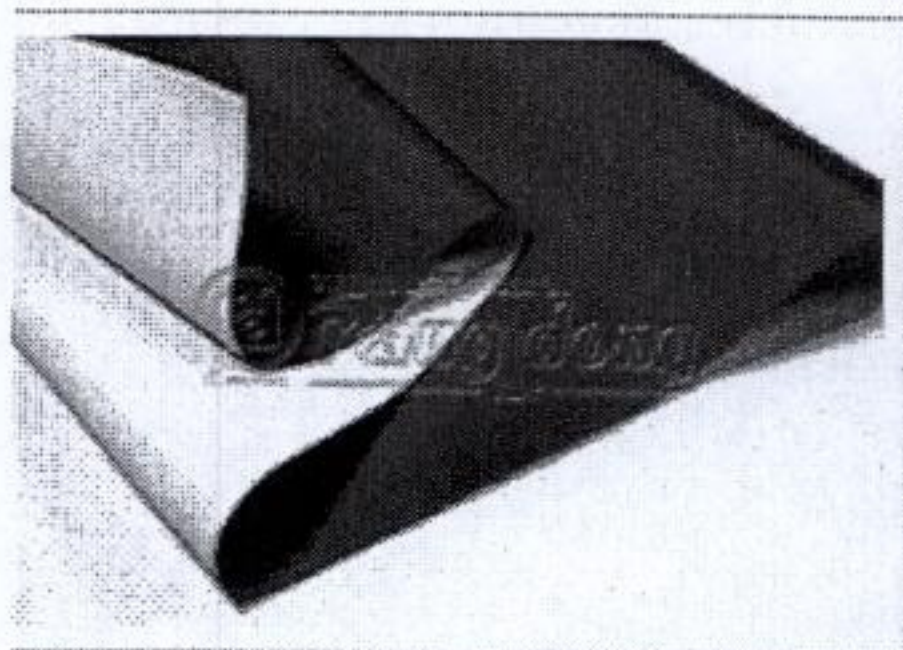
b. Giả da:

- Sản phẩm giả da của Công ty được sản xuất bằng công nghệ hiện đại với các máy cán đầu tiên được nhập từ Nhật Bản và Đài Loan và liên tục được cải tiến, có thể kết hợp 3 công nghệ cán-tráng-ghép trong sản xuất giúp tiết kiệm được thời gian, chi phí sản xuất và tạo ra sản phẩm bền đẹp. Sản phẩm được sản xuất từ nguyên liệu PVC hoặc PU, Semi PU.
- Giả da là sản phẩm truyền thống và chiến lược của Công ty với các loại giả da PVC như giả da salon, yên xe; giả da giày, bóng thể thao; giả da quai dép, sandal; thảm nhựa. Các sản phẩm đa dạng màu sắc, kích cỡ với tính năng cơ lý cao, đạt tiêu chuẩn chống cháy, không độc, chịu lạnh... Bên cạnh đó, Công ty còn có các sản phẩm giả da PU, Semi PU như giả da may mặc, túi xách, bóp ví... đáp ứng nhu cầu tiêu dùng cao của khách hàng.

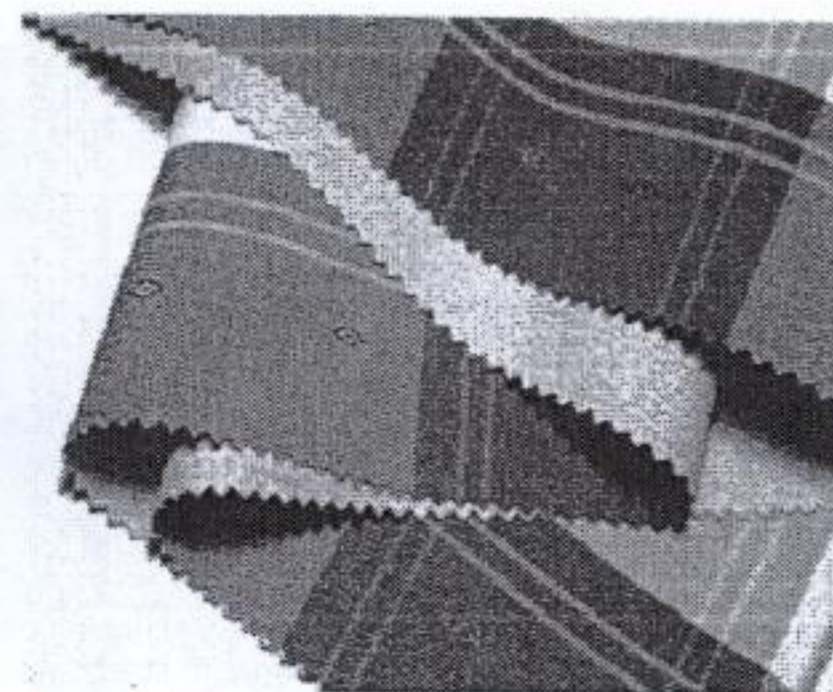
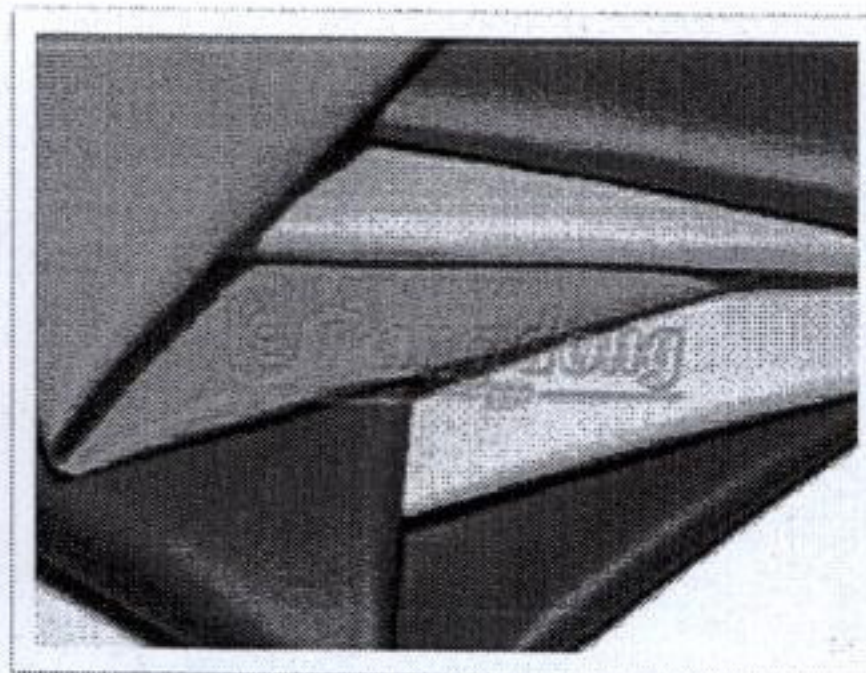
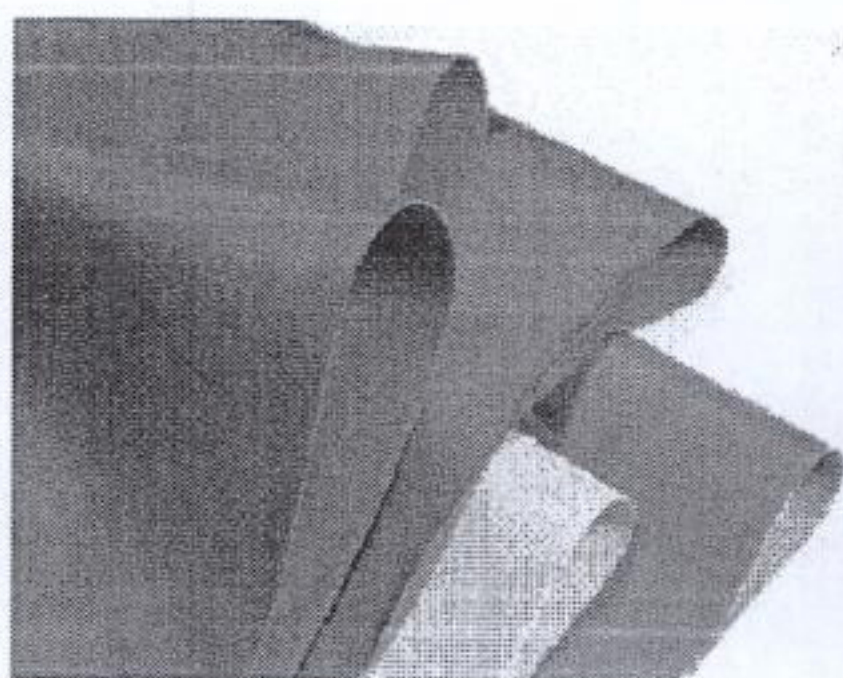
Một số hình ảnh sản phẩm

c. Vải tráng:

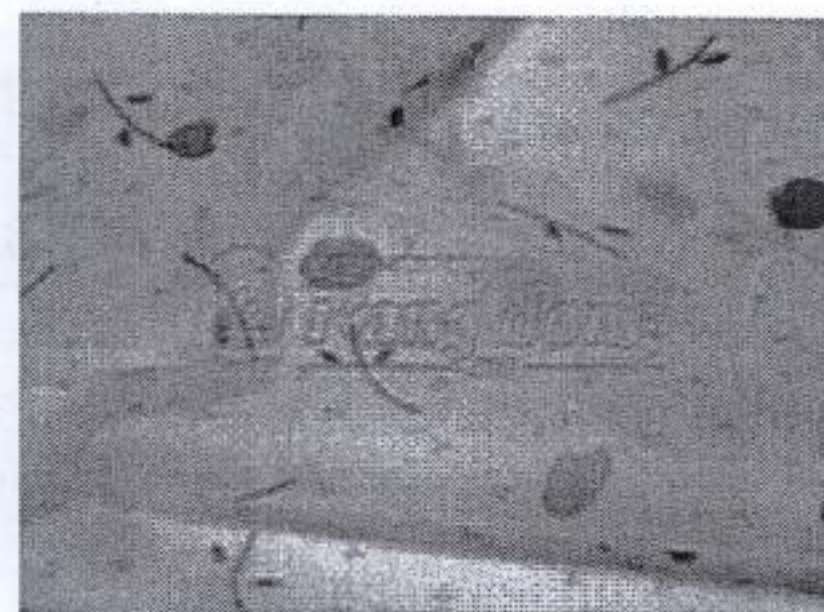
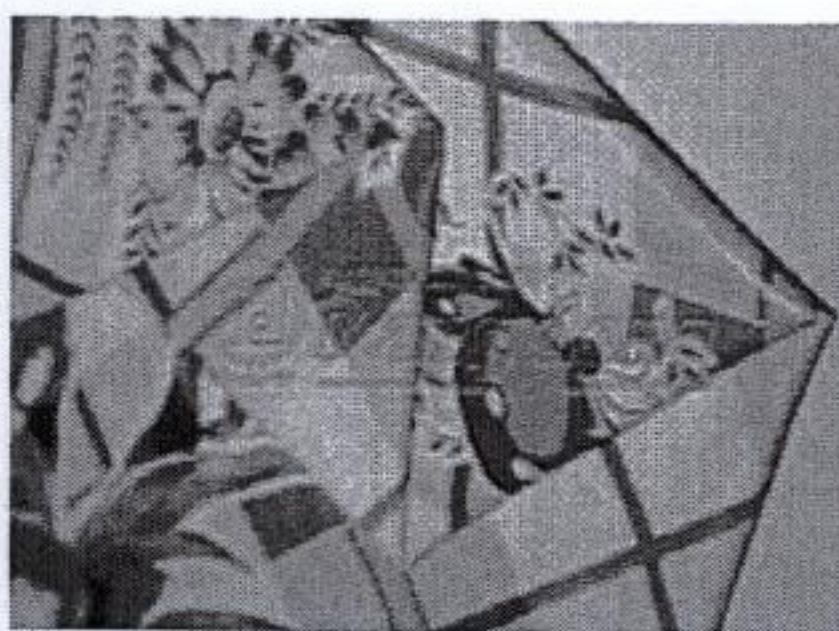
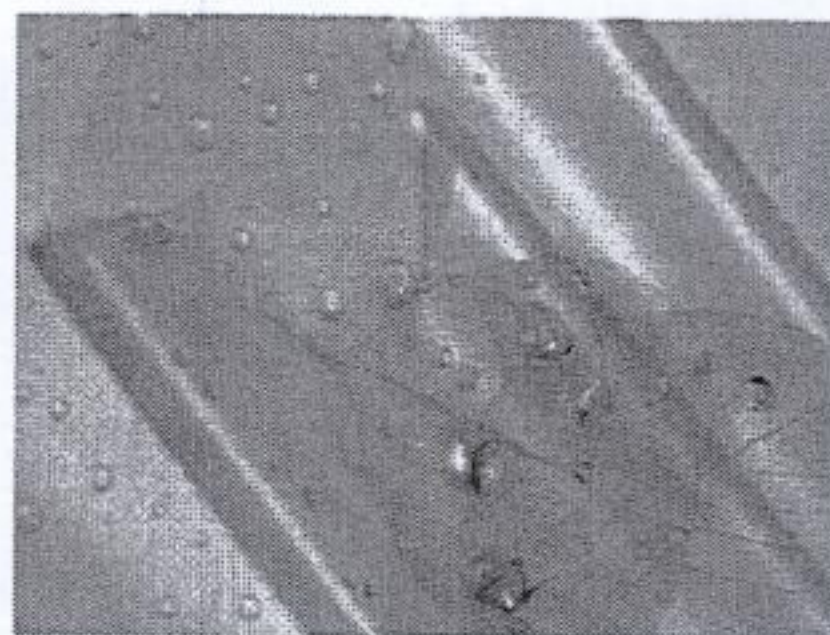
Các sản phẩm vải tráng bao gồm vải tráng PU, PVC được tráng trực tiếp PVC hoặc PVC + PU và vải tráng chậm cháy được dùng để trang trí nội thất, làm màn sáo, may áo đi mưa, áo chơi golf, áo trượt tuyết, làm lót túi sách... Với năng lực sản xuất 3 triệu mét/năm.

Một số hình ảnh sản phẩm

d. Vải ghép nhựa:

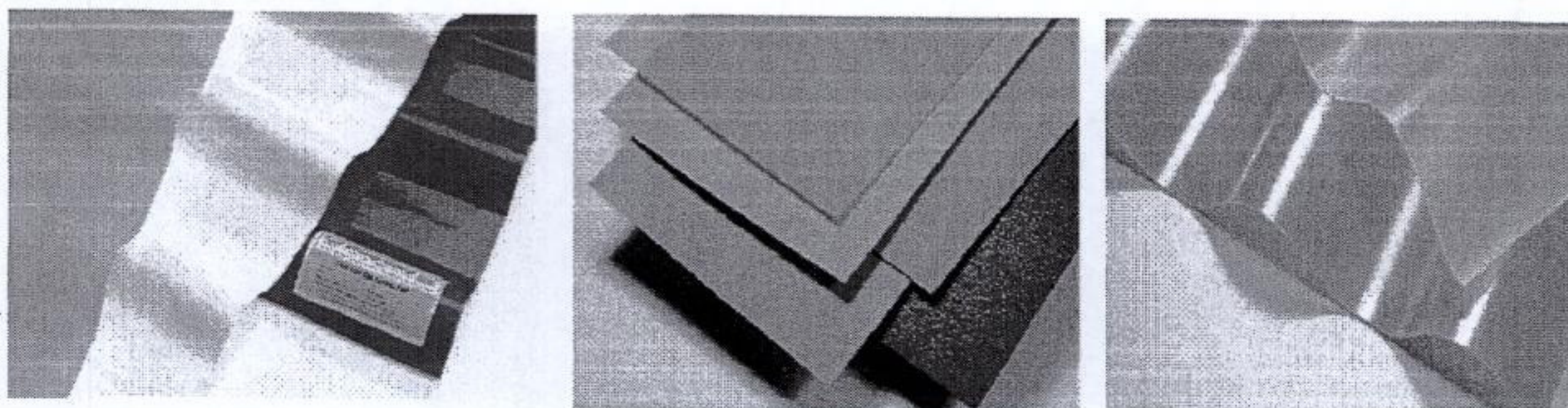
Đặc tính của sản phẩm bao gồm lớp vải được ghép với một hoặc hai mặt nhựa PVC hoặc nhiều lớp nhựa được ghép lại với vải Nylon, Polyester... mềm dẻo, chống thấm nước tốt. Được dùng để may bạt, dù, nhà lều, áo mưa, áo trượt tuyết. Với năng lực sản xuất 6 triệu mét/năm.

Một số hình ảnh sản phẩm

e. Màng mỏng:

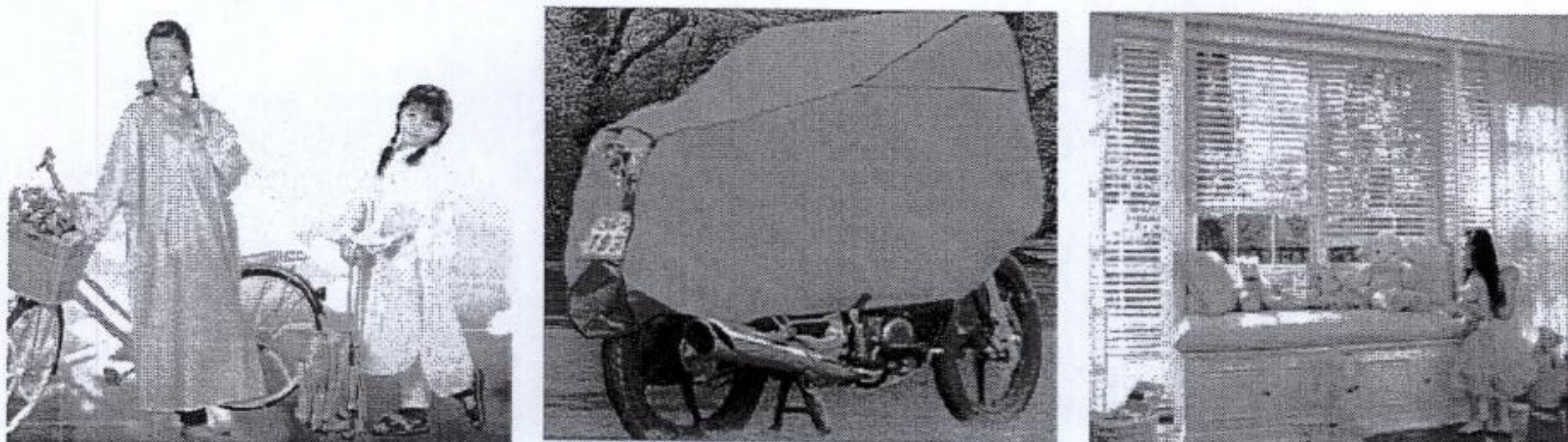
Màng mỏng bao gồm màng mỏng PVC (in hoa và không in hoa), PE, EVA, PEVA (in hoa và không in hoa). Đây là một trong những sản phẩm truyền thống của Công ty, sử dụng nguyên liệu và công thức tối ưu tạo ra sản phẩm với đặc tính siêu mỏng, nhẹ, không độc hại, có độ bền dẻo và tính chịu lạnh cao dùng làm nguyên liệu cho các ngành sản xuất áo mưa, văn phòng phẩm, đồ dùng trẻ em, làm vật liệu lót phủ, tấm trải bàn.

Một số hình ảnh sản phẩm

f. Tôn ván nhựa:

- Sản phẩm tôn nhựa PVC có màu sắc đa dạng với các đặc tính cứng, chịu va đập, có độ bền thời tiết cao, đa dạng sóng được dùng để lợp nhà, xưởng, lò gạch, lợp lấy sáng... Năng lực sản xuất 2 triệu mét/năm.
- Sản phẩm ván nhựa PVC, PE, PP được sản xuất nguyên liệu ngoại nhập và các phụ gia đặc biệt theo công thức tối ưu được sản xuất theo công nghệ ép đùn tạo ra sản phẩm đạt chất lượng cao, mẫu mã và màu sắc đa dạng. Với đặc tính là có khả năng chịu bền va đập, bền quang, bền với môi trường, thời tiết cao, dễ gia công. Sản phẩm được dùng để trang trí nội thất, vách ngăn, văn phòng phẩm, tấm lót, sản phẩm in quảng cáo... Năng lực sản xuất 2 triệu mét/năm.

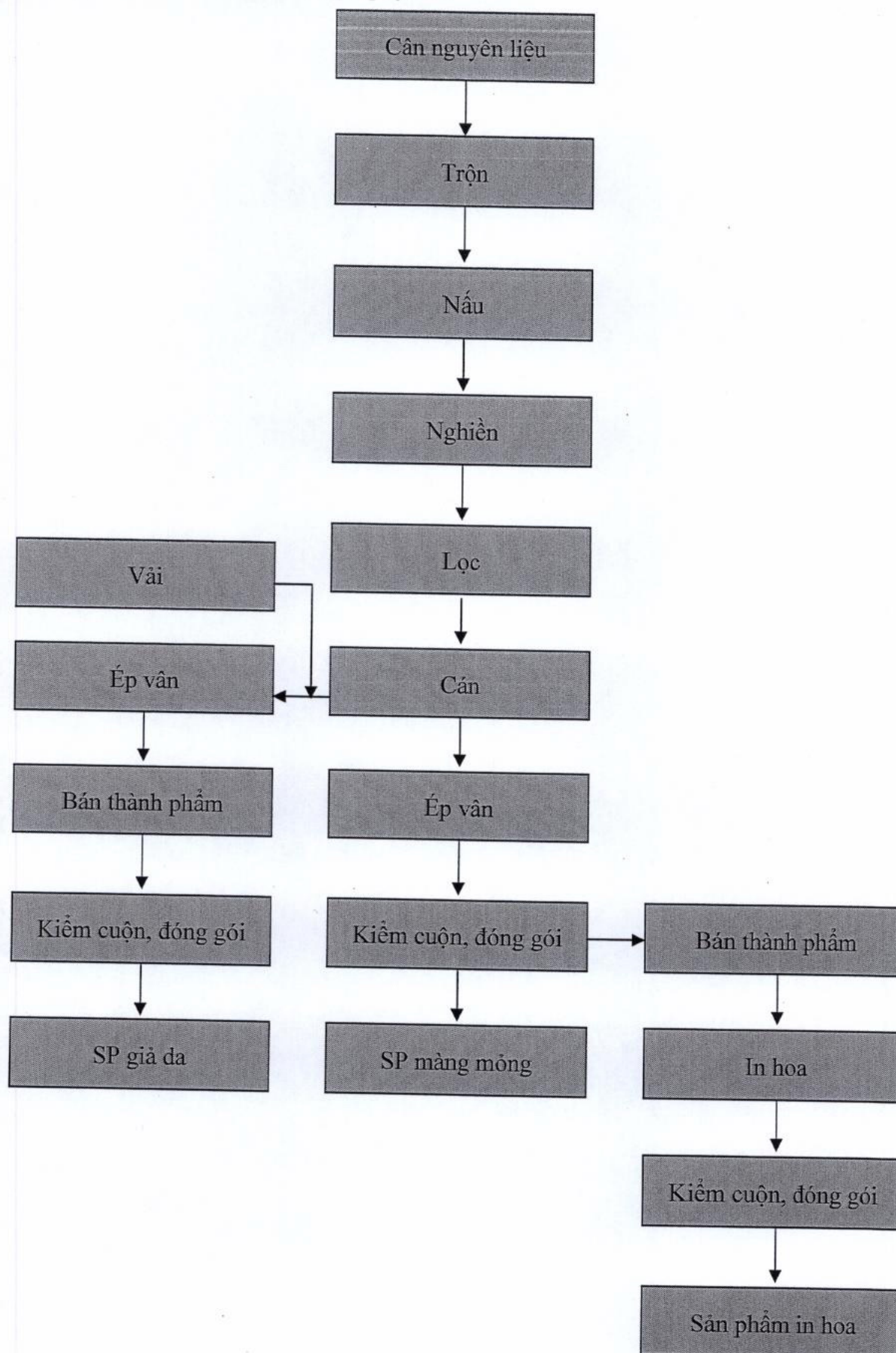
Một số hình ảnh sản phẩm**g. Sản phẩm gia công chế biến:**

Các sản phẩm gia công khá đa dạng về kiểu loại, mẫu mã, màu sắc... Bao gồm các sản phẩm tiêu dùng như: áo mưa, khăn trải bàn, túi xách, màn che, tạp dề, bạt phủ xe, nón tắm, bạt phủ ruộng muối...

Một số hình ảnh sản phẩm**❖ Quy trình sản xuất:**

Quy trình sản xuất của Công ty tương đối hợp lý do đó đã góp phần giảm mức tiêu hao nguyên vật liệu, giá thành sản phẩm của Công ty cạnh tranh hơn so với sản phẩm cùng loại của các doanh nghiệp khác trong ngành.

Sơ đồ 3: Quy trình sản xuất theo công nghệ cán:



Nguyên liệu là hạt nhựa sẽ được đưa vào hệ thống trộn cao tốc để hỗn hợp có tính động nhất cao sau khi được cân bằng hệ thống cân tự động nhằm có độ ổn định và chính xác tuyệt đối về trọng lượng theo tiêu chuẩn định sẵn. Sau khi hỗn hợp được trộn xong sẽ được xả xuống hệ thống-nấu-nghiền-lọc các tạp chất nhựa hóa nguyên liệu. Dòng nhựa sau khi ra khỏi máy lọc sẽ làm nguội và được vận chuyển bằng băng tải lên máy cán, tại công đoạn này hệ thống dây chuyền sản xuất sẽ cán mỏng dòng nhựa theo đúng quy cách về độ dày điều của sản phẩm. Từ công đoạn này, hệ thống sẽ tự động tạo ra thành phẩm như màng mỏng, giả da, sản phẩm in hoa và đóng cuộn sản phẩm theo quy trình định sẵn.

❖ **Cơ cấu tổng doanh thu và lợi nhuận các loại hình sản phẩm của Công ty:**

Bảng 5: Cơ cấu sản lượng các loại hình sản phẩm của Công ty giai đoạn 2011-9 tháng 2013

Stt	Sản phẩm	Năm 2011	Năm 2012	9 tháng 2013
		Sản lượng (mét)	Sản lượng (mét)	Sản lượng (mét)
1	Màng mỏng:	33.131.691	33.729.683	25.085.235
	+ Màng PVC	26.751.097	29.255.028	22.407.145
	+ Màng PE, EVA	6.380.594	4.474.655	2.678.090
2	Giả da các loại	1.602.607	2.459.287	1.946.918
3	Tôn ván	1.252.190	1.353.649	1.356.779
4	Sản phẩm chế biến	1.553.445	1.563.836	1.830.959
5	Nguyên vật liệu	2.277.054	3.066.192	2.919.033
6	Màng ghép	26.084.822	23.525.345	20.408.627
7	Màng đơn	13.056.670	17.889.006	16.487.302
8	Màng thổi	2.848.940	3.456.252	2.963.520
Tổng cộng		81.807.419	87.043.250	72.998.373

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu các loại hình sản phẩm của Công ty giai đoạn 2011-9 tháng 2013

Stt	Sản phẩm	Năm 2011		Năm 2012		9 tháng 2013	
		Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Màng mỏng:	238.394	29,9	252.095	27,0	195.611	25,7
	+ Màng PVC	214.971	26,9	235.167	25,2	180.858	23,7
	+ Màng PE,	23.423	2,9	16.928	1,8	14.753	1,9

Stt	Sản phẩm	Năm 2011		Năm 2012		9 tháng 2013	
		Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
	<i>EVA</i>						
2	Giả da các loại	78.167	9,8	121.677	13,0	98.703	13,0
3	Tôn ván PVC, PP	39.266	4,9	42.322	4,5	39.603	5,2
4	Sản phẩm chế biến	44.738	5,6	49.326	5,3	55.073	7,2
5	Nguyên vật liệu	64.989	8,1	70.192	7,5	43.628	5,7
6	Màng ghép	159.895	20,0	144.284	15,5	118.039	15,5
7	Màng đơn	59.425	7,4	94.548	10,1	82.368	10,8
8	Màng thổi	113.221	14,2	159.156	17,0	128.543	16,9
Tổng cộng		798.094	100	933.599	100	761.569	100

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp các loại hình sản phẩm của Công ty giai đoạn 2011-9T2013

Stt	Sản phẩm	Năm 2011		Năm 2012		9 tháng 2013	
		LN gộp (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	LN gộp (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	LN gộp (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Màng mỏng:	30.627	27,9	32.423	25,5	15.957	20,4
	+ <i>Màng PVC</i>	28.693	26,2	30.897	24,3	15.281	19,5
	+ <i>Màng PE, EVA</i>	1.934	1,8	1.526	1,2	676	0,9
2	Giả da các loại	10.204	9,3	20.312	15,9	10.696	13,7
3	Tôn ván PVC, PP	9.453	8,6	9.626	7,6	8.654	11,1
4	Sản phẩm chế biến	3.670	3,3	3.709	2,9	3.933	5,0
5	Nguyên vật liệu	3.395	3,1	3.375	2,6	4.332	5,5
6	Màng ghép	30.656	28,0	18.322	14,4	10.507	13,4

Stt	Sản phẩm	Năm 2011		Năm 2012		9 tháng 2013	
		LN gộp (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	LN gộp (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	LN gộp (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
7	Màng đơn	5.444	5,0	17.221	13,5	11.540	14,8
8	Màng thời	16.180	14,8	22.378	17,6	12.547	16,1
Tổng cộng		109.630	100	127.364	100	78.166	100

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

Bảng 8: Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty giai đoạn 2011-9T2013

Stt	Sản phẩm/ Dịch vụ	Năm 2011		Năm 2012		9 tháng 2013	
		Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Sản phẩm, hàng hóa	806.160,8	99,92	944.496,4	99,93	783.045,9	99,90
2	Dịch vụ	681,4	0,08	686,1	0,07	787,2	0,10
Tổng cộng		806.842,2	100	945.182,5	100	783.833,1	100

(Nguồn: BCKT năm 2011, 2012 và BCTC tại 30/09/2013 của Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

7.2. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành

Trong thời gian qua, Công ty đã đầu tư một số thiết bị máy móc phục vụ trong hoạt động sản xuất, cụ thể như: đầu tư máy chia cuộn 1,6 tỷ đồng, máy thu hồi DOP 1,5 tỷ đồng, máy xử lý giả da 2,5 tỷ đồng, máy kiểm màng in 4,2 tỷ đồng.

Các máy móc thiết bị này đầu tư nhằm thay thế các máy móc thiết bị cũ, việc đầu tư đã giúp giảm phi hao sản xuất, bảo vệ môi trường, ví dụ máy xử lý giả da giúp tăng năng lực lên gấp đôi, máy kiểm lỗi giúp sản phẩm được hoàn thiện hơn khi đến tay người tiêu dùng.

7.3. Hoạt động Marketing

Hiện nay, hoạt động nghiên cứu thị trường là do Phòng Marketing của Công ty đảm trách. Công ty triển khai hoạt động nghiên cứu thị trường dưới nhiều hình thức khác nhau, cụ thể như:

- Thu thập thông tin từ các đại lý tiêu thụ và khách hàng, trên cơ sở những góp ý và yêu cầu thiết thực của khách hàng về mẫu mã, kiểu dáng và tính năng kỹ thuật của từng loại sản phẩm hiện có để Công ty có những nghiên cứu nhằm cải tiến sản phẩm cũ hoặc đưa ra sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của khách hàng.
- Tìm hiểu nhu cầu thị trường, phát hiện những xu hướng tiêu dùng mới để Công ty có

hướng đầu tư thích hợp.

- Phòng Kinh doanh của Công ty cũng đã tiến hành tìm hiểu nhu cầu thị trường, khảo sát mức độ tin cậy của người tiêu dùng đối với từng dòng sản phẩm của Công ty, nhằm xây dựng thương hiệu Nhựa Rạng Đông ngày càng vững mạnh.

Các hoạt động nghiên cứu thị trường đã có những tác động rất tích cực đến chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty, góp phần không nhỏ đến sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty trong những năm qua.

a. Hoạt động xây dựng và quảng bá thương hiệu

Với quan niệm “Thương hiệu không chỉ là tài sản chính của doanh nghiệp mà còn là nguồn năng lượng và định hướng hoạt động”; “Thương hiệu là dấu ấn ghi đậm trong tâm tưởng của tất cả đối tượng có liên quan của doanh nghiệp”.

Công tác xây dựng và quảng bá thương hiệu là một trong những hoạt động được Công ty đặt mục tiêu thực hiện một cách bài bản và lâu dài nhằm nâng cao mức độ nhận biết thương hiệu lên hàng đầu, đạt được sự tin tưởng, nâng cao uy tín đối với khách hàng, người tiêu dùng và xã hội cộng đồng; đồng thời tác động tích cực đến ý thức của mỗi cán bộ nhân viên trong Công ty.

❖ **Hệ thống nhận diện thương hiệu của Công ty:**

Thống nhất bao gồm các đặc trưng sau:

- Hình ảnh biểu trưng của Công ty:



- Màu sắc chủ đạo của Công ty: Màu xanh lá non, thể hiện tính cam kết bảo vệ môi trường.



- Khẩu hiệu của Công ty: “*Luôn Luôn Tốt Hơn*”.

Thể hiện mong muốn và cam kết luôn phục vụ tốt nhất và luôn vươn tới để hoàn thiện hơn nữa trong tương lai.

❖ **Định hướng nhân cách thương hiệu:**

Là một chuyên gia trong lĩnh vực sản phẩm cung cấp, có đặc điểm và tính cách:

- Có tay nghề cao (thông qua sản phẩm chất lượng, dịch vụ chuyên nghiệp).
- Năng động (thông qua việc nắm bắt nhanh chóng các nhu cầu thị trường).
- Đa năng (thông qua sản phẩm đa dạng).
- Chuẩn mực (thông qua các tiêu chuẩn rõ ràng, minh bạch trong chính sách kinh doanh,

tuân thủ pháp luật).

- Thân thiện gần gũi (thông qua mối quan hệ với khách hàng).
- Yêu thiên nhiên (thông qua việc chọn lựa màu sắc xanh lá non làm màu sắc đặc trưng cùng với việc tuân thủ quy định bảo vệ môi trường).

❖ **Giá trị cốt lõi của thương hiệu:**

Là những giá trị mà Công ty mang đến cho khách hàng, xã hội và cộng đồng và cổ đông, đó là:

- Cung cấp những sản phẩm chất lượng tốt nhất với giá cả hợp lý nhất.
- Tăng giá trị cho sản phẩm bằng những dịch vụ hoàn hảo nhất.
- Chú trọng lợi ích khách hàng, xây dựng và gìn giữ mối quan hệ lâu dài với khách hàng.
- Minh bạch trong chính sách kinh doanh.
- Tuân thủ quy định của pháp luật.
- Tạo dựng môi trường làm việc tốt.
- Luôn vận động, sáng tạo, cải tiến.

❖ **Phương hướng phát triển thương hiệu trong tương lai (tầm nhìn thương hiệu):**

Là một thương hiệu mạnh được biết đến không chỉ trong nước mà cả trong khu vực và trên thế giới.

❖ **Các hoạt động quảng bá thương hiệu ra bên ngoài:**

Công ty đã thực hiện các hoạt động quảng bá thương hiệu với những nội dung truyền thông gồm: Thông tin hệ thống nhận diện thương hiệu; giá trị cốt lõi, lời hứa và tầm nhìn thương hiệu; những điểm nổi bật của sản phẩm, dịch vụ cung cấp; việc tung sản phẩm mới, đầu tư chiều rộng hoặc chiều sâu; các chương trình xúc tiến bán hàng v.v...

Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp, phương tiện truyền thông, quảng bá khác nhau như: quảng cáo bằng các phương tiện quyền thông đại chúng, hoạt động giao lưu quan hệ quần chúng, tham gia các tổ chức hiệp hội, tham gia hội chợ triển lãm chuyên ngành ở trong và ngoài nước (hội chợ hàng công nghiệp, hội chợ ngành da giày, hội chợ thủy sản, hội chợ bao bì, hội chợ ngành xây dựng...), tham gia các Hội chợ phục vụ người tiêu dùng (Hội chợ Hàng Việt Nam Chất lượng cao).

Bên cạnh các hoạt động truyền thông quảng bá nhằm thu hút sự quan tâm của khách hàng, Công ty còn phối hợp thực hiện các hoạt động đưa hàng ra thị trường như: tiếp thị trực tiếp, quảng cáo ngay tại điểm phân phối, tổ chức sự kiện tung sản phẩm, triển khai các chương trình xúc tiến hỗ trợ bán hàng...

❖ **Các hoạt động xây dựng thương hiệu nội bộ và văn hóa doanh nghiệp:**

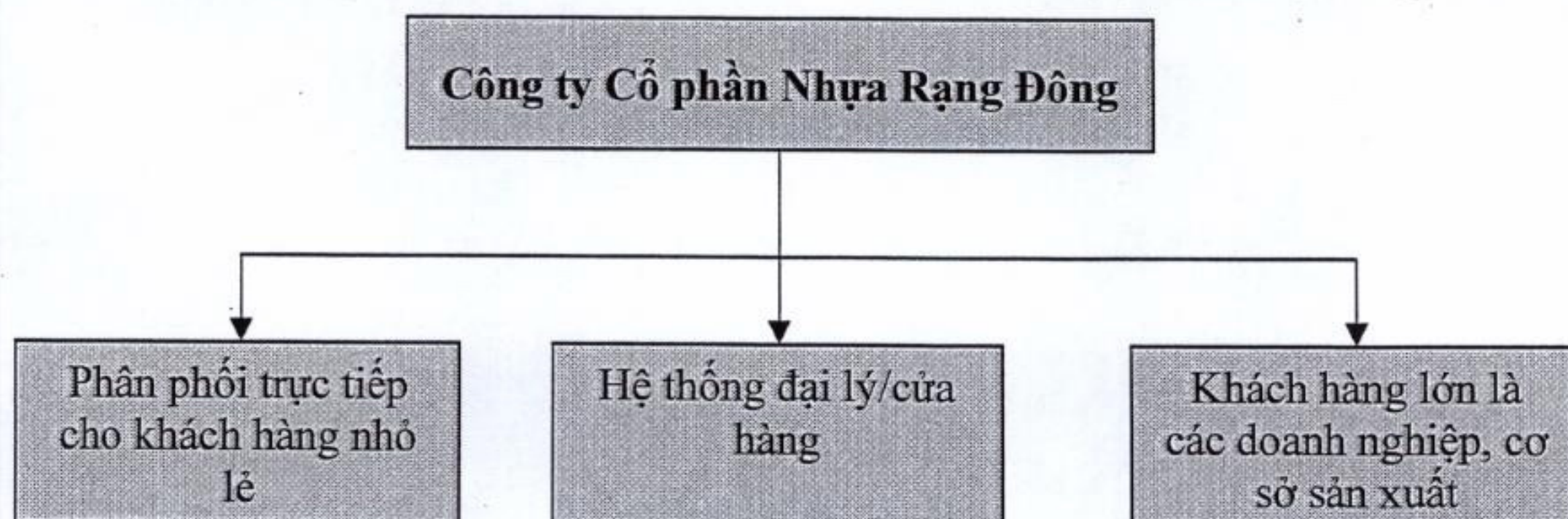
Bên cạnh việc xây dựng thương hiệu ra bên ngoài, Công ty rất chú trọng đến việc xây dựng thương hiệu nội bộ và văn hóa doanh nghiệp thông qua các hình thức truyền thông trực tiếp và gián tiếp sao cho dấu ấn thương hiệu ghi đậm trong tâm tưởng của mỗi cá nhân và khiến cho tập thể nhân sự của Công ty thể hiện một cách tự nhiên những giá trị cốt lõi của thương hiệu.

b. Chiến lược sản phẩm

- Sản phẩm mang thương hiệu Rạng Đông đã được khẳng định về chất lượng đối với thị trường trong nước cũng như thị trường quốc tế. Công ty luôn giữ đúng phương châm “Cung cấp sản phẩm chất lượng cao cấp, sản xuất theo tiêu chuẩn đã công bố”.
- Màn hình là sản phẩm truyền thống mang lại doanh thu cao nhất cho Công ty trong suốt những năm qua. Công ty đặt mục tiêu giữ vững tốc độ tăng trưởng của dòng sản phẩm này. Để đạt được mục tiêu này, Công ty đã thực hiện tốt các giải pháp như: đáp ứng nhanh chóng nhu cầu (đặc biệt nhóm hàng màn hình đi mưa quảng cáo), cải tiến mẫu mã (đặc biệt với nhóm màn hình in hoa), nắm bắt và đáp ứng những nhu cầu mới nhất của khách hàng (trong các ngành văn phòng phẩm, trang trí nội thất, quảng cáo, xây dựng).
- Hiện nay, Công ty đang đặt mục tiêu phát triển 2 dòng sản phẩm Bao bì phức hợp và Giả da-là những dòng sản phẩm có nhu cầu tăng trưởng cao nhất hiện nay trong ngành nhựa.
- Sản phẩm bao bì đã được Công ty đầu tư sản xuất từ hơn 10 năm qua và đã được chú trọng đầu tư trong vòng 5 năm gần đây bao gồm máy móc thiết bị, công nghệ, nhà xưởng và nguồn nhân lực. Với tốc độ phát triển hàng năm từ 25%-30%, Công ty đặt mục tiêu là top 3 nhà cung cấp bao bì hàng đầu tại Việt Nam.
- Giả da là một trong những sản phẩm truyền thống của Công ty, có mặt trên thị trường Việt Nam từ năm 1960 và đã có tiếng trong khu vực Đông Nam Á từ thời bấy giờ. Hiện nay, Công ty đã đầu tư thêm thiết bị công nghệ và phát triển mẫu mã để có khả năng đáp ứng toàn diện cho các ngành công nghiệp giày dép, túi xách, nội thất, may mặc, dụng cụ thể thao v.v... Công ty đặt mục tiêu giữ vững vị trí là nhà sản xuất giả da hàng đầu Việt Nam và vươn đến thị trường thế giới.

c. Hệ thống phân phối

- Hệ thống phân phối của Công ty mở rộng từ miền Bắc, miền Trung và miền Nam với hàng trăm đại lý, cửa hàng.
- Sản phẩm của Công ty được tiêu thụ thông qua 3 kênh phân phối: (1) Hệ thống chi nhánh Công ty; (2) Hệ thống bán sỉ: là các khách hàng lớn, cơ sở sản xuất trực tiếp sử dụng sản phẩm của Công ty làm nguyên liệu sản xuất; (3) Hệ thống đại lý/cửa hàng.



- Công ty đặt mục tiêu phát triển kênh phân phối qua đại lý/cửa hàng để đẩy mạnh phân phối đến từng khu vực thị trường trong cả nước.
- Để thực hiện mục tiêu này, Công ty đã có chính sách ưu đãi thích hợp bằng các hình

thức khác nhau cho các nhà phân phối, đại lý.

d. Chính sách giá

- Công ty rất thận trọng trong chính sách giá và luôn hướng đến mục tiêu lợi ích của khách hàng lâu dài, giữ vững uy tín để tạo sự tin cậy của khách hàng và san sẻ khó khăn của đại lý và khách hàng khi biến động tăng giá nguyên liệu. Mặt khác, do sự không ổn định và khó dự đoán của tình hình nguyên liệu nhựa, Công ty rất thận trọng đề phòng trường hợp giá nguyên vật liệu xuống khi giá bán đã điều chỉnh tăng.
- Về chiến lược giá cho sản phẩm xuất khẩu, phần lớn giá bán của Công ty mang tính cạnh tranh cao. Tuy nhiên, các sản phẩm của Công ty đáp ứng được về chất lượng cũng như mẫu mã, tính tiện lợi và an toàn khi sử dụng của người tiêu dùng nên vẫn đảm bảo được sức cạnh tranh về giá sản phẩm.

e. Chiến lược xúc tiến

- Hình thức xúc tiến được Công ty áp dụng nhiều nhất là khuyến mãi áp dụng cho kênh khách hàng nhà phân phối, đại lý; được thực hiện với những biện pháp khác nhau tùy vào mặt hàng, mùa vụ, đối tượng khách hàng như: hoa hồng, chiết khấu cuối mùa vụ, tặng kèm hàng v.v...
- Các chương trình khuyến mãi cho người bán kết hợp với quảng bá thương hiệu tác động đến người tiêu dùng cuối cùng có tác động tương trợ để phục vụ cho công tác kinh doanh bán hàng của Công ty.

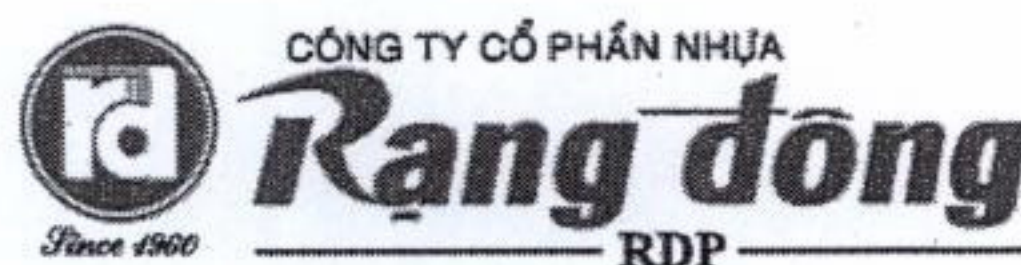
7.4. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Nhãn hiệu hàng hóa mà Công ty đang sử dụng đã được đăng ký bảo hộ từ năm 1960. Trải qua nhiều giai đoạn thay đổi tên gọi và các hình ảnh biểu trưng của Công ty. Hiện nay, Công ty đang sử dụng các nhãn hiệu đã được đăng ký bảo hộ như sau:

Logo Công ty:



Biểu trưng tên Công ty:



Biểu trưng sản phẩm Công ty:



Ngoài ra, Công ty đã đăng ký sở hữu trí tuệ cho hàng trăm kiểu dáng công nghiệp.



7.5. Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 9: Các hợp đồng lớn đã và đang thực hiện hoặc đã được ký kết

STT	Tên khách hàng	Nội dung	Giá trị hợp đồng (USD/VND)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện
1	MIJI CHEMICAL CO.,LTD	Giả da	449.306 USD	23/04/2013	23/04/2013-31/10/2013
2	FUJIKATSU CO., LTD	Áo mưa PVC	39.166.8 USD	30/07/2013	30/07/2013-30/10/2013
	UNIWORLD CORPORATION	Áo mưa PVC	44.973 USD	24/10/2013	24/10/2013-30/01/2014
3	Công ty TNHH MIE KOU	Màng nhựa PVC	42.628 USD	01/04/2013	01/04/2013-17/10/2013
4	LIM KEANG HENG STORE	Tôn nhựa PVC	64.244 USD	09/03/2013	09/03/2013-31/10/2013
5	Công ty K.O.NIG. LTD	Ván nhựa PVC	125.830 USD	08/03/2013	08/03/2013-12/07/2013
6	Doanh nghiệp Tư nhân Bảo Ngân	Màng nhựa PVC	8.498.315.000	01/01/2013	01/01/2013-04/10/2013
7	Công ty Cổ phần Thăng Long	Màng EVA	4.131.600.000	05/07/2013	05/07/2013-30/10/2013
8	Công ty TNHH SXTM Rạng Đông	Giả da	3.550.030.000	27/06/2013	01/08/2013-31/10/2013
9	Công ty Cổ phần Hoàn Kiếm	Màng nhựa PVC	3.932.211.360	06/07/2013	06/7/2013-30/11/2013
10	Công ty TNHH GSK VN CN HN 1	Giả da	4.546.838.000	21/09/2013	24/09/2013-30/11/2013
11	Hợp tác xã Sơn Tùng	Màng nhựa PVC	2.435.400.000	15/07/2013	15/07/2013-31/12/2013
12	Công ty TNHH MTV TM Hoàng Kim Loan	Ván nhựa PVC	1.323.113.000	12/08/2013	12/08/2013-12/09/2013
13	Công ty Cổ phần TM & SX Nội thất Nhà Việt	Giả da	1.485.990.000	21/10/2013	01/11/2013-31/12/2013
14	Ngân hàng TMCP Xuất	Áo mưa PVC	1.022.676.000	29/03/2013	01/04/2013-



Stt	Tên khách hàng	Nội dung	Giá trị hợp đồng (USD/VND)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện
	nhập khẩu Việt Nam				01/05/2013
15	Liên hiệp HTX Thương mại Tp.Hồ Chí Minh	Áo mưa PVC	2.066.266.576	01/01/2013	01/01/2013-30/06/2014
16	Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	Áo mưa PVC	2.811.878.500	01/07/2013	01/07/2013-01/07/2014
17	Ngân hàng TMCP Á Châu	Áo mưa PVC	4.092.859.200	16/04/2013	16/04/2013-31/05/2013
18	Công ty TNHH Thời trang và Xe đạp Martin 107	Áo mưa PVC	3.273.135.760	01/04/2013	01/04/2013-31/12/2014
19	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Áo mưa PVC	5.040.567.090	07/05/2013	07/05/2013-08/06/2013
20	Công ty TNHH URC Việt Nam	Màng PE, nhãn PVC, Màng ghép các loại	5.000.000.000 VNĐ/tháng	01/01/2013	31/12/2013
21	Công ty TNHH Fiesland Campina Việt Nam	Màng PE, nhãn PVC	2.000.000.000 VNĐ/tháng	01/01/2013	31/12/2013
22	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Màng PE, nhãn PVC	1.200.000.000 VNĐ/tháng	01/01/2013	31/12/2013
23	Công ty TNHH Nước giải khát Coca Cola Việt Nam	Màng PE, nhãn PVC	3.000.000.000 VNĐ/tháng	01/01/2013	31/12/2013
24	Công ty TNHH MTV Công nghiệp Masan	Màng PE, màng ghép các loại	4.000.000.000 VNĐ/tháng	01/01/2013	31/12/2013
25	Công ty TNHH Vedan Việt Nam	Màng ghép	2.000.000.000 VNĐ/tháng	01/01/2013	31/12/2013
26	Công ty Cổ phần Thực phẩm Á Châu	Màng ghép các loại	3.000.000.000 VNĐ/tháng	01/01/2013	31/12/2013

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 10: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm	9 tháng 2013
1	Tổng tài sản	501.489	561.606	12%	561.606
2	Doanh thu thuần	806.842	945.182	17%	945.182
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	23.229	40.867	76%	40.867
4	Lợi nhuận khác	791	535	-32%	535
5	Lợi nhuận trước thuế	24.020	41.402	72%	41.402
6	Lợi nhuận sau thuế	17.518	31.050	77%	31.050
7	Tỷ lệ cổ tức (%)	10%	12%	20%	na

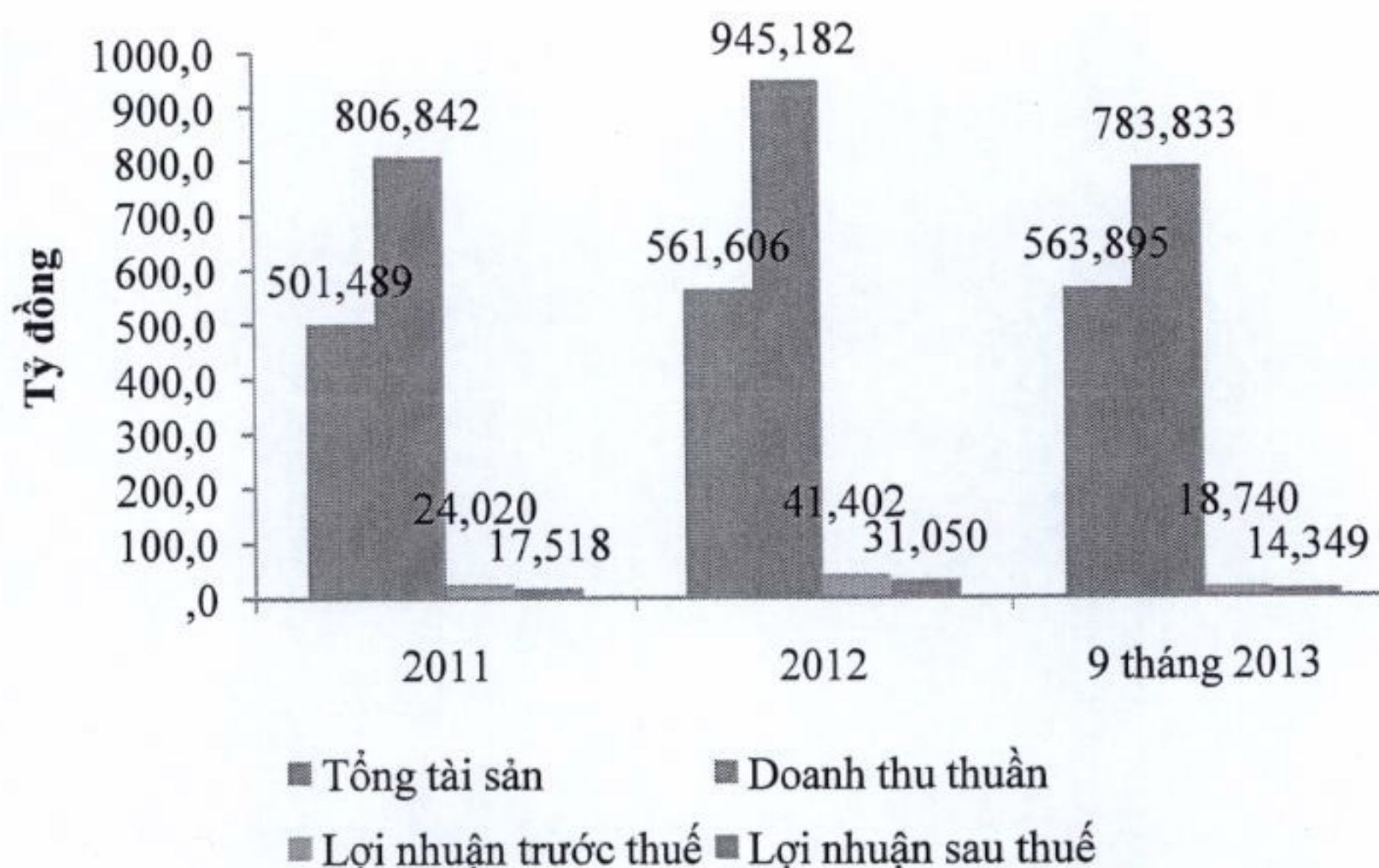
(Nguồn: BCKT năm 2011, 2012 và BCTC tại 30/09/2013 của Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm qua có những bước phát triển vượt bậc, thể hiện qua các mức tăng trưởng cao của các chỉ tiêu về tài sản, doanh thu và lợi nhuận của Công ty qua các năm. Năm 2012, doanh thu tăng trưởng 17,3%, lợi nhuận trước thuế tăng 72,4% so với năm 2011. Có được sự tăng trưởng vượt bậc như vậy là do trong năm 2011, 2012 Công ty đã trúng thầu được nhiều hợp đồng lớn như Coca Cola, Pepsi, Nestle, Vinamilk, Dutchlady...

Tổng tài sản của Công ty năm 2012 đạt 501 tỷ đồng, đến 30/9/2013 tổng tài sản là 563 tỷ đồng trong đó chủ yếu là hàng tồn kho và tài sản cố định. Cụ thể, hàng tồn kho chủ yếu là nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất các mặt hàng nhựa. Tài sản cố định chủ yếu là máy móc thiết bị, nhà xưởng... Tài sản cố định tăng là do Công ty tập trung đầu tư mua sắm mới máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm của Công ty.

Kết thúc 30/09/2013, Công ty đã hoàn thành 74,7% kế hoạch doanh thu và 41,6% kế hoạch lợi nhuận trước thuế của cả năm. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) mới đạt được 1.248 đồng/cổ phiếu, bằng 46% EPS mục tiêu.

**Biểu đồ: Tổng tài sản, doanh thu, lợi nhuận trước thuế
giai đoạn 2011-2012 và 9 tháng năm 2013**



(Nguồn: BCKT năm 2011, 2012 và BCTC tại 30/09/2013 của Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

❖ Thuận lợi:

- **Năng lực sản xuất:** Công ty là một trong số ít các doanh nghiệp ngành nhựa được đầu tư hệ thống máy móc thiết bị dây chuyền hiện đại, công suất lớn được nhập khẩu từ các nước tiên tiến như Nhật Bản, Đài Loan. Bên cạnh đó, Công ty còn thường xuyên đầu tư, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới đa dạng về chất lượng, mẫu mã sản phẩm.
- **Cơ cấu tổ chức:** Ban lãnh đạo là những người gắn bó lâu năm, có tâm huyết với Công ty, luôn đề ra các giải pháp và quyết sách đúng đắn và kịp thời để hoàn thành kế hoạch mà ĐHCĐ giao phó. Bên cạnh đó, Công ty còn sở hữu đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân lành nghề, có kinh nghiệm và năng lực chuyên môn khá, chuyên nghiên cứu phát triển sản phẩm mới nhằm đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của người tiêu dùng.
- **Hệ thống phân phối:** Mạng lưới tiêu thụ sản phẩm của Công ty khá rộng khắp, tại các khu vực tiêu thụ lớn như Tp.Hồ Chí Minh, Hà Nội, Nghệ An và các tỉnh địa phương đều có các cửa hàng, chi nhánh, các đại lý, các nhà phân phối lâu năm gắn bó và các nhà sản xuất lớn đã tiêu thụ sản phẩm của Công ty suốt thời gian qua, có quan hệ thương mại chặt chẽ với Công ty. Các sản phẩm chế biến của Công ty như áo mưa, tạp dề, phủ xe... có mặt ở hầu hết hệ thống các siêu thị như Co.opmart, Vinatex mart, Hapro...
- **Chất lượng sản phẩm:** Công ty được đánh giá và ưa chuộng bởi người tiêu thụ chủ yếu là do tính ổn định của chất lượng sản phẩm cung ứng, với tiêu chuẩn chất lượng theo ISO 9001:2000 vượt trội hơn các doanh nghiệp khác chỉ quản lý theo mô hình gần như của các cơ sở, gia đình, tính cam kết và ổn định thấp.

- Uy tín nhãn hiệu: Công ty luôn có các hoạt động quảng bá thương hiệu, giữ vững uy tín nhãn hiệu và luôn quan tâm đến chất lượng sản phẩm và dịch vụ phục vụ khách hàng, khách hàng thường ưu tiên chọn lựa sử dụng sản phẩm của Nhựa Rạng Đông cho các nhu cầu của mình.

❖ **Khó khăn:**

- Một trong những khó khăn của toàn ngành nhựa nói chung và của Nhựa Rạng Đông nói riêng là nguồn nguyên liệu. Ngành nhựa hiện đang phải phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu. Theo Hiệp hội Nhựa Việt Nam (VPA) trong nửa đầu năm 2013, cả nước đã phải chi tới 2,7 tỷ USD nhập khẩu chất dẻo và nguyên liệu, tăng 19,2% về lượng và 20,3% về giá trị. Để đáp ứng nhu cầu thị trường nội địa và xuất khẩu, trung bình mỗi năm ngành nhựa cần khoảng 2,2 triệu tấn nguyên liệu để sản xuất, nhưng trong nước chỉ mới đáp ứng được 450.000 tấn.
- Chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh còn tương đối cao. Cụ thể, chi phí giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng bình quân 88% tổng doanh thu. Năm 2012, chi phí giá vốn hàng bán tăng 17,4% so với năm 2011 khiến cho lợi nhuận gộp chỉ tăng gần 16% so với cùng kỳ năm trước, trong khi chi số tăng trưởng lợi nhuận gộp 2 năm gần đây đạt từ 41%-59%. Thêm vào đó, để có thể khẳng định thương hiệu của mình trong thời buổi thị trường cạnh tranh cao thì chi phí bán hàng cũng đã tăng thêm 23,24% so với cùng kỳ năm 2011.
- Thêm vào đó, hàng giả, hàng nhái hiện nay trên thị trường với chất lượng thấp, giá thành rẻ, mẫu mã bắt mắt của các doanh nghiệp nhỏ lẻ khác tham gia cung cấp sản phẩm trên thị trường. Mục tiêu của họ đơn giản chỉ là bám theo các sản phẩm đã ăn khách trên thị trường của Nhựa Rạng Đông nên phần nào ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông là một trong những doanh nghiệp hàng đầu, tiên phong trong ngành sản xuất bao bì nhựa, đặc biệt là các sản phẩm như màng mỏng PVC, giả da, tấm lọc... Với công nghệ sản xuất hiện đại, Công ty có thể ứng dụng đa công nghệ vào quy trình sản xuất như cán-tráng, ép đùn, ép phun, tráng ghép. Đặc biệt đối với sản phẩm giả da phục vụ trong ngành giày dép có khả năng sản xuất trên cả hai công nghệ cán-tráng nhằm nâng cao năng lực sản xuất cũng như tạo ra sản phẩm chất lượng cao.

Hiện nay, mức tăng trưởng bình quân hàng năm trong lĩnh vực kinh doanh bao bì của công ty là 25%-40%. Thị phần màng đi mưa của Công ty chiếm khoảng 60% thị trường Việt Nam. Trong năm 2013, Công ty đã trúng thầu cung cấp sản phẩm cho một số khách hàng lớn như Coca Cola, Pepsi, Nestle, Vinamilk, Dutchlady... Đặc biệt là sản phẩm Stretch Hood cung cấp cho Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn-Quảng Ngãi. Phần lớn sản phẩm bao bì của Công ty sản xuất và kinh doanh phục vụ các ngành sản xuất thực phẩm, bánh kẹo, sữa, trái cây khô, hải sản, thủy hải sản và màng bảo vệ thực vật.

Bên cạnh đó, Công ty còn ứng dụng công nghệ sản xuất tiên tiến của Nhật Bản, Đài Loan, Châu Âu để sản xuất các sản phẩm bao bì đảm bảo theo tiêu chuẩn GMP, HACCP cũng như tuân

thủ chặt chẽ hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000. Với uy tín nhãn hiệu trên thị trường, Nhựa Rạng Đông nhận được nhiều sự quan tâm, lựa chọn sử dụng và đánh giá cao từ phía nhà tiêu dùng.

Theo thống kê của Bộ Công thương, hiện nay nước ta có khoảng hơn 1.060 doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành nhựa trải dài từ Bắc vào Nam và tập trung chủ yếu ở Tp.Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông là một trong những thương hiệu uy tín trong ngành nhựa Việt Nam với thị phần lớn. Hiện nay, thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty chủ yếu là thị trường nội địa, tập trung tại khu vực Tp.Hồ Chí Minh và Hà Nội. Khách hàng của Công ty chủ yếu là các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng, xây dựng, dược phẩm, nông sản, thực phẩm... như Coca Cola, Vinamilk, Bitis, Pepsi, URC.... với hệ thống phân phối phủ khắp các tỉnh thành trong cả nước.

9.2. Triển vọng phát triển của ngành

Nhựa là một trong những ngành công nghiệp non trẻ, có nhiều tiềm năng với tốc độ tăng trưởng được duy trì ở mức cao qua các năm. Theo Thời báo Kinh tế Việt Nam, Việt Nam nằm trong các quốc gia có tốc độ tăng trưởng ngành nhựa tốt nhất trên thế giới, dự báo kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm nhựa của Việt Nam năm 2013 sẽ đạt mức tăng trưởng từ 11%-13,5% so với năm 2012. Ngành nhựa đang hướng tới sản xuất những sản phẩm chất lượng cao, đa dạng về chủng loại, mẫu mã, có tính cạnh tranh cao và thân thiện với môi trường.

Sản phẩm của ngành nhựa Việt Nam không chỉ tiêu thụ tại thị trường nội địa mà còn xuất khẩu hơn 55 quốc gia và vùng lãnh thổ. Theo số liệu từ Tổng Cục Hải quan Việt Nam, nửa đầu năm 2013 xuất khẩu sản phẩm từ chất dẻo mang về 843,5 triệu USD, tăng 10,58% so với cùng kỳ năm 2012. Các thị trường chính của sản phẩm nhựa nước ta là Nhật Bản, Hoa Kỳ, Campuchia, EU. Trong đó, Nhật Bản là thị trường nhập khẩu chủ yếu của Việt Nam trong 5 năm qua; Campuchia 10 năm trước đây là thị trường tiêu thụ sản phẩm nhựa của Thái Lan thì nay hàng Việt đã vươn lên chiếm lĩnh. Ngoài ra, thị trường Nga và Ấn Độ hiện đang được đánh giá là thị trường xuất khẩu tiềm năng và đầy triển vọng của ngành nhựa Việt Nam.

Trong 10 năm trở lại đây, xuất khẩu các sản phẩm nhựa của Việt Nam liên tục tăng trưởng khả quan do nhu cầu tiêu thụ sản phẩm nhựa hiện nay trên toàn thế giới đang tăng mạnh, được dự báo sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới, đặc biệt là thị trường Đông Nam Á. Điều này hứa hẹn sẽ mang lại nhiều cơ hội và triển vọng cho ngành nhựa. Nhu cầu về sản phẩm nhựa ngày càng tăng mở ra nhiều cơ hội phát triển cho ngành nhựa ở cả thị trường trong nước cũng như thị trường thế giới. Mặt khác, cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước đã trở thành đòn bẩy cho ngành nhựa Việt Nam phát triển nhanh chóng.

Hiện nay, thị trường nhựa Việt Nam có ba trung tâm lớn là Tp.Hồ Chí Minh, Hà Nội và Đà Nẵng, trong đó khu vực phía Nam là nơi phát triển nhất. Theo thống kê ngành nhựa, thị trường Tp.Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận như Đồng Nai, Bình Dương. Đầu tư nước ngoài vào ngành nhựa tại các khu vực phía Nam cũng phát triển mạnh. Điều này thể hiện các điều kiện cũng như cơ chế khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất tại phía Nam có nhiều thuận lợi và thông thoáng hơn. Tuy nhiên, sự phát triển quá chênh lệch tại các vùng miền cũng gây lãng phí và bất hợp lý về thị trường cũng như về chi phí giao thông.

9.3. Đánh giá về sự phù hợp của định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

9.3.1 Định hướng phát triển của Công ty cho giai đoạn 2013-2014

Với nguồn lực hiện có của công ty và sự nhận định, đánh giá về tình hình chung của ngành nhựa, Công ty đề ra mục tiêu chiến lược phát triển như sau:

- Tập trung phát triển các sản phẩm chiến lược, thân thiện với môi trường nhằm mang lại doanh thu và lợi nhuận cao cho Công ty là giả da và bao bì.
- Tập trung xây dựng hệ thống sản xuất đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế như GMP, HACCP, ISO 9001:2000.
- Nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả và sức cạnh tranh, bảo đảm mức tăng trưởng cao và bền vững, gia tăng giá trị cho cổ đông.
- Tập trung tìm kiếm, khai thác các nguồn tài chính có lợi cho Công ty, quản lý chặt chi phí đầu vào, chi phí sản xuất và đánh giá kỹ hiệu quả của các dự án đầu tư.
- Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển trung và dài hạn, đồng thời tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các công cụ quản lý như: hệ thống các quy chế, quy trình tác nghiệp, hệ thống báo cáo quản trị và thông tin quản lý... thông qua việc áp dụng các hệ thống tiên tiến và các công cụ tin học.
- Tăng cường kiểm soát chất lượng sản phẩm, kiểm soát tiến độ để đảm bảo khả năng đáp ứng các nhu cầu xuất khẩu.
- Xây dựng và phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường, đáp ứng nhu cầu trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu, khẳng định vị thế của Nhựa Rạng Đông trên thương trường Việt Nam và quốc tế.
- Xử lý tốt nguồn chất thải trước khi đưa vào hệ thống xử lý chung của khu công nghiệp, làm giảm thiểu tác động có thể gây ô nhiễm môi trường.
- Ổn định, tạo sự phát triển cho đời sống của cán bộ công nhân viên, tập trung vào công tác phát triển nguồn nhân lực, nhằm đáp ứng định hướng phát triển sản xuất-kinh doanh đa ngành và đóng góp cho sự phát triển cộng đồng và xã hội.

9.3.2 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Với vị thế thương hiệu sẵn có của Công ty ở thị trường trong nước cũng như thị trường thế giới, cộng thêm ngành nhựa đang có nhiều tiềm năng phát triển to lớn do nhu cầu tiêu thụ ngày càng tăng cao, do đó, có thể thấy rằng định hướng phát triển của Công ty là phù hợp với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới.

10. Chính sách đối với người lao động

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/10/2013 là 706 người với cơ cấu phân theo trình độ chuyên môn được thể hiện như sau:

Bảng 11: Cơ cấu lao động Công ty

Stt	Phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Phân theo giới tính	669	100
1	Nam	500	74,74
2	Nữ	169	25,26
II	Phân theo trình độ chuyên môn	669	100
1	Đại học và Trên đại học	116	17,34
2	Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp	119	17,79
3	Công nhân kỹ thuật	407	60,84
4	Lao động phổ thông	27	4,03

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

10.1. Các chính sách đối với người lao động

❖ Chính sách về chế độ làm việc:

- Thời giờ làm việc: Công ty thực hiện chế độ, thời giờ làm việc 08 giờ/ngày; 06 ngày/tuần. Trong năm 2012, Công ty áp dụng thời giờ làm việc 08 giờ/ngày; 5,5 ngày/tuần.
- Nghỉ phép, nghỉ lễ: Nhân viên được nghỉ phép, nghỉ lễ, tết theo quy định của Bộ Luật Lao động. Những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc.
- Nghỉ ốm, nghỉ thai sản: Thời gian và các chế độ liên quan đến việc nghỉ thai sản được Công ty thực hiện đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ Luật Lao động.
- Điều kiện làm việc: Văn phòng, nhà xưởng khang trang, thoát mát. Đối với lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt. Công ty cũng đã thực hiện chính sách bảo hiểm tai nạn cho CBCNV tổng cộng 30,5 triệu đồng/vụ.

❖ Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

Tuyển dụng: Công ty ưu tiên tuyển dụng những lao động trẻ, có trình độ học vấn cao để Công ty đào tạo trong chương trình cán bộ nguồn nhằm đáp ứng cho nhu cầu liên tục phát triển và mở rộng quy mô Công ty, cũng như tăng cường cho các nhà máy, chi nhánh mới.

- Việc tuyển dụng được Công ty thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng như website Công ty, báo đài, cơ quan giới thiệu việc làm...

- Thu hút những người có kinh nghiệm trong ngành, nhiệt tình, có trách nhiệm, ham học hỏi, biết sáng tạo. Ưu tiên những người có khả năng phân tích tổng hợp, xử lý tình huống và quản trị công việc tốt.
- Đối với công nhân, ưu tiên tuyển dụng lao động trẻ, năng động để đào tạo thành công nhân kỹ thuật lành nghề. Điều này góp phần ổn định lực lượng công nhân đông đảo của Công ty.
- Đào tạo nội bộ, trong nước và cử đi học ở nước ngoài.

Đào tạo và huấn luyện:

- Với mục tiêu đào tạo đội ngũ CBCNV lành nghề, giỏi quản lý, hàng năm Công ty điều trích ra một khoản chi phí cho công tác đào tạo. Số tiền này được Công ty dùng để hỗ trợ cho CBCNV tham gia các khóa đào tạo về nghiệp vụ, ngoại ngữ, tham quan học hỏi công nghệ mới ở nước ngoài nhằm nâng cao trình độ...
- Chính sách đào tạo luôn được duy trì nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho CBCNV và tạo nguồn nhân lực bổ sung vào các vị trí chủ chốt trong Công ty.

❖ Chính sách lương, thưởng và phúc lợi:**Chính sách lương:**

- Hệ thống lương của Công ty được xây dựng dựa vào nguyên tắc công bằng trên cơ sở đánh giá một cách toàn diện trình độ, năng lực, kinh nghiệm, thâm niên và chủ yếu là dựa vào hiệu quả công việc. Hệ thống này cũng đảm bảo tuân thủ những quy định về chế độ tiền lương của Nhà nước. Việc tăng lương được xem xét, đánh giá hàng tháng dựa trên hiệu quả công việc của từng lao động trong Công ty.
- Luôn duy trì mức lương cao so với các công ty đồng ngành và thường cao hơn nhiều so với quy định của Nhà nước. Mức lương bình quân của CBCNV Công ty đạt 6.400.000 đồng/người/tháng. Công ty áp dụng chính sách tiền lương theo năng suất và hiệu quả làm việc của từng nhân viên.

Chính sách thưởng:

- Công ty có chính sách thưởng, phạt thỏa đáng, công bằng và phân minh cho người lao động nhằm khuyến khích người lao động cống hiến cho sự phát triển của Công ty và xây dựng một tổ chức phát triển vững mạnh.
- Áp dụng ESOP (Employee Stock Ownership Plan-Kế hoạch cho người lao động sở hữu cổ phần) từ năm 2007, tạo cơ hội cho người lao động gắn kết với lợi ích chung của Công ty cũng như sự nỗ lực phấn đấu, cống hiến của từng cá nhân cho sự phát triển chung của Công ty.
- Áp dụng khen thưởng đột xuất cho các cá nhân/tập thể hoàn thành nhiệm vụ ở mức sáng tạo cao hoặc có sáng kiến cải tiến kỹ thuật-quản lý để làm tăng cao hiệu suất trong công việc.
- Áp dụng khen thưởng khi cá nhân/tập thể đạt hoặc vượt một số chỉ tiêu quan trọng do Công ty đề ra.

Phúc lợi:

- Nộp đầy đủ các loại bảo hiểm xã hội và y tế cho CBCNV theo quy định của Nhà nước.
- Thực hiện mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho CBCNV.
- Thành lập Công đoàn để bảo vệ quyền lợi cho người lao động.
- Tổ chức vui chơi giải trí cho toàn thể CBCNV như hội thao, văn nghệ trong các dịp lễ quốc gia và lễ của Công ty.
- Tổ chức đi du lịch xa cho toàn thể CBCNV và gia đình ít nhất 1 lần/năm.
- Một số trợ cấp, phúc lợi khác theo Luật Lao động Việt Nam và quy chế nhân viên của Công ty.

11. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do HĐQT đề xuất và được ĐHĐCĐ quyết định. Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật và cổ đông được chia cổ tức theo số cổ phần nắm giữ.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên đề xuất của HĐQT căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính và kế hoạch kinh doanh của các năm tới.

Bảng 12: Tỷ lệ cổ tức qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Kế hoạch 2013	Kế hoạch 2014
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	10	12	12	12

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

12. Tình hình tài chính
12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính bằng Đồng Việt Nam. Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư sửa đổi và bổ sung.

12.1.1 Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 13: Báo cáo về vốn điều lệ và tình hình sử dụng vốn điều lệ của Công ty

Thời gian	Nguồn tăng	Mục đích sử dụng	Tình hình sử dụng vốn
Thành lập với vốn điều lệ là 82.480.000.000 đồng			



Thời gian	Nguồn tăng	Mục đích sử dụng	Tình hình sử dụng vốn
Ngày 12/05/2007, tăng vốn điều lệ từ 82.480.000.000 đồng lên 115.000.000.000 đồng.	- Chia cổ tức năm 2006 (tỷ lệ 9%): 742.320 cổ phiếu.	Tái đầu tư mua sắm máy móc thiết bị.	Đây là khoản lợi nhuận thu được trong năm 2006, được Công ty chuyển vào vốn điều lệ để tái đầu tư vào việc mua sắm máy móc thiết bị.
Đợt phát hành này Công ty chưa có sự chấp thuận của UBCKNN theo quy định tại Thông tư số 17/2007/TT-BTC của Bộ Tài chính. Do vậy, UBCKNN đã ra quyết định xử phạt số 228/TT ngày 03/04/2008 với số tiền là 20.000.000 đồng. Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền phạt.	- Phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP: 42.500 cổ phiếu, giá 10.000 đồng/cổ phiếu	Sử dụng cho các dự án đầu tư, tái cơ cấu tài chính:	Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này là 49.771.380.000 đồng. Công ty đã sử dụng toàn bộ số tiền để đầu tư xây dựng Nhà máy Bao bì số 1 tại Huyện Củ Chi, dự án cải tạo văn phòng và đầu tư bổ sung máy móc thiết bị sản xuất tại trụ sở chính.
	- Chào bán cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 5:1): 1.649.600 cổ phiếu, giá 20.000 đồng/cổ phiếu. - Chào bán cho HĐQT, BKS, Ban TGD và CBCNV: 817.719 cổ phiếu, giá 20.000 đồng/cổ phiếu.	- Đầu tư xây dựng Nhà máy Bao bì số 1 tại Huyện Củ Chi thuộc dự án mở rộng chi nhánh Công ty (Nhà máy Nhựa Hóc Môn). - Dự án cải tạo văn phòng và đầu tư bổ sung máy móc thiết bị sản xuất tại trụ sở chính. - Mua đất cho việc di dời sản xuất tại khu công nghiệp.	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

Bảng 14: Báo cáo về vốn kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: đồng

Vốn kinh doanh (tại 30/09/2013)	Giá trị
Nợ phải trả	367.098.156.621
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	115.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	24.673.190.000
Vốn khác của chủ sở hữu	1.912.212.955
Lợi nhuận chưa phân phối	14.348.716.988
Các khoản khác: Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Nguồn vốn đầu tư XDCB, Chênh lệch tỷ giá hối đoái	40.638.166.581
Tổng cộng	563.895.443.145

(Nguồn: BCTC tại 30/09/2013 của Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)



Tính đến thời điểm 30/09/2013, Công ty có số vốn kinh doanh là 563.895.443.145 đồng, trong đó vốn điều lệ là 115.000.000.000 đồng. Công ty đã duy trì mức vốn điều lệ từ năm 2007 đến nay chưa thực hiện bất kỳ đợt tăng vốn nào, trong khi vốn kinh doanh hiện đã tăng trưởng gần 70% so với năm 2008, tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 12%/năm.

Tại thời điểm 30/09/2013, vốn kinh doanh của Công ty được đầu tư vào các hạng mục cụ thể sau:

Bảng 15: Chi tiết sử dụng vốn kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	Giá trị
Hàng tồn kho	216.038.364.462
Phải thu ngắn hạn	114.838.788.841
Tài sản cố định	158.955.592.090
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	48.013.071.392
Trong đó:	
Xây dựng cơ bản dở dang:	
- Dự án đất Khu công nghiệp Tiên Sơn-Bắc Ninh	5.559.339.878
- Dự án 7 lô đất KCN Tân Đô-Long An	21.539.631.607
- Mua 2 lô đất tại xã Tân Thạnh Đông, Củ Chi	3.701.254.400
- Công trình xây dựng khác	98.056.364
Mua sắm tài sản cố định	17.114.789.143
Tiền mặt	5.584.046.648
Các tài sản khác	20.465.579.713
Tổng cộng	563.895.443.146

(Nguồn: BCTC tại 30/09/2013 của Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

Tại thời điểm 30/09/2013, Công ty có dư nợ vay ngắn hạn khá lớn, chiếm 40% tổng tài sản. Nguồn vốn này được dùng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Công ty bao gồm chi phí mua nguyên vật liệu. Hàng tồn kho chủ yếu là nguyên vật liệu đầu vào để sản xuất các mặt hàng nhựa, chiếm tỷ trọng 78% giá trị hàng tồn kho. Tài sản cố định chủ yếu là máy móc, thiết bị và quyền sử dụng đất của nhà xưởng tại Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi. Chi phí xây dựng dở dang là tiền thuê đất và đầu tư xây dựng tại Khu công nghiệp Tiên Sơn-Bắc Ninh (5,5 tỷ đồng) và Khu công nghiệp Tân Đô-Long An (21,5 tỷ đồng). Sau khi hoàn tất xây dựng xong sẽ kết chuyển sang phần tài sản cố định. Ngoài ra, tài sản khác chủ yếu bao gồm các khoản thuế được hoãn lại hoặc khấu trừ và chi phí trả trước.

12.1.2 Trích khấu hao TSCĐ

TSCĐ được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa và vật kiến trúc	:	15-25 năm
- Máy móc, thiết bị	:	05-12 năm
- Phương tiện vận tải	:	06-08 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	:	03-05 năm
- Quyền sử dụng đất	:	49 năm
- Phần mềm	:	05-10 năm

12.1.3 Mức lương bình quân

Tính đến thời điểm 30/09/2013, mức lương bình quân của Công ty là 6.400.000 đồng/tháng/người.

12.1.4 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Việc thanh toán các khoản nợ đến hạn của Công ty luôn được thực hiện đầy đủ và đúng hạn trong các năm qua. Hiện nay, Công ty không có các khoản nợ quá hạn.

12.1.5 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, các khoản phí/lệ phí khác... theo quy định của pháp luật.

12.1.6 Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần, theo điều lệ. Mức trích lập cụ thể theo từng năm sẽ do ĐHĐCĐ quyết định dựa trên đề xuất của HĐQT.

Bảng 16: Số dư các quỹ năm 2011, 2012 và 30/09/2013

Đơn vị tính: đồng

Stt	Các quỹ	Năm 2011	Năm 2012	30/09/2013
1	Quỹ đầu tư phát triển	16.459.119.452	19.086.794.669	35.260.063.414
2	Quỹ dự phòng tài chính	2.949.686.910	3.825.578.649	5.378.103.167
3	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-208.836.649	336.821.739	2.117.607.275
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20.680.712.186	34.975.852.107	14.348.716.988
Tổng cộng		39.880.681.899	58.225.047.164	57.104.490.844

(Nguồn: BCKT năm 2011, 2012 và BCTC tại 30/09/2013 của Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

12.1.7 Tổng dư nợ vay

Tại thời điểm 30/9/2013, tổng số dư nợ vay của Công ty là 265.751.301.086 đồng.



Bảng 17: Số dư các khoản vay tại thời điểm 30/9/2013

Đơn vị tính: đồng

Stt	Các khoản vay	Dư nợ vay tại 30/9/2013
I	Vay và nợ ngắn hạn	217.908.868.552
Vay VND		
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	41.295.542.097
2	Ngân hàng HSBC	102.836.363.453
3	Ngân hàng ANZ	41.325.856.199
4	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	25.784.352.173
Vay USD		
1	Ngân hàng HSBC (193.745,78 USD)	4.105.664.599
2	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (122.965,65 USD)	2.561.090.031
II	Vay và nợ dài hạn	42.434.122.873
Vay VND		
1	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	4.950.191.264
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3.944.258.000
Vay USD		
	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (465.317 USD)	9.706.512.620
	Ngân hàng TMCP Á Châu (1.142.529,29 USD)	23.833.160.989
Tổng cộng		260.342.991.425

(Nguồn: BCTC tại 30/09/2013 của Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

Ngoài ra, các khoản vay dài hạn đến hạn trả của Công ty tại thời điểm 30/09/2013 như sau:

- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam: 43.500.000 đồng
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam: 1.080.255.960 đồng
- Ngân hàng TMCP Á Châu CN Bình Tây: 795.181.000 đồng
- Ngân hàng TMCP Á Châu CN Bình Tây: 3.489.372.703 đồng
- Tổng cộng: 5.408.309.663 đồng**



12.1.8 Tình hình công nợ hiện nay

❖ Các khoản phải thu:

Bảng 18: Các khoản phải thu

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	30/09/2013
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	79.982.202.189	117.033.821.891	114.838.788.841
1	Phải thu khách hàng	69.005.889.549	95.802.958.455	94.071.892.534
2	Trả trước cho người bán	12.233.438.446	23.144.002.967	23.336.364.157
3	Các khoản phải thu khác	818.646.085	785.783.429	129.455.110
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-2.075.771.891	-2.698.922.960	-2.698.922.960
II	Các khoản phải thu dài hạn	602.025.192	602.025.192	602.025.192
1	Phải thu khách hàng	-	-	-
2	Trả trước cho người bán	-	-	-
3	Các khoản phải thu khác	602.025.192	602.025.192	602.025.192
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-	-	-
Tổng cộng		80.584.227.381	117.635.847.083	115.440.814.033

(Nguồn: BCKT năm 2011, 2012 và BCTC tại 30/09/2013 của Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

❖ Các khoản phải trả

Bảng 19: Các khoản phải trả

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	30/09/2013
I	Nợ ngắn hạn	278.125.303.700	321.644.387.855	324.062.008.556
1	Vay và nợ ngắn hạn	186.207.079.631	203.593.624.242	223.317.178.213
2	Phải trả cho người bán	59.742.668.491	77.929.900.918	67.955.889.516
3	Người mua trả tiền trước	7.753.605.118	7.833.957.725	6.098.919.742
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.268.233.159	8.270.245.592	4.725.547.650
5	Phải trả người lao động	11.924.082.974	13.664.390.084	13.814.777.924
6	Chi phí phải trả	5.285.923.433	7.353.961.356	3.496.480.199
7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.152.547.543	2.661.486.199	2.535.608.037
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-208.836.649	336.821.739	2.117.607.275

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	30/09/2013
II	Nợ dài hạn	42.300.718.528	40.488.142.065	43.036.148.065
1	Phải trả dài hạn khác	602.025.192		
2	Vay và nợ dài hạn	41.629.176.880	39.886.116.873	42.434.122.873
3	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	69.516.456	-	-
Tổng cộng		320.426.022.228	362.132.529.920	367.098.156.621

(Nguồn: BCKT năm 2011, 2012 và BCTC tại 30/09/2013 của Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 20: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2011 và 2012

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2011	Năm 2012
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,11	1,09
+ Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,38	0,43
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Tổng nợ/Tổng Tài sản	%	63,89	64,48
+ Tổng Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	176,97	181,54
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	lần/năm	3,87	3,97
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	160,89	168,30
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,17	3,29
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	9,67	15,57
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	3,49	5,53
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,88	4,32
5. Chỉ tiêu liên quan tới cổ phần			
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng	1.523	2.700
+ Giá trị sổ sách trên cổ phần	đồng	15.745	17.345

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông, VCBS tổng hợp)

13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát
Bảng 21: Danh sách HĐQT, BTGD, Kế toán trưởng, BKS

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
A. Hội đồng quản trị				
1	Hồ Đức Lam	Chủ tịch	1962	024332090
2	Lê Thanh Phương	Thành viên	1969	350852215
3	Lê Long	Thành viên	1981	012354418
4	Nguyễn Đắc Hải	Thành viên	1975	024745486
5	Nguyễn Thị Thu Cúc	Thành viên	1972	022717469
B. Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng				
1	Hồ Đức Lam	TGD	1962	024332090
2	Nguyễn Văn Thường	PTGD	1958	020135023
3	Nguyễn Đắc Hải	Kế toán trưởng	1975	024745486
C. Ban kiểm soát				
1	Nguyễn Hạnh Bảo Phúc	Trưởng ban	1983	023787558
2	Lê Hạnh Dinh	Thành viên	1972	022704198
3	Lương Trung Hiếu	Thành viên	1970	022457696

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông, VCBS tổng hợp)

A. Hội đồng quản trị
1. Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên : **HỒ ĐỨC LAM**
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 01/06/1962
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 024332090 cấp ngày: 09/11/2004 tại: Tp.Hồ Chí Minh
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nghệ An
- Địa chỉ thường trú : M3, Phường 14, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư điện

- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 05/1983-12/1987	Công nhân cơ điện Xí nghiệp liên hiệp gỗ diêm hòa bình-Liên hiệp Xí nghiệp giấy gỗ diêm 2.
Từ 01/1988-01/1990	Kỹ thuật viên điện Xí nghiệp vận tải nguyên liệu giấy số 1-Xí nghiệp giấy Đồng Nai.
Từ 02/1990-10/1993	Kỹ thuật viên điện Công ty Nhựa Rạng Đông.
Từ 11/1993-12/1994	Phó giám đốc Nhà máy Cơ khí động lực Công ty Nhựa Rạng Đông.
Từ 01/1995-02/1996	Phó phòng kỹ thuật Công ty Nhựa Rạng Đông.
Từ 03/1996-03/2002	Trưởng phòng kỹ thuật-Bí thư chi Bộ Kỹ thuật Công ty Nhựa Rạng Đông.
Từ 03/2002-02/2005	Giám Đốc điều hành-Đảng ủy viên-Bí thư chi bộ Công ty Nhựa Rạng Đông.
Từ 02/2005-12/2005	Giám Đốc điều hành, Thành viên HĐQT, Phó Bí thư Đảng ủy Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông.
Từ 01/2006-Nay	Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Công nghiệp Trung ương tại Tp.Hồ Chí Minh, Bí thư Đảng ủy Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông, Chủ tịch Hiệp hội Nhựa Việt Nam, Phó Chủ tịch Câu lạc bộ CEO.

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng giám đốc, kiêm Bí thư Đảng ủy Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - Ủy viên Ban chấp hành Đảng Ủy Khối Doanh nghiệp Công nghiệp Trung ương tại Tp.Hồ Chí Minh
 - Chủ tịch Hiệp hội Nhựa Việt Nam
 - Phó Chủ tịch Câu lạc bộ CEO
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
 - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện sở hữu: 2.769.179 cổ phiếu, chiếm 24,08% vốn điều lệ
- Trong đó:
- Sở hữu cá nhân: 2.769.179 cổ phiếu, chiếm 24,08% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: Không có



- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: 0,006%

2. Thành viên HĐQT

- Họ và tên : **LÊ LONG**
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 27/09/1981
- Nơi sinh : Hưng Yên
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 012354418 Cấp ngày: 05/07/2012 Tại: Hà Nội
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hương Sơn, Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú : Phòng 202, nhà F1, Ngõ 165 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Luật, Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 11/2003-12/2003	Chuyên viên Ngân hàng TMCP Quân đội.
Từ 1/2004-5/2005	Trưởng bộ phận Công ty TNHH Thương mại quốc tế và dịch vụ siêu thị Bourbon.
Từ 5/2005-8/2006	Chuyên viên Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.
Từ 8/2006-12/2011	Chuyên viên Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước.
Từ 12/2011-05/2012	Phó trưởng ban phụ trách Ban Chiến lược Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước.
Từ 05/2012-Nay	Phó trưởng ban Kế hoạch Tổng hợp Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước.

- Chức vụ công tác hiện nay:
 - Phó trưởng ban Kế hoạch Tổng hợp Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước
 - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Giấy Đông Anh
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân: Không có

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: 0,05%

3. Thành viên HĐQT

- Họ và tên : **NGUYỄN THỊ THU CÚC**
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 14/08/1972
- Nơi sinh : Đà Nẵng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 022717469 Cấp ngày: 27/08/2012 Tại: Tp.Hồ Chí Minh
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú : 163/14/10 Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kỹ thuật, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư hóa
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 1996-2001	Kỹ thuật viên Xí nghiệp liên doanh Li Phú Đông trực thuộc Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông.
Từ 2002-2003	Phó Giám Đốc Nhà máy Nhựa 6, Phó Bí thư đoàn thanh niên, Ủy viên Ban chấp hành đoàn khối bộ công nghiệp Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông.
Từ 2004-2005	Giám đốc Nhà máy Nhựa 6, Bí thư chi bộ Nhà máy nhựa 6, Bí thư đoàn thanh niên công ty, Ủy viên Ban chấp hành Đoàn khối Bộ Công nghiệp Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông.
Từ 2006-08/2007	Thành viên HĐQT, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu chất dẻo, Đảng ủy viên, Chủ tịch công đoàn Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông.
Từ 09/2007-2008	Thành viên HĐQT, Giám đốc hành chính nhân sự, Đảng ủy viên, Bí thư chi bộ, Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông.
Từ 2008-07/2013	Thành viên HĐQT, Giám đốc Hành chính Nhân sự, Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông. Đảng ủy viên-Bí thư chi bộ, Ủy viên BCH Công Đoàn Công Thương Việt Nam.
Từ 07/2013-Nay	Thành viên HĐQT-Giám đốc Hành chính Nhân sự Công ty Cổ



	phần Nhựa Rạng Đông. Đảng ủy viên-Bí thư chi bộ, Ủy viên Ban chấp hành Tổng Liên Đoàn Lao động Việt Nam. Ủy viên Ban chấp hành Công Đoàn Công thương Việt Nam-Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông.
--	---

- Chức vụ công tác hiện nay:
 - Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc hành chính nhân sự Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông
 - Đảng ủy viên-Bí thư chi bộ, Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - Ủy viên Ban chấp hành Tổng Liên Đoàn Lao động Việt Nam
 - Ủy viên Ban chấp hành Công đoàn Công thương Việt Nam
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện sở hữu: 10.000 cổ phiếu, chiếm 0,009% vốn điều lệ

Trong đó:

- *Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phiếu, chiếm 0,009% vốn điều lệ*
- *Đại diện sở hữu: Không có*
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: 0,001%

4. Thành viên HĐQT

- Họ và tên : **NGUYỄN ĐẮC HẢI**
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 10/11/1975
- Nơi sinh : Nghệ An
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 024745486 Cấp ngày: 21/05/2007 Tại: Tp.Hồ Chí Minh
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Đô Lương, Nghệ An
- Địa chỉ thường trú : 36 Đường số 15 Hoàng Hoa Thám, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 10/1996-02/2004	Kế toán Tổng hợp, Công ty Dệt may Thành Công.
Từ 03/2004-12/2005	Tổ phó chuyên trách Ban Quản Lý dự án, Trưởng ban Công Nghệ Thông Tin, Trưởng Ban Kiểm soát, Phó phòng Tài chính kế toán, Trưởng phòng Tài chính kế toán, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông.
Từ 01/2006-Nay	Thành viên HĐQT, Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông.

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Tài chính, kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện sở hữu: 9.054 cổ phiếu, chiếm 0,08% vốn điều lệ

Trong đó:

- *Sở hữu cá nhân: 9.054 cổ phiếu, chiếm 0,08% vốn điều lệ*
- *Đại diện sở hữu: Không có*
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không có

5. Thành viên HĐQT

- Họ và tên : **LÊ THANH PHƯƠNG**
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 24/01/1969
- Nơi sinh : An Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 350852215 Cấp ngày: 09/11/2004 Tại: An Giang
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : An Giang
- Địa chỉ thường trú : 11C Nguyễn Thức Đường, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Tp.Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư hóa
- Quá trình công tác :



Thời gian	Chức vụ
Từ 04/1994-2004	Cán bộ kỹ thuật Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông.
Từ 2005-2006	Phó Giám đốc Trung tâm nghiên cứu chất dẻo, Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông.
Từ 01/2006-Nay	Thành viên HĐQT, Giám đốc Nhà máy Nhựa 1 Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông.

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Giám đốc Nhà máy Nhựa 1 Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện sở hữu: 19.887 cổ phiếu, chiếm 0,17% vốn điều lệ

Trong đó:

- *Sở hữu cá nhân: 19.887 cổ phiếu, chiếm 0,17% vốn điều lệ*
- *Đại diện sở hữu: Không có*
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không có

B. Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

1. Tổng Giám đốc: Hồ Đức Lam

Lý lịch đã trình bày ở mục A.1

2. Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên : **NGUYỄN VĂN THƯỜNG**
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 10/09/1958
- Nơi sinh : Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 020135023 Cấp ngày: 24/07/2001 Tại: Tp.Hồ Chí Minh
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thái Bình
- Địa chỉ thường trú : 207 Thống Nhất, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư hóa

- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 01/1981-08/1993	Cán bộ kỹ thuật, Giám đốc Nhà máy Nhựa 2 Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông.
Từ 10/1993-03/2006	Giám đốc Nhà máy Nhựa Hóc Môn, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu chất dẻo Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông.
Từ 04/2006-Nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông.

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện sở hữu: 12.089 cổ phiếu, chiếm 0,11% vốn điều lệ

Trong đó:

- *Sở hữu cá nhân: 12.089 cổ phiếu, chiếm 0,11% vốn điều lệ*
- *Đại diện sở hữu: Không có*

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không có

3. Kế toán trưởng

(Lý lịch đã trình bày ở mục A.4)

C. Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên : **NGUYỄN HẠNH BẢO PHÚC**
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 27/08/1983
- Nơi sinh : Quảng Ngãi
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 023787558 Cấp ngày: 10/12/2001 Tại: Tp.Hồ Chí Minh
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú : 47/27 Trần Hưng Đạo, Phường 6, Quận 5, Tp.Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế



- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 04/2005-07/2005	Phân tích và lập kế hoạch sử dụng vốn lưu động, lập kế hoạch đặt hàng và theo dõi thanh toán tiền cho nhà cung cấp tại Phòng tài chính Công ty Cổ phần Viet Can Tech.
Từ 08/2005-08/2007	Công tác tại Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam).
Từ 09/2007-Nay	Công tác tại Bộ phận quản lý doanh nghiệp-Chi nhánh khu vực phía Nam-Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước.

- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - Trường phòng Phát triển dự án Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước-Chi nhánh khu vực phía Nam
 - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Sài Gòn
 - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Du lịch Cần Thơ
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện sở hữu: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: 0,02%

2. Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên : **LÊ HẠNH DINH**
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 04/09/1972
- Nơi sinh : Tp.Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 022704198 Cấp ngày:31/07/2013 Tại: Tp.Hồ Chí Minh
- Dân tộc : Hoa
- Quê quán : Trung Quốc
- Địa chỉ thường trú : 310C/c La Kai, 98 Nguyễn Tri Phương, Phường 7, Quận 5, Tp.Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :



Thời gian	Chức vụ
Từ 10/1995-Nay	Nhân viên Phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông.
Từ 15/10/2012-Nay	Phó Giám đốc Kinh Doanh Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông.

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện sở hữu: 6.062 cổ phiếu, chiếm 0,05% vốn điều lệ

Trong đó:

- *Sở hữu cá nhân: 6.062 cổ phiếu, chiếm 0,05% vốn điều lệ*
- *Đại diện sở hữu: Không có*
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không có

3. Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên : **LƯƠNG TRUNG HIẾU**
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 23/08/1970
- Nơi sinh : Tp.Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 022457696 Cấp ngày: 06/03/2009 Tại: Tp.Hồ Chí Minh
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Vĩnh Long
- Địa chỉ thường trú : 386 An Dương Vương, Phường 4, Quận 5, Tp.Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí.
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 11/1993-Nay	Kỹ sư cơ khí theo dõi bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị tại Nhà máy cơ khí động lực thuộc Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông.



- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Nhà máy cơ khí động lực thuộc Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện sở hữu: 9 cổ phiếu, chiếm 0,00008% vốn điều lệ

Trong đó:

- *Sở hữu cá nhân: 9 cổ phiếu, chiếm % vốn điều lệ*
- *Đại diện sở hữu: Không có*
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không có

14. Tài sản

Giá trị TSCĐ theo báo cáo tài chính của Công ty tại thời điểm 30/09/2013 như sau:

Bảng 22: Giá trị TSCĐ chủ yếu của Công ty tại thời điểm 30/09/2013

Đơn vị tính: đồng

Stt	Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
I	TSCĐ hữu hình	357.588.141.022	205.547.623.381	152.040.517.641
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	51.826.189.758	23.730.189.806	28.095.999.952
2	Máy móc thiết bị	286.652.570.706	171.628.852.004	115.023.718.702
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	12.869.142.502	7.278.723.724	5.590.418.778
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	6.240.238.056	2.909.857.847	3.330.380.209
II	TSCĐ vô hình	7.993.758.177	1.078.683.728	6.915.074.449
1	Quyền sử dụng đất	7.466.544.597	693.724.958	6.772.819.639
2	Hệ thống quản lý mạng, hệ thống ISSO	527.213.580	384.958.770	142.254.810
Tổng cộng		364.503.215.471	206.626.307.109	158.955.592.090

(Nguồn: BCTC đến 30/09/2013 của Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2013
Bảng 23: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2013

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2012	Kế hoạch năm 2013	% tăng giảm so với năm 2012
1	Vốn điều lệ	đồng	115.000.000.000	115.000.000.000	0,0%
2	Doanh thu thuần	đồng	952.724.107.490	1.050.000.000.000	10,2%
3	Lợi nhuận trước thuế	đồng	41.402.273.107	45.000.000.000	8,7%
4	Lợi nhuận sau thuế		31.050.490.355	33.750.000.000	8,7%
5	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,3%	3,2%	-1,4%
6	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	15,6%	13,4%	-13,7%
7	Cổ tức	%	12%	12%	-

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

Dựa vào những hợp đồng đã và đang được ký kết với các đối tác trong và ngoài nước, Công ty đặt ra kế hoạch kinh doanh năm 2013 với doanh thu 1.050 tỷ đồng và 45 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng lần lượt 10,2% và 8,7% so với năm 2012. Tuy nhiên, kết thúc 9 tháng đầu năm, Công ty đã hoàn thành 74,7% kế hoạch doanh thu nhưng mới chỉ đạt 41,6% kế hoạch lợi nhuận trước thuế của cả năm. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) mới đạt được 1.248 đồng/cổ phiếu, bằng 48% EPS mục tiêu. Việc có khả năng đạt được kế hoạch năm sẽ phụ thuộc nhiều vào kết quả kinh doanh trong Quý IV. Tuy nhiên, dự báo tình hình kinh doanh vẫn còn nhiều khó khăn như sức mua trên thị trường giảm, tình hình cạnh tranh trên thị trường kinh doanh sản phẩm nhựa ngày càng gay gắt, đặc biệt là cạnh tranh về giá có thể làm ảnh hưởng đến doanh số của Công ty. Ngoài ra, giá nguyên vật liệu đầu vào tăng hay tình hình tỷ giá chưa ổn định có thể làm giảm lợi nhuận của Công ty. Do vậy, Công ty có thể không hoàn thành kế hoạch trong năm 2013.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Trên cơ sở thu thập thông tin, phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hiện nay của Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông cùng với việc phân tích ngành, Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS) cho rằng, kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông dự kiến trong năm 2013 có thể không đạt được dựa trên những đánh giá nói trên.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam lưu ý rằng những nhận xét của VCBS chỉ có giá trị tham khảo cho các nhà đầu tư. VCBS khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản cáo bạch này trước khi quyết định đầu tư. Các thông tin trình bày hoặc các nhận định nêu trên không hàm ý VCBS bảo đảm giá trị của cổ phiếu và kết quả đầu tư vào cổ phiếu này.



17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành
Không có
18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu phát hành
Không có

**V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN****1. Loại cổ phiếu**

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phiếu (mười nghìn đồng/cổ phiếu).

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán là 2.875.000 cổ phiếu (*Hai triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn cổ phiếu*).

4. Đối tượng chào bán

Cổ đông hiện hữu

5. Tỷ lệ chào bán

Tỷ lệ thực hiện quyền là 4:1 (tại ngày chốt danh sách để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần tương ứng sẽ được hưởng 01 quyền mua và cứ 04 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phần phát hành thêm. Số cổ phần chào bán cho cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị).

Ví dụ: vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông Nguyễn văn A sở hữu 151 cổ phần. Khi đó cổ đông A sẽ được mua số cổ phần phát hành thêm tương ứng là $(151/4) \times 1 = 37,75$ cổ phần. Theo phương án xử lý cổ phần lẻ, số lượng cổ phần của cổ đông A được mua sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị là 37 cổ phần.

6. Giá chào bán dự kiến

10.000 đồng/cổ phiếu (bằng mệnh giá).

7. Phương pháp tính giá

- Giá trị sổ sách trên một cổ phiếu của Công ty tại thời điểm 30/09/2013:

$$\text{Giá trị sổ sách trên một cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đã phát hành - Cổ phiếu quỹ}}$$
$$\text{Giá trị sổ sách trên một cổ phiếu} = \frac{196.797.286.524}{11.500.000} = 17.113 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

- Thị giá cổ phiếu của Công ty:

- Tại ngày 18/10/2013, thời điểm Công ty chốt danh sách cổ đông để tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: 15.600 đồng/cổ phiếu.
- Tại ngày 08/11/2013, thời điểm Công ty hoàn tất việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua việc phát hành: 14.500 đồng/cổ phiếu.
- Tại ngày 15/11/2013, thời điểm Công ty chuẩn bị nộp hồ sơ chào bán cho UBCKNN: 14.500 đồng/cổ phiếu.

Dựa trên giá trị sổ sách tại thời điểm 30/09/2013 trình bày ở trên và tham khảo giá thị trường tại một số thời điểm đều cho kết quả trị cổ phiếu của Công ty lớn hơn 10.000 đồng/cổ phiếu. Đây là đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông ở Công

ty, để bảo vệ lợi ích của cổ đông và để tăng khả năng thành công của đợt chào bán, ĐHĐCĐ của Công ty đã quyết định giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu (bằng mệnh giá).

8. Phương thức phân phối

❖ Bước 1: Thông báo quyền mua

Sau khi chốt danh sách cổ đông phân bổ quyền mua, Công ty hoặc các thành viên lưu ký sẽ thông báo đến các cổ đông về việc thời gian phát hành, thời gian nộp tiền mua cổ phiếu.

❖ Bước 2: Thực hiện quyền mua cho cổ đông hiện hữu và thanh toán tiền mua cổ phiếu

Các cổ đông trên danh sách sở hữu cuối cùng thực hiện đăng ký quyền mua cổ phiếu theo tỷ lệ quy định.

Khi đăng ký quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cổ đông sẽ nộp tiền mua cổ phiếu theo mức giá quy định trong thời hạn đăng ký mua cho phép.

Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện tất nhiên hết hiệu lực.

Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông được mua cổ phiếu có quyền từ chối quyền mua hoặc chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho một hoặc nhiều người khác theo giá thỏa thuận giữa hai bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng.

❖ Bước 3: Kết thúc thực hiện quyền

Kết thúc thời hạn đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu, Công ty sẽ tập hợp danh sách cổ đông đã mua cổ phiếu để lập phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu chưa phân phối hết (nếu có).

Toàn bộ số tiền bán cổ phiếu được chuyển vào tài khoản phong tỏa.

❖ Bước 4: Phân phối chứng khoán

Công ty sẽ thực hiện việc phân phối chứng khoán theo đúng quy định của pháp luật.

9. Thời gian phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối cổ phiếu được thực hiện sau khi UBCKNN cấp giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày Công ty nhận được giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu của UBCKNN cấp.

10. Đăng ký mua cổ phiếu

Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu: theo quy định tối thiểu là 20 ngày. Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua khi Công ty được UBCKNN cấp giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng.

Số lượng cổ phiếu đăng ký mua: là số lượng cổ phiếu được quyền mua theo tỷ lệ hoặc/và số lượng cổ phiếu từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua hoặc/và số cổ phiếu lẻ còn lại do làm tròn số và số cổ phiếu không bán hết được HĐQT quyết định phân phối tiếp.

Phương thức thanh toán: đối với cổ đông đã lưu ký, đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu tại công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản đối với cổ đông đã lưu ký; đối với cổ đông chưa lưu ký, đăng ký mua tại Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông-Phòng Tài chính-Kế toán-190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Tp.Hồ Chí Minh và nộp tiền vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của Công ty mở tại ngân hàng (*thông tin tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu xem tại mục 15 dưới đây*).

Chuyển giao cổ phiếu: toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sau khi thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN, sẽ được đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh và đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Quyền lợi người mua cổ phiếu: cổ phiếu phát hành trong đợt phát hành thêm là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.

11. Phương thức thực hiện quyền

Đây là trường hợp Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phiếu phổ thông và chào bán số cổ phiếu đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ hiện có của cổ đông tại Công ty. Cổ đông sau khi nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu, thực hiện quyền mua (chuyển nhượng quyền mua và đăng ký mua cổ phiếu) theo hướng dẫn tại mục V.6, V.7 và V.8 của Bản cáo bạch này.

12. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ của Công ty theo điều lệ mẫu công ty niêm yết được ĐHĐCĐ thông qua và có hiệu lực từ ngày 18/04/2011 không quy định cụ thể giới hạn về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phiếu của Công ty.

Tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trong đó quy định nhà đầu tư nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng. Hiện nay, cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh, các nhà đầu tư nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu theo các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại Công ty tính đến ngày 18/10/2013 là 1,02% vốn điều lệ.

13. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Quyền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng 01 (một) lần. Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho một hoặc nhiều người khác theo giá thỏa thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Bên nhận chuyển nhượng không được tiếp tục chuyển nhượng cho người khác.

Số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu trong đợt này, là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phân phối.

14. Các loại thuế có liên quan

14.1 Đối với Công ty

❖ Thuế giá trị gia tăng:

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất là 10%.



❖ **Thuế thu nhập doanh nghiệp:**

Theo Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008; Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 124/2008/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm áp dụng cho Công ty là 25% trên lợi nhuận thu được.

Hiện nay, Công ty không được hưởng bất kỳ ưu đãi nào về thuế thu nhập doanh nghiệp.

❖ **Thuế xuất, nhập khẩu:**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của hải quan.

❖ **Các loại thuế khác:**

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

14.2 Đối với nhà đầu tư

❖ **Đối với nhà đầu tư cá nhân:**

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

- Đối với nhà đầu tư trong nước: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần, Việc áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện quy định tại tiết a điểm 2.2.2 mục II Phần B Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/09/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân và cá nhân chuyển nhượng vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng từng lần, cuối năm cá nhân thực hiện quyết toán thuế.
- Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế thu nhập cá nhân 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

- Thu nhập từ cổ tức: Theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/09/2008 của Bộ Tài chính, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.

Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%, Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

❖ **Đối với nhà đầu tư tổ chức:**

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

- Tổ chức trong nước: Theo quy định Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng

chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

- Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 134/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính.
- Thu nhập từ cổ tức: được miễn thuế theo quy định tại khoản 6, Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008.

15. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu lần này sẽ được nộp vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của Công ty, cụ thể như sau:

- Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông.
- Số tài khoản: 0071000809761.
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh.
- Địa chỉ: 10 Võ Văn Kiệt, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN**1. Mục đích chào bán**

Đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng thực hiện theo Nghị quyết số 2976/NQ-ĐHCD ngày 09/11/2013 của ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông tăng vốn điều lệ của Công ty từ 115.000.000.000 đồng lên 143.750.000.000 đồng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển. Theo đó, toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được dùng để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị và đầu tư Dự án Tiên Sơn. Các phương án khả thi đầu tư mua sắm máy móc thiết bị và đầu tư Dự án Tiên Sơn do Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông lập và được HĐQT Công ty phê duyệt.

2. Phương án khả thi**2.1. Mua sắm máy móc thiết bị****2.1.1 Dự án đầu tư Máy đùn thổi màng bao bì****❖ Thông tin về sản phẩm:**

- Tên máy: Máy đùn thổi màng bao bì.
- Bề dày sản phẩm: từ 20-200 microns.
- Khổ sản phẩm LDPE 710 mm-tối đa 2,000 m.
- Năng suất bình quân 375 kg/giờ, quy ra khoảng 2.700 tấn/năm.
- Thời gian chế tạo: tối đa 6 tháng, kể từ ngày đặt cọc.
- Thời gian lắp ráp chạy thử nghiệm thu khoảng 2 tuần.
- Địa điểm lắp đặt: tại Nhà máy Bao bì số 1-Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Tp.Hồ Chí Minh trong nhà xưởng hiện hữu.
- Thiết bị máy thổi này sản xuất các dòng hàng mới của công ty như Stretch Hood dùng cho việc đóng gói kiện hiện đang sử dụng sản phẩm nhập khẩu, màng magazine cho xuất khẩu đóng bì, màng Hatty xuất khẩu thị trường Nhật Bản dùng trong đóng gói hàng hoá. Ngoài ra, sản xuất màng ghép trong nhóm màng đa lớp phục vụ cho những mặt hàng xuất khẩu, khách hàng khó tính.

❖ Sự cần thiết đầu tư:

- Hiện nay, mức tăng trưởng bình quân hàng năm trong lĩnh vực kinh doanh bao bì của Công ty là 25%-40%. Thị phần màng co của Công ty chiếm khoảng 60% thị trường Việt Nam. Các khách hàng lớn đã trúng thầu năm 2013 như Coca Cola, Pepsi, Nestle, Vinamilk, Dutchlady... đặc biệt là cung cấp sản phẩm Stretch Hood cho Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn-Quảng Ngãi. Phần lớn sản phẩm bao bì của công ty sản xuất và kinh doanh phục vụ các ngành sản xuất thực phẩm, bánh kẹo, sữa, trái cây khô, hải sản, thủy hải sản và màng bảo vệ thực vật.
- Thị trường tiêu thụ sản phẩm bao bì của Công ty chủ yếu là các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp thuộc Tp.Hồ Chí Minh và một số vùng lân cận ven đô như Biên Hòa, Tây Ninh, Long An, các tỉnh miền Tây và một số tỉnh ở miền Bắc. Thị trường xuất khẩu như Hà Lan, Nhật Bản.

- Với mức độ tăng trưởng hàng năm của các tập đoàn đa quốc gia, các công ty lớn năng lực hiện nay không đáp ứng.
- Việc đẩy mạnh mở rộng thị trường xuất khẩu, nghiên cứu các sản phẩm mới như Hatty, Stretch Hood hiện nay chưa đáp ứng được mặc dù nhu cầu thị trường khá lớn hiện tại Việt Nam chưa có công ty nào phát triển mảng sản phẩm này. Với thiết bị hiện nay Công ty chưa có khả năng cung ứng sản phẩm, lý do là công suất máy móc thiết bị còn thiếu, công nghệ chưa nâng cao kịp thời chưa tính đến vấn đề nhân lực có tay nghề cao. Về màng PE CO dự báo sẽ phát triển mạnh trong nước khi nhu cầu đóng gói tiết kiệm thay thế cho carton cho các ngành rượu bia, nước giải khát và có thể xuất khẩu sang các nước ASEAN như Thailand, Malaysia, Phillippines, Indonesia một khi giá cạnh tranh được. Do vậy, việc đầu tư máy thổi là cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 và các năm sắp tới.

❖ **Tổng mức đầu tư:**

Tổng vốn đầu tư cho thiết bị này là: 36.284.704.560 đồng, chi tiết như sau:

Bảng 24: Tổng mức đầu tư Máy thổi màng bao bì

Đơn vị tính: đồng

Vốn cố định	Giá trị
1. Chi phí nền móng, xây dựng thêm (0,2%)	72.424.560
2. Thiết bị đầu tư mới	36.212.280.000
Máy thổi 3 lớp	36.140.000.000
Chi phí lắp đặt	72.280.000
Tổng cộng	36.284.704.560

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

❖ **Nguồn vốn đầu tư:**

Bảng 25: Nguồn vốn đầu tư Máy thổi màng bao bì

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn đầu tư	Giá trị
1. Vay thương mại 70% (lãi suất 13%/năm)	25.298.000.000
2. Tự bổ sung 30% (nguồn vốn khấu hao + phát hành cổ phiếu)	10.986.704.560
Tổng cộng	36.284.704.560

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

❖ **Hiệu quả kinh tế:**

- Sản lượng hàng năm: gần 51 triệu m² bao bì các loại.
- Doanh thu bình quân hàng năm: 113,752 tỷ đồng (năm sản xuất ổn định chạy hết công suất).
- Lãi trước thuế: 11,050 tỷ đồng (năm sản xuất ổn định).

- Khả năng trả nợ vay hàng năm an toàn.
- Hiệu quả khác: Sản phẩm đã có thị trường ổn định, đáp ứng nhu cầu gia tăng thị phần và có tiềm năng xuất khẩu, tận dụng khai thác có hiệu quả cơ sở hạ tầng, nguồn lao động sẵn có, tăng thu nhập cho người lao động; giải quyết việc làm ổn định cho lao động, tiếp nhận được kỹ thuật công nghệ mới hiện đại, nâng cao trình độ tay nghề.

2.1.2 Đầu tư Máy sản xuất túi ba biên

❖ Thông tin sản phẩm:

- Hình thức máy: máy cắt dán túi biên, mô tơ Servo.
- Vật liệu sử dụng: Các màng nhựa phức hợp như BOPP, CPP, PET và Nylon, các loại màng đùn nhiều lớp, màng nhôm phôi, màng nhôm mạ và màng nhựa giấy phức hợp.
- Công dụng: đựng Bột ngọt, bánh kẹo, hạt điều, bột giặt, trái cây sấy, gạo.
- Địa điểm: Nhà máy Bao bì Số 1-Củ Chi, Tp.Hồ Chí Minh.

❖ Sự cần thiết đầu tư:

- Công ty hiện đang kinh doanh phân phối các sản phẩm loại này trong và ngoài nước.
- Năng lực khâu cắt dán của nhà máy hiện nay không đáp ứng đủ cho sản xuất cắt dán túi 3 biên trong thời điểm từ Quý II/2011 đến cuối năm 2011 và các năm sau.
- Yêu cầu rất cao của khách hàng đặc biệt là một số khách hàng mới có vốn đầu tư nước ngoài và một số khách hàng hiện tại về chất lượng, sản lượng và tiến độ giao hàng. Ngoài ra máy cắt dán hiện tại do đã sử dụng nhiều năm nên có tỷ lệ phế liệu loại ra sau khi cắt dán khá cao, đồng thời tiêu chuẩn sai số cũng cao hơn so với yêu cầu của khách hàng về sản phẩm.
- Đáp ứng yêu cầu tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường sản xuất kinh doanh bao bì.

Bảng 26: Dự báo nhu cầu túi ba biên

Đơn vị tính: 1.000 cái

Nhu cầu năm	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Nhu cầu túi cắt dán trên máy 3 biên	59.064	70.085	81.673	93.310	111.972
% Tăng trưởng	110%	118,6%	116,5%	114,2%	120,0%

(Số liệu trên căn cứ vào một số đơn hàng đã nhận trong năm, các khách hàng đã có kế hoạch và số liệu dự báo nhu cầu của các tháng tiếp theo tăng thêm 05%-08% so với hiện tại).

❖ Tổng mức đầu tư:

Bảng 27: Tổng mức đầu tư Máy sản xuất túi ba biên

Đơn vị tính: đồng

Vốn cố định	Giá trị
1. Xây dựng	2.761.500
2. Trang thiết bị	2.761.500.000
Trong đó: Máy cắt dán túi 3 biên	2.257.500.000

Thiết bị Option : Máy cắt định hình (túi bế) On line	504.000.000
Chi phí lắp đặt	138.075.000
3. Lãi vay vốn cố định trong giai đoạn triển khai dự án	231.966.000
4. Dự phòng	138.075.000
Tổng cộng	3.134.302.500

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

❖ **Nguồn vốn đầu tư:**

Bảng 28: Nguồn vốn đầu tư Máy sản xuất túi ba biên

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn đầu tư	Giá trị
1. Vay thương mại 70% (lãi suất 12%/năm)	1.933.050.000
2. Tự bổ sung 30% (nguồn vốn khấu hao + phát hành cổ phiếu)	1.201.252.500
Tổng cộng	3.134.302.500

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

❖ **Hiệu quả kinh tế:**

- Doanh thu hàng năm: 53.866.000.000 đồng (năm sản xuất ổn định).
- Lợi nhuận sau thuế: 1.427.000 đồng/năm.
- Thời gian thu hồi vốn: 3 năm.
- Mức hoạt động hòa vốn lý thuyết: 50,2%.
- Khả năng trả nợ vay an toàn.

2.1.3 Dự án đầu tư Máy in ống đồng 9 màu

❖ **Thông tin sản phẩm:**

- Số màu in: 9 màu.
- Thiết bị dự kiến mua theo hình thức đấu thầu, từ các nhà cung cấp nổi tiếng thế giới về sản xuất máy in bao bì tại Âu châu, Nhật, Hàn quốc...
- Địa điểm đầu tư: Nhà máy bao bì Nhựa số 1-Củ Chi, Tp.Hồ Chí Minh.
- Sản phẩm: màng bao bì nhựa các loại bằng chất liệu OPP/PA/PET/PVC PE v.v... nhiều cấu trúc có in, trong số này tập trung là Bao bì nhựa có in nhiều màu từ 7-9 màu, cấu trúc ghép phức hợp bằng nhiều loại chất liệu nhựa khác nhau đáp ứng yêu cầu riêng biệt của từng loại sản phẩm bao bì.
- Ứng dụng: bao bì in bằng màng PVC (chủ yếu) và gồm nhiều lớp nhựa khác như OPP/PE, OPP/PP (Mì gói), OPP/PE/MCPP (mì, bánh, sản phẩm snack), PET/PE (sate, bột giặt, chất tẩy rửa), PET/PE/AL/PE/LLDPE (màng cà phê 3 in 1, màng sữa bột, thực phẩm cao cấp v.v...).

❖ **Sự cần thiết đầu tư:**

- Xuất phát từ nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước ngày càng tăng nhất là các ngành sản xuất công nghiệp tiêu dùng, thực phẩm chế biến, sản phẩm nông nghiệp, hàng tiêu dùng, xuất khẩu thủy hải sản, tiểu thủ công nghiệp... hiện đang phát triển với tốc độ nhanh. Các ngành này phát triển thúc đẩy ngành sản xuất bao bì phát triển để phục vụ việc bao gói sản phẩm.
- Yêu cầu đổi mới kỹ thuật công nghệ. Tăng cường và đồng bộ hóa năng lực sản xuất hiện tại để đáp ứng kịp thời yêu cầu thị trường. Đáp ứng yêu cầu phải tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường, nhất là sức ép từ các công ty trong và ngoài nước đã và đang tăng cường đầu tư máy móc thiết bị mới cung cấp bao bì tại Việt Nam.
- Yêu cầu đa dạng hóa sản phẩm, hướng xuất khẩu: là định hướng của Công ty trong giai đoạn 2012-2017.

❖ **Tổng mức đầu tư:**

Bảng 29: Tổng mức đầu tư Máy in ống đồng 9 màu

Đơn vị tính: đồng

Vốn cố định	Giá trị
1. Xây dựng	
2. Trang thiết bị	44.710.680.000
Trong đó: Máy móc thiết bị chính	44.268.000.000
Chi phí lắp đặt, chạy thử	442.680.000
3. Lãi vay vốn cố định trong giai đoạn triển khai dự án (3 tháng chạy thử)	1.084.566.000
4. Dự phòng	104.754.000
Tổng cộng	45.900.000.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

❖ **Nguồn vốn đầu tư:**

Bảng 30: Nguồn vốn đầu tư Máy in ống đồng 9 màu

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn đầu tư	Giá trị
1. Vốn mua máy móc thiết bị chính	44.268.000.000
Vay thương mại 70% (lãi suất 14%/năm)	130.987.600.000
Tự bổ sung 30% (nguồn vốn khấu hao + phát hành cổ phiếu)	13.280.400.500
2. Vốn còn lại	1.632.000.000
Tổng cộng	45.900.000.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

❖ **Hiệu quả kinh tế:**

- Doanh thu hàng năm: 450.800.000.000 đồng (năm sản xuất ổn định).
- Lợi nhuận sau thuế: 21.680.950.184 đồng/năm.
- Thời gian thu hồi vốn: 3 năm 0,9 tháng.
- Mức hoạt động hòa vốn lý thuyết: 34%.
- Khả năng trả nợ vay an toàn.

Kết luận nhu cầu vốn: Để đáp ứng nguồn vốn chủ của Công ty thực hiện mua sắm 03 máy móc thiết bị nói trên, Công ty dự kiến huy động thêm từ việc phát hành cổ phiếu với giá trị là 22.336.394.350 đồng để thực hiện.

2.2. Dự án xây dựng Nhà máy Tiên Sơn-Bắc Ninh❖ **Thông tin về dự án đầu tư:**

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông.
- Hình thức: Chủ đầu tư trực tiếp xây dựng hạ tầng sản xuất kinh doanh.
- Vị trí địa lý: Nhà máy nhựa Tiên Sơn được xây dựng trong Khu công nghiệp Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh:
 - Phía Bắc giáp đất trống.
 - Phía Đông giáp khu đất của Công ty Shihen Việt Nam.
 - Phía Tây giáp khu đất của Công ty TNHH SX và TM Trọng Thành.
 - Phía Nam giáp trục đường TS7 của Khu công nghiệp Tiên Sơn.
- Tổng diện tích đất: 10.000 m².
- Diện tích xây dựng nhà xưởng: 3.000 m².
- Tổng mức vốn đầu tư dự kiến: 22.800.000.000 đồng.
- Thời gian thực hiện dự án dự kiến: Từ Quý III/2013 đến hết Quý I/2014.

❖ **Phương án khai thác dự án:**

Bảng 31: Kế hoạch sản xuất qua các năm

Khoản mục	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4
Công suất khai thác	70%	80%	100%	100%
Sản lượng màng EVA (m)	2.800.000	3.200.000	4.000.000	4.000.000
Sản lượng PE CO (kg)	504.000	576.000	720.000	720.000
Sản lượng Tôn (m)	476.000	544.000	680.000	680.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

❖ **Sự cần thiết đầu tư:**

Nhu cầu của thị trường ngày càng tăng, công nghệ thông tin ngày càng phát triển, giao thông thuận lợi tạo ra năng lực quản lý ngày càng được nâng cao cho các doanh nghiệp. Việc điều hành quản lý công việc giữa các cơ sở sản xuất không còn là vấn đề khó khăn của đơn vị.

Theo số liệu thống kê cũng như doanh số bán ra của doanh nghiệp qua các năm sản lượng hàng hóa bán ra đối với các sản phẩm màng EVA, PE CO và tole của đơn vị ở thị trường phía Bắc không ngừng gia tăng qua các năm. Phần lớn sản phẩm được sản xuất ở nhà máy tại ở Củ Chi Tp. HCM. Để được phân phối sản phẩm cần thiết phải vận chuyển hàng hóa ra ngoài thị trường tiêu thụ điều này làm ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm.

Năng lực sản xuất của nhà máy tại Củ Chi hiện nay đã hoạt động gần hết công suất thiết kế, không đủ cung cấp cho thị trường và kế hoạch xuất khẩu ra nước ngoài. Để sản phẩm sản xuất ngày càng đạt chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn sản phẩm xuất khẩu cần thiết đòi hỏi trang thiết bị. Các thiết bị hiện hữu cần phải thanh lý hoặc đưa đến một nơi sản xuất mới. Trên cơ sở đó, theo tính toán của ban quản lý việc di dời các thiết bị đến một địa điểm sản xuất thích hợp, kết quả sẽ mang lại lợi nhuận cao hơn cho doanh nghiệp.

Do đó, việc lựa chọn địa điểm đầu tư thích hợp mang lại hiệu quả kinh tế cao là điều mà Ban quản lý điều hành Công ty hướng đến.

❖ **Tổng mức đầu tư:**

Bảng 32: Tổng mức đầu tư Nhà máy Tiên Sơn

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế
I	Chi phí xây dựng	19.303.320	1.930.332	21.233.652
1	Phần xây	16.086.100	1.608.610	17.694.710
2	Phần điện	1.608.610	160.861	1.769.471
3	Phần nước	1.608.610	160.861	1.769.471
II	Chi phí mua sắm thiết bị	2.194.911	219.491	2.414.402
III	Chi phí quản lý dự án			
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	810.970	81.097	892.067
V	Chi phí khác	490.799	49.080	539.879
Tổng cộng		22.800.000	2.280.000	25.080.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

❖ **Nguồn vốn đầu tư:**

Bảng 33: Nguồn vốn đầu tư Nhà máy Tiên Sơn

Nguồn vốn	Tổng mức vốn (đồng)	Tỷ trọng	Chi phí sử dụng từng nguồn	Chi phí sử dụng vốn bình quân
1. Vốn vay trung dài hạn	12.459.956.400	37,3%	12,00%	4,48%
2. Vốn dài hạn tự bổ sung	10.340.043.292	31,0%	12,00%	3,72%
Tổng cộng	22.800.000.000	100%		

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

❖ **Kế hoạch vốn và thu hồi vốn dự án:**

- Huy động vốn theo tiến độ thực hiện.
- Khoản vốn được thu hồi thông qua khấu hao tài sản và lợi nhuận.
- Lợi nhuận sau khi trích các quỹ tài chính cần thiết, phần còn lại một phần sẽ được bổ sung vào vốn kinh doanh, phần còn lại phân chia trả cổ tức cho các cổ đông.
- Phần giá trị tài sản tăng lên sẽ thông qua ĐHCĐ phương án sử dụng.



❖ Phân tích tài chính của dự án:

Bảng 34: Tính khấu hao của dự án

Đơn vị tính: Triệu đồng

Năm	Toàn bộ dự án				Tổng cộng khấu hao
	Thiết bị mới	Thiết bị cũ	Nhà xưởng	Khác	
Nguyên giá	2.194.911	10.781.019	20.605.089		33.581.018
1	438.982	688.127	1.373.673		2.500.782
2	438.982	688.127	1.373.673		2.500.782
3	438.982	Hết khấu hao	1.373.673		1.812.655
4	438.982	Hết khấu hao	1.373.673		1.812.655
5	438.982	Hết khấu hao	1.373.673		1.812.655
6			1.373.673		1.373.673
7			1.373.673		1.373.673
8	0	0	1.373.673		1.373.673
9	0	0	1.373.673		1.373.673
10	0	0	1.373.673		1.373.673
Tổng cộng	2.194.911	1.376.255	13.736.726	0	17.307.891

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

Bảng 35: Sản lượng và doanh thu của dự án

Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Giá bán BQ (đồng)	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6	Năm 7	Năm 8
Sản lượng	Ngàn kg		<u>3.780</u>	<u>4.320</u>	<u>5.400</u>	<u>5.400</u>	<u>5.400</u>	<u>5.400</u>	<u>5.400</u>	<u>5.400</u>
	%		70%	80%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
Màng EVA	Ngàn mét		2.800	3.200	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000
PE CO	Ngàn kg		504	576	720	720	720	720	720	720
Tôn	Ngàn mét		476	544	680	680	680	680	680	680
Doanh thu	Triệu đồng		<u>42.322</u>	<u>48.368</u>	<u>60.460</u>	<u>60.460</u>	<u>60.460</u>	<u>60.460</u>	<u>60.460</u>	<u>60.460</u>
Màng EVA	Triệu đồng	3.150	8.820	10.080	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600
PE CO	Triệu đồng	40.500	20.412	23.328	29.160	29.160	29.160	29.160	29.160	29.160
Tôn	Triệu đồng	27.500	13.090	14.960	18.700	18.700	18.700	18.700	18.700	18.700

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

Bảng 36: Kết quả kinh doanh trong 8 năm đầu

Các yếu tố chi phí	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6	Năm 7	Năm 8
A. Biến phí	36.075	41.228	51.535	51.535	51.535	51.535	51.535	51.535
1. Nguyên vật liệu chính phụ	31.066	35.504	44.380	44.380	44.380	44.380	44.380	44.380
2. Nhiên liệu động lực	1.757	2.008	2.510	2.510	2.510	2.510	2.510	2.510
3. Lương & BHXH LĐTT	1.876	2.144	2.680	2.680	2.680	2.680	2.680	2.680
4. Lãi vay vốn lưu động	952	1.088	1.360	1.360	1.360	1.360	1.360	1.360
5. Chi phí bán hàng	423	484	605	605	605	605	605	605
B. Định phí	4.747	4.556	3.783	3.484	3.185	2.447	2.447	2.447
1. Khấu hao TSCĐ	2.501	2.501	1.813	1.813	1.813	1.374	1.374	1.374
2. Chi phí phân xưởng	328	375	469	469	469	469	469	469
3. Lãi vay vốn cố định của dự án	1.495	1.196	897	598	299	-	-	-
4. Chi phí quản lý	423	484	605	605	605	605	605	605
Tổng cộng	40.822	45.784	55.319	55.020	54.720	53.982	53.982	53.982
Lãi/Lỗ								
Các yếu tố chi phí	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6	Năm 7	Năm 8
1. Doanh thu thuần	42.322	48.368	60.460	60.460	60.460	60.460	60.460	60.460
2. Tổng chi phí	40.822	45.784	55.319	55.020	54.720	53.982	53.982	53.982
3. Lãi gộp	1.500	2.584	5.141	5.440	5.740	6.478	6.478	6.478
4. Thuế thu nhập (25%/P)	375	646	1.285	1.360	1.435	1.619	1.619	1.619
5. Lãi ròng = (3) - (4)	1.125	1.938	3.856	4.080	4.305	4.858	4.858	4.858

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

Bảng 37: Dòng tiền dự án trong 10 năm

Dòng tiền	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Vốn đầu tư ban đầu	22.800									
Trả nợ vay	-	2.492	2.492	2.492	2.492	2.492				
Dòng tiền ra	22.800	2.492	2.492	2.492	2.492	2.492	-	-	-	-
Lợi nhuận	-	1.125	1.938	3.856	4.080	4.305	4.858	4.858	4.858	4.858
Vốn Vay	12.460									
Khấu hao	-	2.501	2.501	1.813	1.813	1.813	1.374	1.374	1.374	1.374
Dòng tiền vào	12.460	3.626	4.439	5.669	5.893	6.117	6.232	6.232	6.232	6.232
Dòng tiền thuần	(10.340)	1.134	1.947	3.177	3.401	3.625	6.232	6.232	6.232	6.232
NPV (10,96%, 10 năm)	10.491									
IRR	16,80%									

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

❖ **Hiệu quả kinh tế của dự án:**

- Kết quả khi đầu tư dự án mang lại hiệu quả kinh tế cho chủ đầu tư, duy trì mức lợi nhuận ổn định 6,9%/doanh thu.
- Dòng tiền của dự án được tính cho suốt thời gian 10 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động. Việc tính toán được bỏ qua yếu tố lạm phát và phát sinh trong quá trình xây dựng. Dòng tiền phát sinh trong năm được quy về cuối năm để tính toán.
- Vòng đời tính toán của dự án là: 10 năm.
- Căn cứ vào các nguồn vốn phục vụ đầu tư, suất chiết khấu bình quân: 12%.

Bảng 38: Các chỉ tiêu tài chính của dự án

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả
1	Sản lượng sản xuất bình quân hàng năm	Kg	5.400.000
2	Doanh thu bình quân hàng năm	đồng	56.700.000.000
3	Lợi nhuận ròng bình quân hàng năm	đồng	3.700.000.000
4	Hiện giá thu nhập thuần (NPV)	đồng	10.491.000.000
5	Suất thu hồi vốn nội bộ (IRR)	%	16,8%
6	Thời gian hoàn vốn	năm	10 năm 10 tháng

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

Kết luận nhu cầu vốn: Để đáp ứng nguồn vốn chủ của Công ty thực hiện đầu tư Dự án xây dựng Nhà máy Tiên Sơn-Bắc Ninh, Công ty dự kiến huy động thêm từ việc phát hành cổ phiếu với giá trị là 6.413.605.650 đồng để thực hiện.

2.3. Kết luận

- Việc đầu tư mua sắm máy móc thiết bị mới như: Máy sản xuất màng bao bì 3 lớp, Máy sản xuất túi ba biên, Máy in ống đồng 9 màu được kỳ vọng sẽ mang lại sự tăng trưởng cho hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty, giúp nhà máy Công ty tăng sản lượng và doanh thu đáp ứng theo nhu cầu của thị trường cho các năm tới, đáp ứng yêu cầu khắt khe về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm của khách hàng đặc biệt là các công ty có vốn nước ngoài có quy mô lớn, các khách hàng xuất khẩu.
- Ngoài ra, việc đầu tư thiết bị mới sẽ giúp sản xuất được các sản phẩm có độ chuẩn xác cao về kích thước, giúp giảm tỷ lệ phế liệu, hạ giá thành sản phẩm đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty là yếu tố có vai trò quyết định hiện nay trên thị trường.
- Dự án xây dựng mới Nhà máy Tiên Sơn sẽ giúp Công ty tiết kiệm được chi phí vận chuyển trong việc mở rộng thị trường khu vực phía Bắc. Ngoài ra, đầu tư mới và nâng cấp máy móc thiết bị sản xuất tại nhà máy mới sẽ mang lại kết quả lợi nhuận cao hơn cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, dự án còn có lợi ích xã hội cao khi tạo công ăn việc làm thường xuyên cho khoảng 120 lao động trong cộng đồng và góp phần tăng giá trị sản xuất kinh doanh của cả nước.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổng số tiền huy động từ đợt chào bán dự kiến là 28.750.000.000 đồng, Công ty sẽ sử dụng toàn bộ số tiền huy động được để bổ sung vào nhu cầu vốn đầu tư trong giai đoạn 2013-2015, trong đó dùng để mua sắm máy móc thiết bị và tài trợ Dự án xây dựng Nhà máy Tiên Sơn, cụ thể như sau:

Bảng 39: Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	Nhu cầu vốn dự kiến	Sử dụng từ đợt chào bán lần này
1	Mua sắm máy móc thiết bị	85.319.007.060	22.336.394.350
2	Dự án xây dựng Nhà máy Tiên Sơn	22.800.000.000	6.413.605.650
Tổng cộng		193.438.014.120	28.750.000.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông)

Đây là đợt phát hành không có bảo lãnh phát hành, nếu đợt phát hành cổ phiếu không thành công thì Công ty sẽ không thu được số tiền dự kiến cần huy động thêm, điều này sẽ ảnh hưởng đến kế hoạch tài trợ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh như dự kiến.

Trong trường hợp cổ phiếu chào bán không được mua hết và số tiền thu được không đủ để tài trợ cho mục đích chào bán của Công ty, thì Công ty sẽ tìm kiếm các nguồn vốn tài trợ khác (như từ từ các tổ chức tín dụng hoặc các nguồn khác...) để tiếp tục thực hiện kế hoạch đầu tư của Công ty.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

❖ Trụ sở chính:

- Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 3934 3137
- Fax: (84-4) 3936 0262
- Website: www.vCBS.com.vn
- Email: vcbs@vcbs.com.vn

❖ Chi nhánh tại Tp.Đà Nẵng:

- Địa chỉ: 10 Hải Phòng, Quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng
- Điện thoại: (84-511) 388 8991
- Fax: (84-511) 388 8881

❖ Chi nhánh tại Tp.Hồ Chí Minh:

- Địa chỉ: 70 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-8) 3820 7816

▪ Fax: (84-8) 3820 8117

❖ **Chi nhánh tại Cần Thơ:**

- Địa chỉ: 2 Đại lộ Hòa Bình, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
- Điện thoại: (84-710) 3750 888
- Fax: (84-710) 3750 878

❖ **Chi nhánh tại Vũng Tàu**

- Địa chỉ: 27 Lê Lợi, Tp.Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
- Điện thoại: (84-64) 351 3974
- Fax: (84-64) 351 3979

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 24/02/2002. Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 09/GPHĐKD do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 24/02/2002.

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT (AASCN)

- Địa chỉ: 29 Hoàng Sa, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-8) 3910 3908
- Fax: (84-8) 3910 4880

3. Ý kiến của tổ chức tư vấn

❖ **Về đợt chào bán:**

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán.

Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông là một trong những doanh nghiệp hàng đầu, tiên phong trong ngành sản xuất bao bì nhựa, đặc biệt là các sản phẩm như màng mỏng PVC, giả da, tấm lọc... Với công nghệ sản xuất hiện đại, Công ty có thể ứng dụng đa công nghệ vào quy trình sản xuất như cán-tráng, ép đùn, ép phun, tráng ghép. Đặc biệt đối với sản phẩm giả da phục vụ trong ngành giày dép có khả năng sản xuất trên cả hai công nghệ cán-tráng nhằm nâng cao năng lực sản xuất cũng như tạo ra sản phẩm chất lượng cao.

Hiện nay, mức tăng trưởng bình quân hàng năm trong lĩnh vực kinh doanh bao bì của công ty là 25%-40%. Thị phần màng đi mưa của Công ty chiếm khoảng 60% thị trường Việt Nam. Trong năm 2013, Công ty đã trúng thầu cung cấp sản phẩm cho một số khách hàng lớn như Coca Cola, Pepsi, Nestle, Vinamilk, Dutchlady... Đặc biệt là sản phẩm Stretch Hood cung cấp cho Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn-Quảng Ngãi. Phần lớn sản phẩm bao bì của Công ty sản xuất và kinh doanh phục vụ các ngành sản xuất thực phẩm, bánh kẹo, sữa, trái cây khô, hải sản, thủy hải sản và màng bảo vệ thực vật.

Bên cạnh đó, Công ty còn ứng dụng công nghệ sản xuất tiên tiến của Nhật Bản, Đài Loan, Châu Âu để sản xuất các sản phẩm bao bì đảm bảo theo tiêu chuẩn GMP, HACCP cũng như tuân

thủ chặt chẽ hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000. Với uy tín nhãn hiệu trên thị trường, Nhựa Rạng Đông nhận được nhiều sự quan tâm, lựa chọn sử dụng và đánh giá cao từ phía nhà tiêu dùng.

Nguồn vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu lần này, chủ yếu dùng để mua sắm máy móc thiết bị và tài trợ Dự án xây dựng Nhà máy Tiên Sơn-Bắc Ninh, từ đó nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh và tăng tính cạnh tranh của Công ty trên thị trường.

Khối lượng chào bán đợt này ở quy mô trung bình với 2.875.000 cổ phiếu, tương đương 28,75 tỷ đồng, chiếm 25% vốn điều lệ hiện tại của Công ty. Giá chào bán thấp so với thị giá cổ phiếu, là một cơ hội tốt để cổ đông/nhà đầu tư gia tăng vốn góp vào Công ty. Hơn nữa, đối tượng được mua cổ phiếu là tất cả các cổ đông hiện hữu của Công ty tại ngày chốt danh sách hưởng quyền mua.

Với những nhận định trên, Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS) cho rằng đợt chào bán 2.875.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là phù hợp với nhu cầu vốn cũng như phù hợp với định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông trong thời gian tới.

Tuy đợt chào bán lần này không được bảo lãnh phát hành, nhưng với sự phục hồi của thị trường chứng khoán trong thời gian gần đây cộng với việc Công ty chào bán với giá khá hấp dẫn 10.000 đồng/cổ phiếu trong khi giá thị trường tại thời điểm 15/11/2013 là 14.500 đồng/cổ phiếu thì VCBS cho rằng đây là cơ hội tốt cho cổ đông/nhà đầu tư sở hữu thêm cổ phiếu RDP và khả năng Công ty chào bán thành công cao.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

❖ **Đại lý phát hành:**

Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông sẽ phối hợp với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) phân phối và thông báo quyền mua cho các cổ đông thông qua các công ty chứng khoán thành viên. Trường hợp cổ đông chưa lưu ký, Công ty sẽ thông báo và phân bổ quyền mua trực tiếp đến từng cổ đông.

❖ **Các khoản phí và điều kiện kèm theo:**

Cổ đông sau khi nhận được thông báo về quyền mua, nộp tiền mua cổ phiếu tại công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch (đối với cổ đông đã lưu ký) hoặc tại Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông (đối với cổ đông chưa lưu ký). Giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng. Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông sẽ phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung để sớm đưa số lượng cổ phiếu phát hành thêm vào giao dịch.

IX. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục 1:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. **Phụ lục 2:** Bản sao hợp lệ Điều lệ tổ chức và hoạt động
3. **Phụ lục 3:** BCKT năm 2011 và 2012, BCTC tại 30/09/2013
4. **Phụ lục 4:** Nghị quyết ĐHĐCĐ số 2976/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/11/2013 thông qua phương án chào bán
5. **Phụ lục 5:** Biên bản kiểm phiếu biểu quyết lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
6. **Phụ lục 6:** Nghị quyết HĐQT số 3045/NQ-HĐQT ngày 15/11/2013 về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu
7. **Phụ lục 7:** Nghị quyết HĐQT số 3227/NQ-HĐQT ngày 29/11/2013 về việc thông qua nguyên tắc xác định giá chào bán, tỷ lệ chào bán thành công và phương án xử lý trong trường hợp chào bán không đạt tỷ lệ chào bán thành công hoặc không thu đủ số tiền tối thiểu như dự kiến
8. **Phụ lục 8:** Phương án khả thi
9. **Phụ lục 9:** Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, BTGD, KTT và BKS



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 12 năm 2013

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC**



HỒ ĐỨC LAM



TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN HẠNH BẢO PHÚC

NGUYỄN ĐỨC HẢI

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM (VCBS)
GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH**



LÊ VĂN MINH